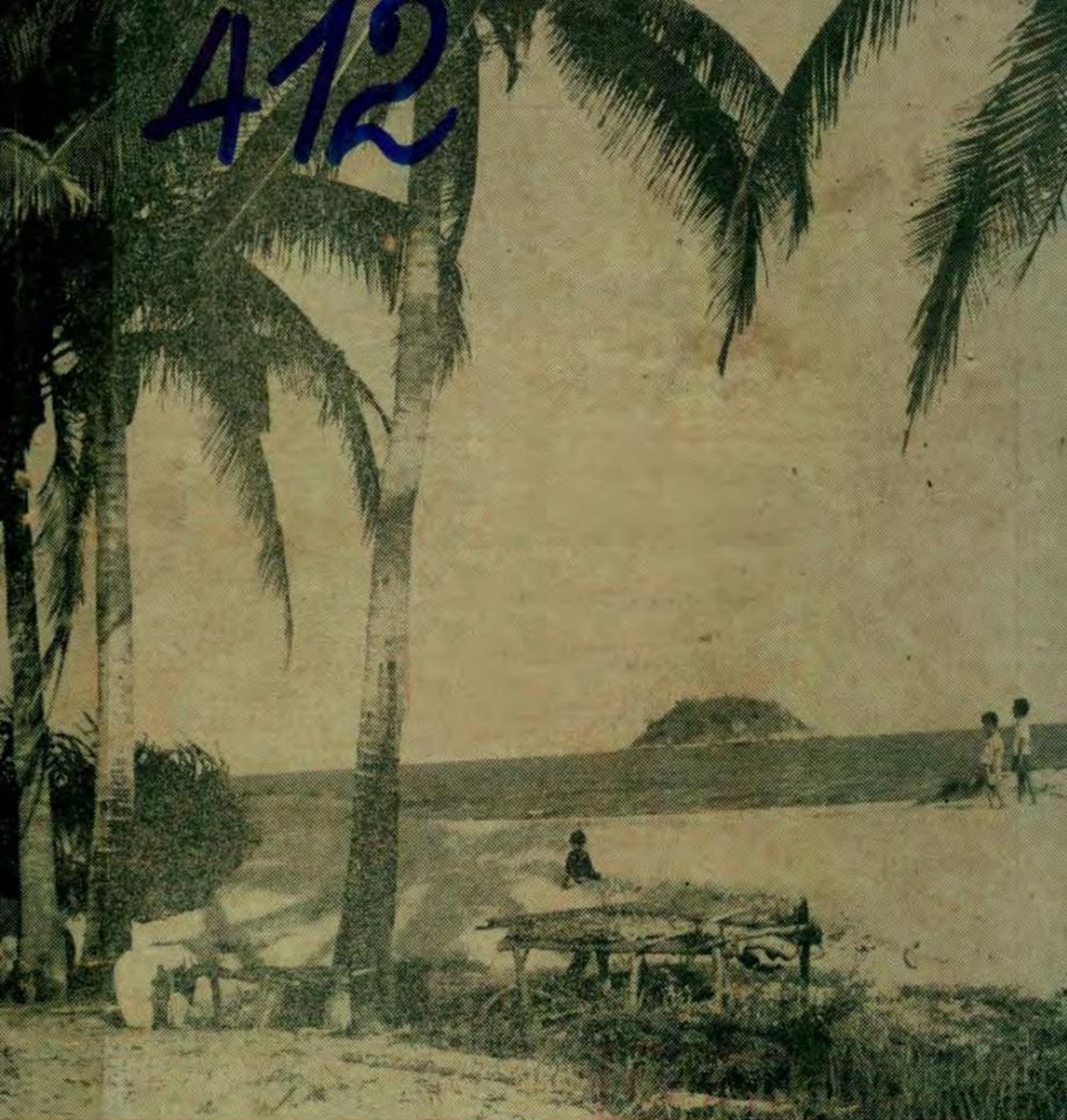




*Phép lạ Kissinger và chuyến đi của Nixon **
2 bài thơ làm rung động chế độ thực dân
** Văn học Hán Nôm trên đất Đồng nai*

BACH KHOA

G I A I P H Ạ M

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẮT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG

2.300đ.

MỘT NĂM

4.500đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung thêm cước phí máy bay một năm : 600đ (mỗi số 25đ.)

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 1.560đ

* Ngoại quốc đường hàng không, từ 22-7-74, mỗi số :

Gửi đi Kampuchia : 90đ.

— Ai-lao : 90đ.

— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v..) : 140đ.

— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc : 190đ.

— Âu-châu, Bắc Phi

Trung Đông, Đại-dương-châu

Úc, Tân-Tây-Lan v.v... : 365đ

— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại : 440đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

oOo

1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	10.000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5.000đ
1/3 trang trong	:	mỗi kỳ	:	4.000đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3.000đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Bách Khoa, 160 Phan-Đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

L*:

TỪ MINH từ « phép lạ » Kissinger đến các cuộc du hành của Tổng Thống Nixon	05
NGUYỄN VĂN HẦU bước đầu của văn học « Hán Nôm » trên đất Đồng nai	13
PHẠM LONG ĐIỀN hai tập thơ bình dân đã làm rung rinh chế độ thực dân miền Nam vào đầu thế kỷ 20	17
TRẦN NGỌC NINH ngọn lửa và trái tim (Hồi kí về nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh)	23
LÊ VĂN SIÊU nhóm Hàn Thuyên và cuộc Tân Văn hóa (1939-1945)	31
NGUYỄN VĂN XUÂN ai là diễn giả bản : « Chính phụ ngâm diễn âm tân khúc ? »	45
MINH ĐỨC HOÀI TRINH lá thư nước ngoài	55
VÔ ƯU trường hợp của Thư (truyện ngắn)	61
MINH ĐỨC HOÀI TRINH cuồng phong (thơ)	72
PHẠM TĂNG một chuyến đi (thơ)	73
PHÙ SINH những đám mây đen (truyện ngắn)	75
SINH HOẠT	
TỬ DIỆP thời sự khoa học	79
THU THỦY Đỗ Trọng Huề với đề tài : « Nghệ thuật và chúng ta »	81
VĂN THANH trình bày bìa (hình ảnh : Hòn Bà, Bình Tuy, nhìn từ bãi Tân Long)	

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Địa-chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ DẰNG
21 Nguyễn Thiện Thuật — Saigon
GIÁ : 200\$ Công sở : 400\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 25\$ mỗi số

Sách nhận được trước 1-8-74

Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Ký giả chuyên nghiệp nguyên tác : « The professional journalist » của John Hohenberg, Bản dịch Việt văn của Lê Thái Bằng và Lê Đình Điều do Hiện-Đại Thư-xã xuất bản và gửi tặng. Lý thuyết và thực hành trong các ngành Truyền thông Đại chúng, dày 640 trang gồm 4 phần : Thẻ thức căn bản trong nghề báo, Ký giả hành văn. Những nguyên tắc của nghề phóng viên, Báo chí diễn giải. Giá 1000đ.

— Những vấn đề của thời đại của Nguyễn Hiến Lê do Mặt Đất xuất bản và gửi tặng. Sách dày 200 trang gồm 4 chương. Hai nguyên cơ của nhân loại : sự bộc phát dân số sự nhiễm uế của hoàn giới, Thanh niên Pháp hiện nay muốn gì ? Năm 2.000 sẽ ra sao ? 4 thời đại của nhân loại. Giá 600đ.

— Bài học Israël của Nguyễn Hiến Lê, do Duy Tuệ xuất bản và gửi tặng. Sách tái bản lần thứ 1 dày 406 trang gồm 3 phần : Dân tộc Do thái, Sự thành lập quốc gia Israël và Quốc gia Israël. Có thêm 50 trang về tình hình Do thái và Ả-rập từ 1967 đến cuộc chiến thứ 4 1973. Bản đặc biệt. Giá bán thường : 1050đ.

— Ngôi nhà của Matriona : nguyên tác của Soljenitsyne, Nguyễn Văn Sơn dịch và giới thiệu. Nhà xuất bản Trẻ ấn hành trong Tủ sách Văn học Thế-giới và gửi tặng. Sách dày 140 trang gồm 2 truyện ngắn đặc sắc, bìa của Nguyễn Đồng. Giá 450đ.

— Con Kỳ lân cuối cùng, nguyên tác : « The last unicorn » của Peter S. Beagle, bản dịch Việt văn của Đoàn Quốc Sỹ, do Hiện-Đại Thư-xã xuất bản và gửi tặng. Sách dày 286 trang kể lại câu chuyện phiêu lưu của con kỳ-lân duy nhất còn sót lại trên mặt đất đi tìm đồng loại. Giá 400đ.

— Tin yêu Giai phẩm Hè 74 trường Trung học Phù Cát, do G.s. Nguyễn Ngọc Min hướng dẫn thực hiện và gửi tặng. Mỗi số dày 66 trang in ronéo rất đẹp gồm những bài tiểu luận, biên khảo, đoản văn, thơ truyện và sinh hoạt học đường.

— Mưa bão nghìn xưa tập thơ của Phan Sỹ Hoè do tác giả xuất bản và gửi tặng. Tập thơ thứ 2 của tác giả dày 70 trang gồm trên 40 bài thơ. Hình bìa của họa sĩ Nam Phương. Bản đặc biệt.

— Khi ta giầy da áo trận tập thơ của Như Anh Nguyễn tặng Vinh do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 60 trang gồm 33 bài thơ. Bản đặc biệt. Giá 300 đ.

— Thơ tình, tập thơ của Trịnh Bửu Hoài do Khai Phá xuất bản và tác giả gửi tặng. Thi phẩm đầu tay của tác giả dày 80 trang gồm 22 bài thơ. Bản đặc biệt. Giá 400 đ.

— Nội san trường Bưởi—Bộ mới, số 1-Giáp Dần-1974 Tiếng nói của Hội Ái hữu học sinh trường Bưởi và Chu văn An do Ô. Ô. Lê Đình Chung và Phạm Quang Khai chủ trương, Ô.Ô. Hoàng Ung, Đỗ Lộc thực hiện. Mỗi số khổ 21 x 28 dày 80 trang gồm nhiều bài biên khảo và thơ văn của các cây bút quen thuộc vốn là cựu học sinh trường Bưởi : Lãng Nhân, Nguyễn Tiến Lãng, Bằng Bá Lân, Phạm Trọng Nhân, Lương Danh Môn, Trần Văn Bằng v.v..

Từ phép lạ Kissinger tới các cuộc du hành của Nixon

• T U R M I N H

Cuối tháng 5-1974 vừa qua Ngoại-trưởng Hoa-kỳ Henry Kissinger đã thực hiện được một điều, mà trên thế-giới người ta khó có thể tưởng tượng được, là đưa Do-thái và Syrie tới bàn hội-nghị để ký một thỏa-ước rút quân. Từ khi Do-thái lập quốc vào năm 1948 tới nay, Syrie đã luôn luôn tỏ ra là một kẻ thù bất cộng đái thiên của tân quốc-gia này. Các lãnh-tụ Syrie, như Tổng-Thống Assad, đã là những người cứng rắn nhất trong thái độ bất nhượng bộ đối với Do-thái. Nhưng khi Ngoại-trưởng Kissinger thành công trong việc đưa đại-diện của hai quốc-gia này tới bàn hội-nghị Genève để ký tên vào bản thỏa-hiệp rút quân thì cả thế-giới đã phải lên tiếng ca ngợi « phép lạ Kissinger ».

Với « phép lạ Kissinger » uy tín của Tổng Thống Nixon đã được tăng

lên đôi chút và ông Nixon đã cố gắng khai thác những thành quả ngoại-giao mới mẻ này để đương đầu với Quốc-hội Hoa-kỳ trong vụ Watergate. Nhằm mục đích lật ngược thế cờ trong khi Quốc-hội đang cứu xét hồ-sơ truất phế ông, Tổng Thống Nixon đã mở một chiến-dịch du-hành ngoại-giao để đi viếng 5 quốc-gia Trung-Đông và Nga-xô. Những người đối lập đã gọi những hoạt-động của ông Nixon là « chính-sách ngoại-giao truất phế » (Impeachment diplomacy). Nhưng dù là « chính-sách ngoại-giao truất-phế » đi nữa thì các hoạt động hiện thời của ông Nixon cũng đã giúp ông tranh thủ được thêm thời gian để tính chuyện thoát khỏi vòng vây mà phe đối lập giăng ra quanh ông từ nhiều tháng nay.

I. PHÉP LẠ KISSINGER TẠI TRUNG ĐÔNG

Trong niên sử ngoại-giao thế-giới có lẽ chưa có một nhà ngoại giao nào hoạt động hăng say và tích cực bằng Ngoại-trưởng Hoa-kỳ Henry Kissinger. Các hoạt động này đã được cả thế-giới khâm phục khi ông Kissinger bay từ Hoa-thịnh-đốn qua Ba-lê và từ Ba-lê về Hoa-thịnh-đốn như người đi chợ để giải quyết vấn-đề Việt-nam.

Tháng 1-1973 chiến cuộc Việt-nam tạm thời chấm dứt nhưng ông

Kissinger vẫn chưa có thì giờ nghỉ ngơi. Vì tiếng súng chưa im bặt ở Đông-Dương thì chiến tranh đã lại bùng nổ tại Trung-Đông vào tháng 10-1973. Một lần nữa người ta lại thấy ông Kissinger tất ta tất tưởi, đi đi lại lại, hết Mạc-tur-khoa đến Le Caire, hết Le Caire đến Bắc-Kinh... Khi tiếng súng Trung Đông ngừng nổ thì ông Kissinger đã phải nghỉ ngay tới một kế-hoạch ổn-định tình-hình tại vùng này. Để đi tới một nền hòa-bình lâu dài ở Trung

Đông, tham vọng của ông là đưa các quốc gia Do-thái và Ả-Rập, trước kia là những kẻ thù không đội trời chung, tới bàn hội-nghị để ký kết một thỏa-ước.

Vào đầu năm nay ông đã thực hiện được thỏa-ước rút quân mà cả hai nước Do-thái và Ai-cập đều chịu ký kết. Nhưng thỏa-ước này không phải là một thành quả lớn của Henry Kissinger vì Tổng-Thống Ai-Cập Sadate có tiếng là một người mềm dẻo luôn luôn kiếm tìm một sự giằng xé hòa hoãn. Nhưng khi ông Sadate chịu ký thỏa-ước này các nước Ả-rập anh em của ông đã nhao nhao phản đối cho rằng ông bán đứng quốc-gia cho Do-Thái. Muốn hòa-bình được vững chắc hơn tại Trung Đông người ta cần phải có sự tham gia của Syrie. Nhưng Syrie lại là một nước cường tín nhất. Chính phủ Syrie của Tổng-Thống Assad không đòi hỏi gì ít hơn là đánh đuổi hết cái người Do-thái ra khỏi Palestine! Hơn nữa từ nhiều năm nay chính-phủ Syrie hiện vẫn xây dựng trên một lực lượng gọi là « Mặt-trận quốc-gia cấp-tiến » gồm các thành phần của đảng Xã-hội (Baath) và của đảng Cộng-sản. Do đó Syrie đã cứng rắn lại thêm được Nga xúi bẩy nên lập trường càng khó lay chuyển hơn.

Nhưng ông Kissinger đã mạnh dạn bắt tay vào việc khắc phục những khó khăn này. Ông đã cùng với bà vợ mới cưới, Nancy, sang ở li bên Trung Đông suốt 28 ngày trời. Trong khoảng thời gian này, ông đã sang

thủ-đô Do-thái, Jerusalem, nghe quan điểm của các lãnh tụ Do-thái đề sang trình bày với các lãnh tụ Syrie tại Damas xong, lại trở lại Jerusalem để trình bày những đòi hỏi của chính-phủ Syrie. Các báo chí gọi những hoạt động này là chính-sách « đưa thoi » ngoại giao (shuttle). Nhưng nhờ chính sách đưa thoi này mà Henry Kissinger đã làm cho Syrie và Do-thái xích lại gần nhau được.

Ông đã hội đàm cả thảy 85 tiếng đồng hồ với Tổng Thống Assad và 40 giờ với bà Golda Meir, cựu Thủ-tướng Do-thái. Khi cả hai bên đặt bút xuống ký vào bản thỏa-ước, người ta hiểu rằng không phải là họ đã gạt bỏ được mối thù hận cũ mà chỉ vì họ tin tưởng ở Henry Kissinger. Họ tin rằng chỉ làm theo lời khuyên của Henry Kissinger họ mới tái lập được nền hòa bình trường cửu tại Trung Đông.

Theo thỏa-ước rút quân thì Syrie thu hồi lại được 300 dặm vuông đã bị mất trong cuộc chiến tranh tháng 10 vừa qua. Đất đai thu hồi này là những nông trại phì nhiêu nên rất có lợi cho nền kinh-tế của Syrie.

Ngoài ra Syrie cũng thu hồi được một vài địa-diểm trên rặng đồi Golan mà Do-thái đã chiếm được vào tháng 6-1967. Địa-diểm quan trọng nhất được trả về cho Syrie là thị trấn Quneitra. Sau hết với thỏa-hiệp này Syrie hy vọng mở cửa để tư bản Tây-phương, nhất là tư bản Mỹ, đầu tư vào Syrie.

Thỏa-ước rút quân dự trừ việc trao đổi tù binh. Syrie trả cho Do

Thái 68 tù binh và Do thái trả lại cho Syrie 382 tù binh.

Một lực lượng quân-sự Liên-Hiệp-Quốc gồm 1250 người được gửi tới trấn đóng tại một vùng trái độn giữa ranh giới hai quốc-gia để kiểm soát việc thực thi thỏa-ước đình chiến.

Thỏa-hiệp giữa Syrie và Do-thái đã được vui vẻ đón nhận tại Trung Đông. Ông Sadate, Tổng Thống Ai-Cập, đã tuyên bố rằng ông rất lấy làm hãnh diện được là bạn và là anh em với Kissinger. Với Syrie chấp thuận ký thỏa ước, ông Sadate không còn là người Ả-Rập duy nhất bắt tay với Do-Thái nữa. Đi tới đâu Henry Kissinger cũng được các nam lãnh-tụ Ả-Rập ôm hôn nồng nhiệt đến nỗi khi ông tới Do thái hôn bà Golda Meir, bà này đã nói đùa rằng: "Tôi không ngờ ông cũng biết hôn cả đàn bà."

Ông Kissinger đã được người ta quý trọng đến nỗi Tổng Thống Syrie đã hủy bỏ bữa tiệc khoản đãi Ngoại-trưởng Nga Gromyko để dành cả buổi chiều hàn huyên với Ngoại-trưởng Hoa-kỳ. Tại Hoa-kỳ uy tín của ông đã lên mạnh đến

nổi qua các cuộc thăm dò dư luận thì 85% dân chúng Mỹ đã ủng hộ ông trong khi chỉ có 37% ủng hộ Tổng Thống Nixon. 3/4 dân chúng Hoa-kỳ đều muốn ông tiếp tục làm Ngoại-trưởng dưới bất cứ Tổng Thống nào.

Henry Kissinger đã thực hiện «phép lạ» với một giá rất cao. Người ta ít khi thấy một vị Ngoại-trưởng Hoa kỳ phải rời Hoa-thịnh-đốn cả tháng trời. Ông đã phải đi tới 38.000 cây số trong 28 ngày và bà vợ mới cưới, Nancy Kissinger, khi về tới Hoa-thịnh-đốn, đã phải vào bệnh viện tâm trí để nghỉ ngơi cho tinh thần bớt căng thẳng sau những ngày hoạt động.

Sau thành quả ngoại giao lừng lẫy được tại Trung-Đông, thanh thế của Hoa-kỳ trên trường quốc-tế đột nhiên trở thành lầy lùnh trên thế-giới. Vì vậy mà Tổng Thống Nixon đã vội vã tìm cách khai thác những thành-quả này để đối phó với các khó khăn tại quốc nội. Ông quyết định sang Trung Đông để cùng hưởng với Kissinger sự thần phục của dân Ả-Rập và sau đó lên đường đi Mạc-tư-khoa để đánh dấu giai đoạn hòa-dịu quốc-tế.

II. CHÍNH SÁCH « NGOẠI GIAO TRUẤT PHỄ » CỦA TỔNG THỐNG RICHARD NIXON

Để thoát khỏi các mưu toan nhằm truất phễ ông, Tổng Thống Hoa-kỳ Richard Nixon đã quyết định mở một chuyến du hành ngoại-giao đại qui-mô. Cuộc du hành này gồm có

3 giai đoạn : Giai đoạn thứ nhất là viếng thăm Trung-Đông để được đón tiếp nồng nhiệt hầu tăng cường uy tín cá nhân. Giai-đoạn thứ hai là tới thủ-đô Li, Bruxelles, để kỷ niệm

25 năm thành lập Minh-trước Bắc Đại-Tây-Dương hầu xiết chặt tình đoàn kết giữa các quốc-gia đồng-minh Tây-phương. Và giai đoạn thứ ba là sang Mạc-tư-khoa đương đầu với các lãnh-tụ Nga.

Chính-sách này bị phe đối-lập mệnh-danh là "chính sách ngoại-giao truất phế" nhưng trên thực tế "chính sách truất phế" của Nixon đã thu về cho Hoa-kỳ một uy tín rất lớn trên trường quốc-tế. Uy tín này, ông Nixon nhờ một cơ hội đặc biệt mà được hưởng một mình, khỏi cần chia xẻ với vị Ngoại trưởng quá xuất sắc của ông.

Thật vậy, trước khi ông Nixon lên đường sang Trung Đông nhiều người đã cho rằng ông đi chuyến này để hưởng thụ một bữa cỗ mà Henry Kissinger đã dọn sẵn. Nhưng chẳng may cho Kissinger là gần tới ngày ra đi thì một số báo chí đã tung ra cái tin rằng chính ông cũng dính líu tới các vụ nghe lén điện-thoại và đã đưa cho cơ quan mật vụ danh sách 17 người cộng-sự-viên của ông tại Hội-đồng An-ninh Quốc-gia cũng như một số ký-giả để cơ-quan này nghe lén điện-thoại.

Ông Kissinger đã phản-ứng lại hết sức mạnh mẽ. Nhưng người ta nhận thấy trong phản-ứng của Kissinger có một điểm hết sức kỳ lạ là ông đợi đến khi Tổng-Thống Nixon và đoàn tùy tùng tới Sazbourg ở Áo-quốc mới mở cuộc họp báo để giải thích. Trong buổi họp báo này người ta đã thấy một Henry Kissinger, mặt đỏ

gay, hăm hăm tức giận. Ông loan báo là ông đã xin Thượng-viện điều tra và tuyên bố là nếu danh dự của ông tiếp tục bị xúc phạm thì ông sẽ từ chức.

Các quan sát viên đoán rằng hình như có sự tranh chấp nào đó giữa hai ông Nixon và Kissinger. Vì nếu không thì tại sao ông Kissinger lại đợi đến khi Tổng Thống Nixon đến Sazbourg, một ngày trước khi lên đường qua Le Caire, mới đánh một đòn quảng cáo như vậy. Ngoài ra cũng không phải là lúc gọi tới vụ Watergate khi mà Tổng Thống Nixon sang Trung-Đông để cho dư-luận trong nước quên lãng vụ này. Vì vậy mà Tổng Thống Nixon đã có một thái độ rất lạnh nhạt trước các cử chỉ của Henry Kissinger. Ông tuyên bố rằng "Nếu Henry muốn thanh minh thì cái đó là quyền của ông ta".

Nhưng khi Tổng Thống Nixon tới Le Caire ông đã được một triệu dân Ai-cập đón tiếp nồng nhiệt. Sự ái mộ của dân chúng đã vượt quá mức dự trù của chính-phủ Ai-cập. Ngay tại phi-trường, Tổng Thống Ai-cập Anwar Sadate đã tuyên bố bằng Anh-ngữ rằng từ khi lên cầm quyền tới nay ông luôn luôn chờ đợi ngày vĩ-đại này. Chính phủ Ai-cập cũng dành cho Tổng Thống Nixon những nghi-lễ long trọng nhất. Điện Kubbeh, nơi phế vương Farouk cư ngụ ngày trước, được trang hoàng và thiết trí lại để dành cho ông

(xem tiếp trang 83)

Bước đầu của văn học Hán Nôm trên đất Đồng Nai

Muốn tìm hiểu văn học Hán Nôm miền Lục tỉnh trong bước đầu khai phá đất hoang, người ta phải nghiên cứu sinh hoạt nhân dân thế kỉ 18. Bởi trước đó, thế kỉ 17, văn học nếu có thì chỉ là một thứ văn học «nói» chứ chưa có gì đáng xem là văn học «viết». Người ta sáng tác tục ngữ, ca dao không thành chương khúc rồi ngâm ngợi, ca hát và truyền miệng những thứ ấy cho nhau chứ không thấy đặt đề, ghi chép, làm thành những tác phẩm viết trường thiên có giá trị lưu truyền. Thời kì «ca nói» này kéo dài nhì nhằng cùng với nếp sống nghèo nàn, đơn quanh, vô tổ chức — hay nói đúng hơn là tự động tổ chức tạp nham — của người lưu dân, cho tới khi chánh quyền Đại Việt được lập lên ở đây.

Ý thức văn học «viết»

Sử liệu cũ quá sơ sài khiến chúng ta không thấy có dấu hiệu gì về việc tổ chức văn học trong hồi Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào xếp đặt bộ máy cai trị tại các xứ Giản Phố và Sài Côn. Tuy nhiên, với các cơ cấu hành chánh được tổ chức, với những chức Cai bộ, Ki lục được tuyển dụng thì thể tất việc văn học đã phải thấy cần (1). Không những chỉ cần ở cấp dinh cho hai dinh Trấn Biên và Phiên Trấn, mà còn phải cần

có người có học để cung cấp cho các huyện, xã, các cơ, đội, thuyền để ứng hợp với nhu cầu.

Với đất đai mở mang ngàn dặm và với hơn 40.000 dân được Nguyễn Hữu Cảnh thành lập trang trại và thiết lập bộ dinh (2), chúng ta có thể hiểu rằng trình độ văn học nhân dân thời đó đã có phần khá hơn và có thể được chú ý hơn xưa. Thêm việc tra xét, cấm đoán và bắt buộc những người theo Hòa Lan đạo (chỉ đạo Thiên Chúa), năm 1699, và việc hạ lệnh đốt sách đạo, đã hé lộ để chúng ta biết được phần nào việc đã có cần đến chữ nghĩa và học hiểu ở đây (3).

Về Sãi Vãi, thơ Hà Tiên thập cảnh, những câu thiệu, câu thài (4) dùng đọc niệm trong các cuộc lễ xây châu,

(1) và (2) Đại Nam liệt truyện tiền biên (bản lưu trữ tại Viện Khảo Cổ, đánh số VS 27) quyển 3, tờ 43b, 44a — Quốc triều tiền biên toát yếu (bản lưu trữ tại Viện Khảo Cổ, đánh số VS 37/1) quyển 1 tờ 24b — Quốc triều hiến chương loại chí (VKC số 40/1) mục Gia Định phủ, tờ 14b, 15a.

(3) Gia Định Thành thông chí, quyển 30 mục Cương vực chí, tờ 9a, 9b.

(4) Câu thiệu: những câu dùng làm mẫu dùng học thuộc để ứng dụng lúc xây châu hay đánh võ. Câu thài: một điệu hát chèo tụng, dâng cúng do một nhóm trình nữ được tập luyện sẵn để thài lên khi cúng tế.

cúng thần, về *Thăng Lía* thơ *Hoài Nam khúc*, đã lần lượt trước sau được chép lên trên giấy để truyền ra. Một nền văn học « chữ viết » đã được nhóm khởi phát khai từ bách niên 1700 - 1800 để tăng bổ cho thứ văn học truyền khẩu vốn có từ lâu và đang trên đà phát triển mạnh.

Hộ tịch, công văn cùng với các sách thuốc, sách bói, sách gia lễ, sách lễ ban được biên soạn hoặc sao chép bằng chữ Hán; còn thi, phú, văn, từ, thì tùy hứng và tùy dụng mà người ta sáng tác bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm và chắc chắn như ta đã thấy biết, phải có sự pha trộn, phối hợp giữa các ảnh hưởng ngôn ngữ để rồi tạo thành một thứ văn học mang tính chất đặc thù.

Mặc dù chúng ta ngày nay không còn có đủ tài liệu để biết chắc việc học hành được sắp đặt ra sao trong thời mà người lưu dân có mặt khá đông đảo từ Biên Hòa, Gia Định, Mi Tho đến Hà Tiên, nhưng qua việc chính quyền thời Minh Vương cho dựng văn miếu ở Biên Hòa năm 1715 đã đủ để xác định việc sùng nho và ý chí muốn phát triển văn học tại cõi ngoài của ông chúa này. Cả hai sách *Gia Định Thành thông chí* (1) và *Đại Nam nhất thống chí* (2) đều có nói rõ việc sáng lập văn miếu thờ Khổng Tử và các tiên nho. Đại khái theo các sách dẫn thượng :

«Đời Hiền Tông (Nguyễn Phúc Chu) năm Ất vị, thứ 25 (1715), quan Trấn thủ dinh Trấn Biên (Biên Hòa) là Nguyễn Phan Long

và chức Kí lục Phạm Khánh Đức lựa đất ở thôn Tân Lại, huyện Phước Chánh, cách phía tây bắc trấn hai dặm rưỡi để cất văn miếu, phía nam hướng về Phước Giang, phía bắc tựa vào Long Sơn. Đó là một thắng cảnh của dinh Trấn Biên».

Sách *Quốc triều chánh biên toát yếu* (3), khi đề cập việc sửa chữa lại văn miếu này tại dinh Trấn Biên, cũng lại xác nhận việc xây dựng khá sớm sửa nói trên.

Ý thức văn học «viết» đã có, tất nhiên người ta phải cần đến thầy dạy, đến trường ốc, đến việc thi cử để tuyển dụng nhân tài.

Việc học hành thi cử từ Phủ Chúa

Đọc *Đại Nam thực lục tiền biên* (quyển 7) chúng ta thấy chúa Nguyễn Phúc Chu (1691 — 1725) là một ông chúa biết trọng văn học, đã nối tiếp các chúa trước ông mà mở các khoa thi, nhất là các khoa thi được đem vào nội phủ gọi là thi Văn chức và Tam ti. Sách đã dẫn cho biết :

«Tháng 3, ngày 7, năm Ất hợi (1695), có kì thi Chính đồ, lấy đồ được Giám sinh 5 người, Sinh đồ

(1) Quyển 6, *Phiên An trấn*, mục Văn miếu, tờ 24a, 24b.

(2) *Tỉnh Biên Hòa*, mục Từ miếu, tờ 39b, 40a.

(3) Quyển 1, bản dịch của Bộ Học triều Khải Định, *Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa Việt Nam* ấn hành năm 1971, mục Giáp Dần.

8 người và *Nhiều học* 15 người. Còn *Hoa văn* được 22 người. Cùng trong năm, vào tháng 8, lại có kì thi Văn chức và Tam T₁ đặt ngay nội đình. Từ ấy có lệ đình thi¹.

Chúng ta đã hiểu rằng chúa Nguyễn đã chú ý đến việc học hành thi cử từ cõi đất xa xôi tận miền Nam này nên mới cho dựng văn miếu để khuyến khích sĩ phong. Có điều cách học hành ra sao, việc thi cử được khuyến lệ gọi người tham dự không, lại là điều không thể rõ. Chúng ta chỉ có thể đoán rằng việc thi cử của người lưu dân trong khoảng đầu thế kỉ 18 chắc ít hi vọng, bởi tại đây thiếu thầy giỏi, ít người đi học và gần như không có trường học. Trường thi thì chỉ được mở tại phủ chúa tận ngoài chính dinh (Phủ Xuân). Con đường từ Trấn Biên Dinh (Biên Hòa) và Phiên Trấn Dinh (Sài Côn) về Chính Dinh diệu vợi quá, người đi phải mất 30 ngày mà chưa ắt đã đến nơi, rồi từ trấn này sang trấn khác, thật quá lâu lắc lòng dòng (1); còn chương trình thi cử thì khá nặng nề, người thi đỗ rất ít, đòi hỏi một học lực mà người lưu dân khó có khả năng theo nổi.

Có xét lại việc lấy đỗ trong các khoa thi, chúng ta sẽ thấy rõ điều đó :

Năm Ất tị (1713) đời chúa Hiền Tông có kì thi *Chính đồ*. Kì đệ nhị có 130 người, nhưng vì các giám khảo không đồng quan điểm nên

đánh rớt hết. Chỉ có thi *Hoa văn* và *Thám phỏng* thì trúng cách được khoảng mười người. Chúa xét lại, cho rằng các giám khảo chăm gặt, nên ra lệnh thi lại kì hai và chúa tự mình ra đề thi. Kì này trúng được một *Sinh đồ*, bảy *Nhiều học*. Cộng với những người đỗ kì trước, chúa đều cho bổ làm Huấn đạo, Lễ sinh hoặc làm viên chức ở Tam ti.

Con số thí sinh trúng cách trong hai kì thi cho một cuộc thi tập trung thí sinh cả nước, mà lấy đỗ không đầy 20 người, khiến chúng ta phải nhận rằng nhân tài lúc đó còn quá thừa thớt.

Cách 45 năm sau (1740), thời chúa Nguyễn Phúc Khoát, việc thi cử lại được thấy có sửa đổi. Sách *Thực lục tiền biên* (quyển 10) có chỉ dẫn rằng chúa định lại phép thi :

« Kì nhất thi *Tứ lục*, người thi đỗ được gọi là *Nhiều học*, được miễn đóng sai dư 5 năm. Kì nhị thi *Thơ phú*, kì ba thi *Kinh nghĩa*, người đỗ được miễn sai dịch vĩnh viễn. Kì tư thi *Sách vấn*, người đỗ gọi là *Hương cống*, được bổ Tri phủ, Tri huyện hay Huấn-đạo. »

Tại kinh đô, các thí vụ đã được lần lượt điều chỉnh và tiến bộ hơn trước, thì chắc tại ngoài biên, nhà cầm quyền cũng có phần nào hướng

(1) *Gia Định Thành thông chí*, quyển 3, mục *Cương vực chí*, tờ 23b. Về sự xê dịch này, nên xem thêm trong *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn, (Viện Khảo Cổ, đánh số VD 9) quyển 2/89b; *Định tập Quốc sử di biên* của Phan Thúc Trục (Đông Nam Á chuyên san sử liệu) mục *Tham bô*, thượng tập/49.

về việc khích lệ văn học cho nhân dân hơn !

Phong trào văn học Hán Nôm từ Trấn Biên đến Hà Tiên

Sách *Văn hiến thông khảo* đời Thanh, viết vào năm 1747, khi nói về cuộc sống đất Hà Tiên, có đoạn :

« Nhà cửa không khác Trung Quốc, từ nhà của Vương (Mạc Thiên Tích), tất cả đều làm bằng gạch lợp ngói. Trong cách ăn mặc, họ bắt chước triều đại trước (Nhà Minh). Vương bới tóc có bọc lưới, đội khăn hay mũ bằng nhiễu, mình mặc áo thêu rồng, đai bằng sừng, mang hia. Dân chúng mặc áo cổ cao tay rộng. Tang chế mặc áo trắng. Ngày thường họ dùng đủ màu. Xứ nóng quanh năm, tuy thu đông cũng không lạnh. Nhiều người thường đi mình trần, chỉ một miếng vải quấn bán thân. Gặp thì họ chấp tay chào nhau. Còn phong tục thì trọng văn học, thích thi thơ, có cả một Hàn lâm viện nhỏ » (1).

Trước một khung cảnh có qui mô văn hiến như vậy, thì việc « trọng văn học, thích thi thơ » là điều mà chúng ta không thể còn ngờ. Còn Viện Hàn lâm nhỏ mà *Văn hiến thông khảo* đã nói đó, là chỉ gác Chiêu Anh

của Mạc Thiên Tích !

Việc buôn bán sung túc ở Hà Tiên song song với việc giao thương rộng rãi và phát triển mạnh mẽ về kinh tế ở Nông Nại Đại Phố và Mi Tho Đại Phố trong cùng thời này, đã cho phép chúng ta tin rằng văn học miền Nam đến đây, từ Trấn Biên Dinh đến Hà Tiên Trấn, đã được cùng lúc vươn lên. Nhưng nổi bật hơn, phải kể là tại Hà Tiên với công trình trước tác và mở mang trường ốc của Mạc Thiên Tích.

Tài liệu được chép trong *Archives des Missions Étrangères de Paris* (2) đã thấy có ghi điều này :

« Trong xứ có miếu thờ mà từ Vương (Mạc Thiên Tích), ai cũng thờ. Có một nhà nghĩa học, dạy những thanh niên ưu tú, nghèo không thể tự túc học được. Những người Trung Hoa sang đây mà có khả năng văn học thì được mời đến đó dạy học ».

Trong sách *Thanh Văn hiến thông khảo* (3), mục viết về *Cảng Khẩu*, cũng có đoạn nói về sinh hoạt văn học Hà Tiên tương đối đủ và rõ hơn :

« Trong nước có dựng miếu thờ Khổng Tử, vua (chỉ Thiên Tích) và người trong nước đều kính thờ. Có nhà nghĩa học, tuyển chọn con em tuần tá, cũng là học trò nghèo khó, đều đem về dạy. Những người Hán đến ở trong nước mà thông hiểu kinh sử thì đón vào làm thầy dạy. Cho nên con em đều hay giỏi cả ».

(xem tiếp trang 39)

(1) E. Gaspardone *Bibliographie annamite*, BEFEOXXXIV, 1935, số 113 — dẫn theo Hán Nguyên, *Sử Địa* số 19, 20, 1965.

(2) Dẫn theo Hán Nguyên, *Sử Địa* số 19-20, tháng 11, 1965.

(3) Dẫn theo Đông Hồ, *Văn học Hà Tiên*, Quỳnh Lâm xb. MCMLXX.

Hai tập thơ bình dân đã làm rung rinh chế độ thực dân miền Nam vào đầu thế kỷ 20

Năm 1862 đánh dấu sự bắt đầu của lịch sử văn học vọng quốc với sức đề kháng mãnh liệt của sĩ dân miền Nam được thể hiện dưới nhiều hình thức từ các bài thơ, phú hịch yêu nước đến các tập thơ dài xuất phát từ giới bình dân. Trong bài này, tác giả giới thiệu hai tập thơ bình dân Nam kỳ đã làm rung rinh chế độ thực dân vào đầu thế kỷ 20.

Thầy Thông, con đẻ của chế độ tân trào

Sau khi chiếm cứ được ba tỉnh miền Đông, công tác đầu tiên Soái phủ Nam kỳ thực hiện, đó là việc thành lập khám đường tại Côn nôn với nghị định ngày 1-2-1862. Hai năm sau, ngày 24-7-1864, chỉ dụ của Soái phủ Nam kỳ ấn định nền tư pháp thuộc địa. Tuy nhiên, quyền xét xử vẫn thuộc Nha Nam kỳ sự vụ (Direction des Affaires de la Cochinchine). Với nghị định ngày 7-3-1865, tòa án mới được lập ra lãnh trách nhiệm trên. Để ngăn ngừa những lạm dụng ở địa phương và định rõ giới hạn giữa quyền cai trị và quyền xét xử của chánh quyền địa phương (1) ngày 19-11-1873, Soái phủ Nam kỳ ban hành nghị định qui định tổ chức nền tư pháp bốn thổ. Nghị định này được tu chỉnh bởi nghị định ngày 24-3-1877 căn định rõ các hình phạt dành cho

các phạm nhân. Riêng cách xử tử duy nhất được áp dụng là chém. Trong những năm đầu, đao phủ chém bằng dao. Những năm cuối cùng thế kỷ 19, thực dân xử tử hình bằng guơm máy.

Với chế độ cai trị khắt khe, nhà cầm quyền tin tưởng có thể bóp chết được lòng yêu nước của người dân bị trị. Trong bản báo cáo ngày 24-8-1910 của Toàn quyền Đông dương gửi Bộ trưởng Thuộc địa, chúng ta đọc được các hàng chữ sau đây liên hệ đến tình hình chánh trị tại Nam kỳ vào đầu thế kỷ 20:

— Tình hình chánh trị tại Nam kỳ không có thay đổi đáng kể trong đệ nhị tam cá nguyệt (1910).

«Tuy nhiên, tại một vài nơi ở thuộc địa xảy ra các biến cố lẻ tẻ nhằm chứng minh rằng bọn gian phi đã bị đẩy lui vào một vài vùng hẻo lánh tại thuộc địa có thể hoạt động nhờ sự chèn ép của hương chức hội tề kinh sợ.

«Nhiều cuộc chỗi dậy mới của hội kín cũng được ghi nhận trong tỉnh Mỹ tho và Châu đốc. Tại Châu đốc, gần đây, các nhóm này phát triển

(1) Xem Phạm Cao Dương! Văn đề xử án ở Nam kỳ dưới thời các Đô đốc, tập san Khoa học Nhân văn do Hội đồng Quốc gia Khảo cứu Khoa học ấn hành, Sài Gòn 1973.

một cách đáng giận và qui tụ được một số đông tín đồ... Việc xét xử được thi hành dễ dàng một mặt nhờ tổ chức thỏa đáng hơn của cảnh sát, mặt khác nhờ những thay đổi luật lệ mà Quan Toàn quyền chỉ thị nghiên cứu...».

Song song với những hành động cảnh sát trị, nhà cầm quyền cố tạo một giai tầng mới trong xã hội tân trào : đó là hạng thông ngôn, ký lục hoặc được đào luyện từ trường Hậu bổ mở ra từ năm 1874, hoặc từ các trường Tiểu học đặt trọng tâm vào việc giảng dạy Pháp văn và Quốc ngữ do nghị định ngày 14-6-1880 của Soái phủ Nam kỳ. Đây là hạng người làm gạch nối giữa giai cấp thống trị và giai cấp bị trị. Họ được chế độ tân trào dung dưỡng qua những hành động tham nhũng, bóc lột dân bản xứ. Trong tờ Lục-tỉnh Tân-văn số 2 ra ngày 12-12-1907, với bài Thượng bất chánh hạ tắc loạn, Trần Chánh Chiêu đã mạnh bạo tố cáo hạng người này không còn chút tình thương với đồng bào đồng chủng. Họ mặc tình vơ vét trước sự toa rập mặc nhiên của các ông quan Tây. Nhưng tệ hại hơn nữa là quyền sát sanh người dân thấp cổ bé miệng nằm trong tay bọn thông ngôn, ký lục mà người bình dân trong Nam thuở ấy thường gọi một cách mai mỉa «đứng bàn ông Chánh» :

— Vì bấy lâu nay chúng tôi vào cửa quan, hằng bị bức sách, không cầm cũng như cầm, không điếc cũng như điếc, các ông thông ông phán

nói sao hay vậy, chỉ dạ cổ sách mà thôi, ước chi quan trên dạy tha mà các ông ấy rằng chém thì chúng tôi cũng phải đưa cổ cho mà chém vì có nghe biết gì đâu ? Quan trên xử tôi đặng kiện, thầy ký rằng : Tôi thất lý thì cũng cúi đầu dạ dạ, về bán vợ đợ con, chịu sở tồn nữa. Ôi Thảm là thế nào ?... Song các ông ôi ! Còn e một nỗi không thoát chăng ? Mà lại dữ hơn nữa chăng ? Là sự đa tài ám nhần, là sự bất thanh liêm, là sự âm cầu hối lộ ! ». (Trích Lục-tỉnh Tân-văn số 10 ngày 16-1-1908).

Thông ngôn, ký lục là con đẻ của chế độ. Họ sống nhờ chế độ. Họ dựa hơi chế độ để tác oai, tác quái, để làm giàu trên những nỗi thống khổ triền miên của người dân bị trị. Đã nhìn thấy bộ mặt thật của guồng máy hành chánh thuộc địa với tầng lớp thầy ký, thầy thông xu phụ, nhà văn Hồ Biểu Chánh đã cảm tác khi khởi thảo tiểu thuyết Thầy thông ngôn :

*« Thông ngôn oanh liệt một thời
Giúp người mấy kẻ, hại người
thật đông
Hay chi cái thói rắn ròng. »*

Rắn mà vẽ được nên rồng, chuyện không nói có, chuyện có nói không, đó là cái thói của tầng lớp thầy thông, thầy ký, sản phẩm của chế độ tân trào.

Nhưng trong đám ký lục chấp nhận thân phận nô lệ ấy, chắc hẳn còn có người dám mặt sát Tây, dám chửi Tây, dám bắn Tây. Lẽ dĩ nhiên, họ chỉ chống đối chế độ khi

quyền lợi cá nhân họ bị va chạm. Chớ họ không tự giác ngộ trên đường giải phóng quê hương.

Hai tập thơ bình dân tại Nam kỳ
vào đầu thế kỷ 20

Trong cảnh cá chậu chim lồng, hai tập thơ bình dân xuất hiện như hai nhát dao chém thẳng vào chế độ tàn bạo. Tại sao gọi là thơ bình dân? Hai tập thơ này chẳng những xuất phát từ giới bình dân, được lưu truyền trong quần chúng mà đề tài sáng tác chính là cuộc sống thường ngày của người dân — một điều khó thấy trong văn học nước nhà ở thời kỳ tự chủ trước năm 1862. Đó là *Thơ Sáu Trọng* và *Thơ Thầy Thông Chánh*. Tập thơ đầu do nhà xuất bản Phạm Văn Thìn ấn hành, hiện còn lưu trữ tại thư viện quốc gia (Sài gòn). Còn tập thơ thứ hai vừa xuất bản bị cấm ngay. Năm 1970, có dịp sang Pháp, vào Văn khố quốc gia thuộc Bộ Pháp quốc hải ngoại, số 27 đường Oudinot Paris, tôi đã nhìn thấy tập thơ này với một bản phúc trình dày cộm của Sở Mật thám Đông dương. Nếu tôi nhớ không lầm thì ngoài bìa tập *Thơ Thầy Thông Chánh* có in năm 1904 (?).

Sáu Trọng vốn là một tay tứ chiến, yêu Hai Đầu qua một cuộc tỏ tình thật đơn sơ, chất phác như lòng dạ của người bình dân trong Nam :

« Có tên Hai Đầu ở gần
Thường đi buôn bán tảo tần lân la
Thấy chàng ẩn nói thật thà
Hỏi thăm anh có vợ nhà hay không ?
Trọng nghe nàng nói động lòng

*Thơ ngây chưa chốn loan phòng
kết đôi*

Đầu nghe chàng Trọng bày lời
Anh chưa có vợ em thời chỉ cho !
Trọng rằng buôn bán không lo
Nói chuyện đưa đồ chè cháo
lạnh tanh

Đầu rằng lòng khiến thương anh
Cháo chè nguội lạnh cũng đành
dạ tôi. »

Cuộc tình duyên giữa Sáu Trọng và Hai Đầu được diễn ra thật đơn giản. Sáu Trọng phải đi làm ăn xa. Ở nhà, Hai Đầu tư tình với tên ký lục Be Bo. Cuối cùng, đề răn đời, Sáu Trọng giết Hai Đầu. Vụ án mạng xảy ra tại Trà vinh. Sáu Trọng tỏ ra không chút nao núng với bản án tử hình của chế độ thực dân.

Tác giả tập *Thơ Sáu Trọng* đã khen nhân vật chánh của ông can đảm còn hơn Tào Tháo thời Tam quốc :

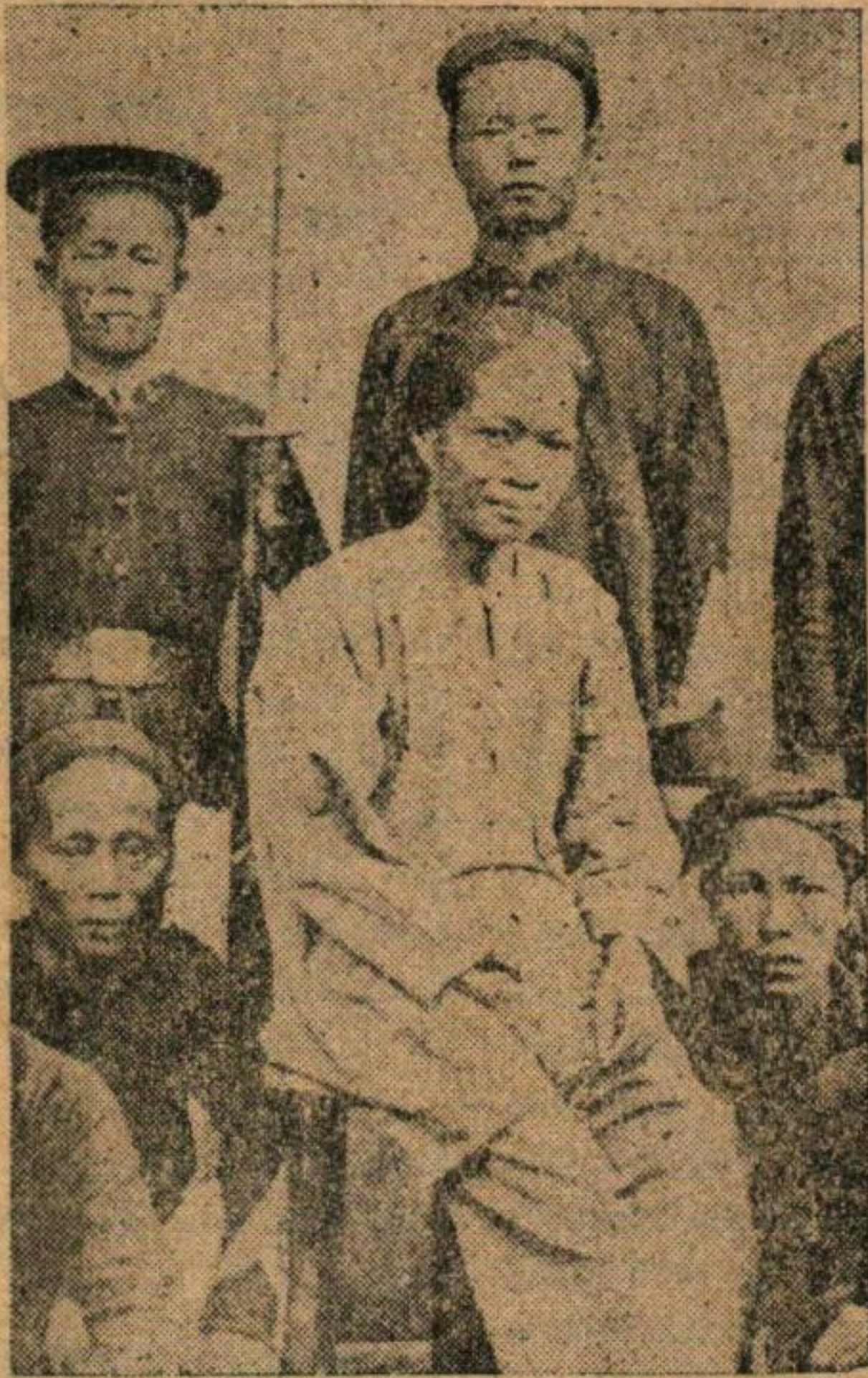
« Dung kiếm Tào Công chẳng mấy tài
Khá khen Sáu Trọng phận làm trai »

Dưới mắt của người soạn thơ, lòng cương trực của Sáu Trọng trước bản án tử hình cần được người đời sau chép vào cuốn ngoại sử của phong trào Cần Vương chống Pháp :

« Sự riêng gan ruột nhòm cho đó
Ước dặng Cần Vương chép
sử ngoài. »

Cho tới nay, nhiều tác giả tại miền Nam đã nghiên cứu thơ Sáu Trọng (1). Nhưng *Thơ Thầy Thông*

(1) Xem Sơn Nam, *Thiên địa hội và cuộc Minh Tân*, Phù Sa x.b. 1972.



Thầy Thông Chánh

Chánh mới đáng được nghiên cứu vì nó nêu rõ tính chất đối kháng của sĩ dân miền Nam chống lại chế độ thực dân. Cốt truyện bắt nguồn từ vụ Thông ngôn tên Chánh ám sát Biện-lý Pháp Jaboin tại Trà vinh ngày 14-5-1893. Thầy bị bắt và kết án tử hình. Dựa vào bức ảnh trích từ sách *La Cochinchine et ses habitants* của bác sĩ Baurac do nhà Imprimerie Commerciale Rey et Curisol, Saigon, ấn hành năm 1894, thầy Chánh người quốc thước, trán cao, bời tóc, mặc bà ba. Vụ ám sát xảy ra năm 1893 mà tập thơ xuất hiện vào cuối thế kỷ 19 và

đầu thế kỷ 20. Do đó, nhiều sự kiện bị sai lệch và thầy Thông Chánh được mô tả như một nhân vật đầy huyền thoại. Thầy là một thông ngôn hưởng nhiều ưu quyền của chế độ thực dân. Vợ thầy đẹp, nhẹ dạ, bị tên Biện lý Jaboin ở Trà vinh quyến rũ. Thầy Chánh ghen, bắn tên Biện lý. Dân chúng Nam-kỳ hồi ấy phục thầy dám cầm súng bắn người Pháp, xem thầy như một anh hùng dân tộc.

Tập Thơ Thầy Thông Chánh khởi đầu bằng 2 câu thơ :

« Nhứt trình Vĩnh Ký đặt ra
Chép làm một bản đề mà xem chơi. »

Nhứt trình do chữ nhứt nhứt trình báo mà thành, có nghĩa bản báo cáo mà các quan triều Nguyễn thảo ra đề hằng ngày trình cho cấp trên. Danh từ được thông dụng trong dân gian cho đến khi Nam-kỳ lọt vào tay quân Pháp (1). Vinh-Ký là tên tác giả, chắc không phải là cụ Trương Vinh Ký.

Vợ thầy Thông Chánh quá xinh đẹp, lọt vào mắt xanh của tên biện lý háo sắc :

*« Đêm năm nát ruột nát gan
Oán thù biện lý chẳng an trong lòng
Chừng nào tỏ nỗi đục trong
Giết quan Biện lý trong lòng mới
thanh*

*Lãng sa bày tiệc châu thành
Ăn lễ toa dết gọi là Chánh chung. »*

Như trên đã thấy, vụ ám sát xảy ra ngày 14-5-1893. Tập thơ ghi xảy ra vào ngày lễ toa dết tức ngày 14 tháng 7, ngày mà dưới thời Pháp thuộc, lễ tổ chức thật linh đình.

Thầy Thông Chánh mất vợ. Ghen tức quá độ, thầy chỉ còn cách duy nhất để trả thù là cầm súng bắn tên Biện lý dâm dật :

*« Phủ Bình nghe nói thất thanh
Năm tay thầy Chánh giựt hầu súng đi
Súng đạn mới nạp một khi
Tức thì súng nổ, đạn đi giáp vòng
Trúng nhằm ông Chánh Vinh-long
Bây giờ lại trúng Chánh tòa
Bạc-liêu*

*Người Tây bị bệnh khá nhiều
Cảm thương thầy Chánh chín chiều
sầu bi. »*

Thầy Thông Chánh định tự tử

nhưng bị giựt súng. Thầy bị bắt, toan cắn lưỡi chết. Thực dân đánh lừa cho thầy uống thuốc rụng hết răng.

Cô Ba, con gái thầy Thông Chánh, mới 15 tuổi, sắc nước hương trời. Cô lấy chồng Tây. Nghe tin cha ra tòa, cô Ba cầm súng định bắn biện lý. Cô bị xô té, bị bắt và tự tử chết.

Cuối cùng, thầy Thông Chánh bị án tử hình.

Một điểm cần ghi nhận thêm cô Ba, con gái thầy Thông Chánh, đẹp đến độ hình cô được chọn gắn vào nhân hiệu xà bông cô Ba.

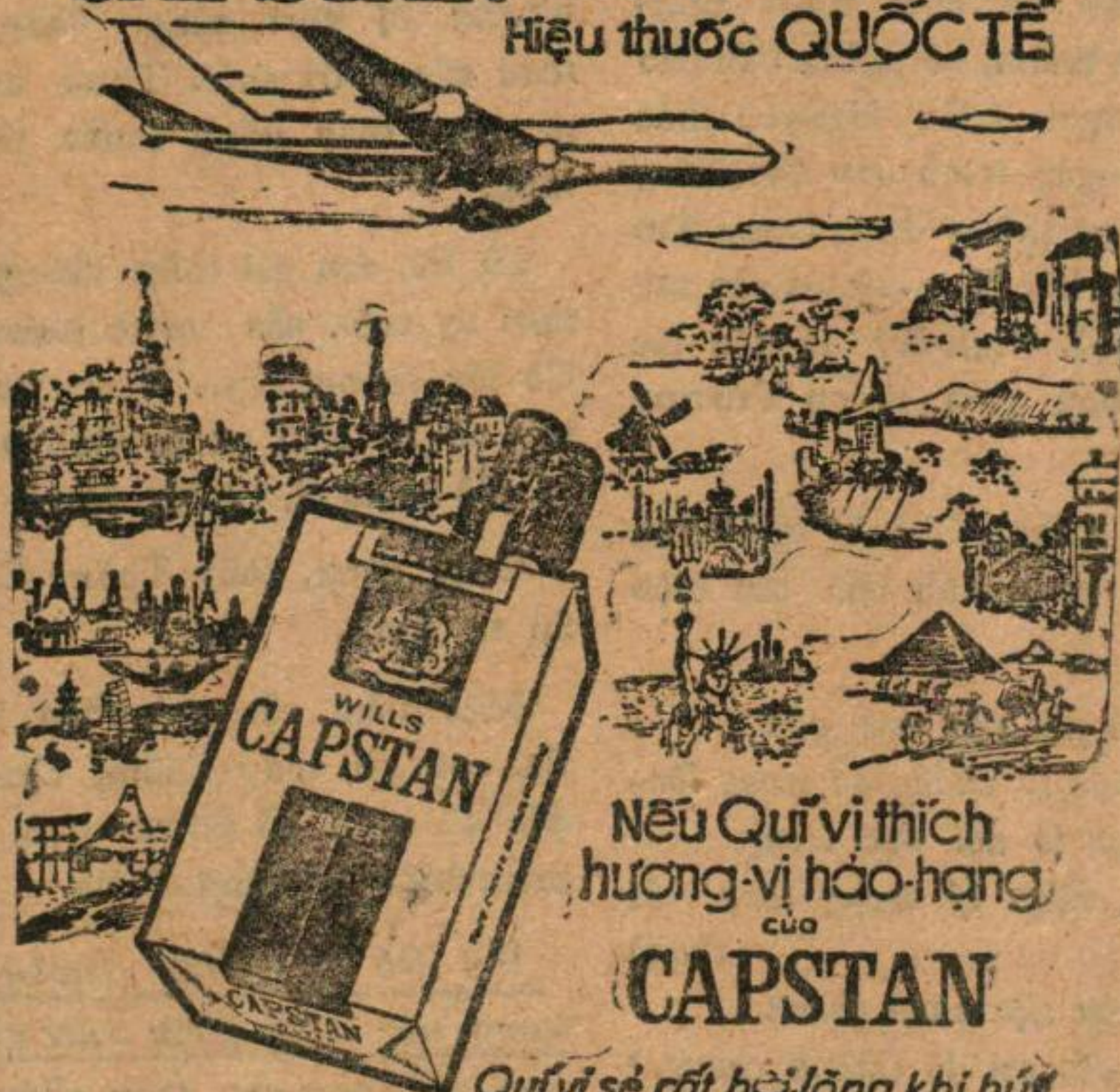
Vai trò Thơ Thầy Thông Chánh trong tiến trình phát triển chữ quốc ngữ và trong cao trào chống ngoại xâm tại miền Nam.

Trong Nam-kỳ phong tục nhưn vật diễn ca xuất bản năm 1909, Nguyễn Liêng Phong chỉ trích Thơ Thầy Thông Chánh và Thơ Sáu Trọng. Như vậy, hai tập thơ này chào đời trước năm 1909.

Trước đây, khi bàn về sự hình thành tiểu thuyết mới, người ta thường nghĩ đến những truyện ngắn của Nguyễn Bá Học, Phạm Duy Tốn và kể đến *Tổ Tâm* của Hoàng Ngọc Phách (1925), *Quá đura đồ* của Nguyễn Trọng Thuật (1925). Người ta quên rằng tại miền Nam từ 1909, Hồ Biểu (xem tiếp trang 85)

(1) Xem Nguyễn Văn Hầu, *Sám truyền Đức Phật Thầy Tây an*, Tòng Sơn x.b., 1974, trang 102-103.

CAPSTAN điều dài đầu lọc
Hiệu thuốc QUỐC TẾ



CAPSTAN điều dài đầu lọc

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 – 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION
DE LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

MANH TỬ, đời sống và hoạt động chính trị

Manh tử là triết gia duy nhất thời Tiên Tần mà chúng ta được biết được ít điều về tuổi thơ, nhờ bà mẹ hiền của ông. Ông thuộc dòng dõi công tộc Mạnh tôn ở nước Lỗ, tên là Kha tự là Tử Dư, sanh ở ấp Trâu, sát nước Lỗ. Có sách nói cha là Khích Công Nghi, mẹ họ Chương nhưng vô chứng cứ. Tới đời ông cha, chi của ông đã sa sút, tuy là quý tộc mà sống như bình dân, về điểm ấy ông giống Khổng tử. Có lẽ phần đông các triết gia thời ấy cũng như ông: nhờ thuộc dòng dõi quý tộc, ông mới được học hành; rồi vì nghèo, không được lãnh một chức vị tại triều, nên ông mới có chí lập thân. Chúng ta có thể nói giai cấp trung lưu thời nào cũng tặng cho quốc gia, nhân loại được nhiều nhân tài nhất, vì địa vị cao quá thì người ta thường hưởng lạc hoặc phải sớm lo việc nước, ít chú trọng đến sự học, còn thân phận thấp quá thì không có phương tiện để học, chỉ khi dễ bị hoàn cảnh khắt khe làm cho tiêu ma.

Tương truyền Manh tử mồ côi cha từ hồi ba tuổi nhưng chưa đáng tin, chỉ nên nhớ rằng ông sớm mồ côi, được mẹ ở góa nuôi nấng. Không nghe nói ông có anh em chị em nào không.

Nhiều người đã biết những giai thoại dưới đây về cách dạy con của thân mẫu ông. Toàn là những truyền thuyết chép trong Liệt nữ truyện nếu không đáng tin hết thì ít nhất cũng phải nhận là có ý nghĩa, nên chúng tôi cũng nhắc lại.

Giai thoại thứ nhất là thân mẫu ông ba lần dời chỗ ở để ông được sống trong một hoàn cảnh tốt nhất. Mới đầu nhà ở gần một nghĩa địa (có sách nói là ở gần một lò làm thịt súc vật), cậu Kha ngày ngày trông thấy tang lễ, đám táng, xúc động và bắt chước người ta đào huyệt làm lễ chôn cất. Bà mẹ bảo: «Chỗ này không phải là chỗ cho con tôi ở», rồi dời nhà lại gần chợ (có sách chép là tới một xóm làm đồ mã). Cậu Kha thấy những người bán rong cũng bắt chước, suốt ngày làm bộ mua, bán, rao hàng, trả giá. Thấy vậy bà mẹ lại dời chỗ nữa, lần này tới gần một trường học; kết quả thật đáng mừng: con bà bắt chước thái độ, cử chỉ nghiêm trang, kính cần của các học sinh, cũng lễ độ nghiêng mình chào hỏi, cũng nhường bước cho người lớn, khoan thai tiến lui.

Giai thoại thứ nhì. Một hôm cậu thấy một người mồ một con heo, hỏi mẹ:

— Người ta mổ thịt nó làm gì vậy, mẹ ?

Bà mẹ đáp :

— Đề cho con ăn.

Rồi suy nghĩ một lát, bà ăn hận rằng mình đã nói đùa. Bà nghĩ bụng: « Khi mình có mang nó, nếu chiều trái lệch thì mình không dám ngồi, thịt cắt không ngay ngắn, mình không dám ăn. Như vậy là dạy nó từ khi nó còn là cái thai, chưa biết gì. Bây giờ nó đã bắt đầu hiểu biết, không nên nói đùa như vậy mà nó sẽ tưởng là mình nói dối, rồi cũng hóa ra nói dối ». Nghĩ vậy, bà bèn đi mua một ít thịt heo về cho con ăn.

Giai thoại thứ ba : cậu Kha đã hơi lớn rồi, theo học một người trong môn phái Tử Tư. Mới đầu cậu hơi làm biếng, có lần giữa buổi học bỏ về nhà. Bà mẹ đương dệt vải, thấy vậy cắt một khò vải trong khung cửi. (Có sách chép rằng cậu đương học bài thì bỏ dở, bà đương khâu ở bên cạnh, bèn lấy dao cắt đứt miếng vải) Cậu ngạc nhiên hỏi tại sao. Bà đáp : « Đang học mà bỏ về (hoặc bỏ dở) thì cũng như đương dệt (hoặc khâu) mà cắt khò vải đi. Cái học của con cũng như khò vải của mẹ còn dùng gì được nữa đâu ». Lời trách ấy in sâu vào tâm hồn cậu, từ đó cậu siêng học, sau thành một học giả giỏi nhất đương thời.

Chúng ta không được biết gì về vợ con của Mạnh tử. Chỉ có truyền thuyết này rất khó tin, nhưng cũng lí thú. Một lần ông thấy vợ ngồi

trong phòng riêng mà ở trần. Ông nổi giận, cho như vậy là vô lễ mất nết, muốn đuổi vợ đi. Nhưng cụ bà gọi ông lại một chỗ vắng, rầy ông : « Theo lẽ, một người đàn ông sắp đi tới cửa phòng của một người đàn bà, dù người đó là vợ, thì cũng phải đằng hắng hay lên tiếng, cho người ta biết trước; rồi khi bước vào phòng thì nên nhìn xuống để người ta đừng ngỡ mình có ý xoi mói. Con sống sộc đi vào phòng riêng của nó, là con vô lễ, mà lại trách nó vô lễ, như vậy chẳng bắt công ư ? » Ông nhận lỗi về mình và thôi không đuổi vợ nữa.

Mấy giai thoại ấy, nếu đúng, thì biểu lộ được một phần tính tình của ông : có hiếu với mẹ, có chí, nghiêm khắc, nhưng biết nhận lỗi.

oOo

Ông không có tiếng tăm sớm như Khổng tử, ngoài ba mươi tuổi vẫn chưa được ai biết tới. Có lẽ thời gian đó là thời gian chuẩn bị, căn cứ học hỏi, tìm hiểu đạo Khổng. Đọc bộ *Mạnh tử*, thấy ông dẫn nhiều câu trong Kinh Thi, kinh Thư thì chúng ta đoán rằng ông chuyên về hai kinh đó, có thể thêm kinh Xuân Thu nữa, còn các kinh khác : Lễ, Nhạc, Dịch ông ít hoặc không nhắc tới.

Nhưng vào khoảng bốn chục tuổi, ông nổi danh là một đại nho, có nhiều môn sinh, được nhiều người trọng vọng.

Tiếp theo một khoảng hai chục năm, ông nhiệt tâm hoạt động về chính trị, hồi năm chục tuổi cùng

với môn sinh bốn ba các nước Lỗ, Lương, Tề, Đằng, Tống, rón tìm một vị minh quân để thực hành đạo của Khổng tử. Những lời khuyên của ông được vua các nước coi trọng và đôi khi áp dụng.

Theo bài 4, chương Đằng Văn công hạ, và bài 3, chương Công tôn Sửu hạ, thì ông sống rất sang, tới đâu cũng được các Vua chúa tiếp đãi cực kì trọng hậu. Mỗi khi qua nước nào, ông «dắt theo cả mấy chục cỗ xe, và mấy trăm người tùy tùng và vua nước ấy phải cung cấp lương thực»; tới khi ông rời một nước nào thì vua còn «dâng ông chút ít để ông lên đường» nữa; «chút ít» đó là bảy chục dật vàng, như hồi ông rời nước Tống. Mỗi dật bằng 24 hay 20 lượng vàng, bảy chục dật bằng trên dưới ngàn rưỡi lượng vàng! Khổng tử có thấy cảnh ấy, chắc phải lắc đầu than rằng: «Hậu sinh khả úy thật!» Thầy trò cụ có lúc phải nhịn đói, mặt xanh như tàu lá; và môn sinh cụ quí nhất, Nhan Hồi, chỉ có một giỏ cơm, một bầu nước. Thời thế đã khác xa!

Nếu ta so sánh với các biện sĩ như Tô Tần, Trương Nghi... thì càng thấy rõ uy danh của thầy trò của Mạnh tử lớn ra sao. Hầu hết bọn biện sĩ đều phải lao đao, ăn dầm nằm dề ở một quán trọ một kinh đô nào đó cả tháng, có khi cả năm, vung tiền ra mua chuộc kẻ hầu cận để xin được tiếp kiến. Khó tới nỗi Tô Tần phải trách vua Sở:

Thức ăn ở Sở đắt như ngọc, củi

vua khó được thấy mặt như quí, mà nhà vua khó được yết kiến như Thượng Đế. Nay nhà vua giữ tôi lại là bảo tôi ăn ngọc, đốt quế để xin hội kiến với Thượng Đế ư? (Chiến Quốc sách — Sở III 2).

Vì vậy mà Tô Tần lại yết kiến vua Tần phải châu chực đến nỗi rách chiếc áo cừu và tiêu hết trăm dật vàng (2.400 lượng), phải bỏ nước Tần về quê nhà, hình dung tiêu tụy, mặt mày xanh xám, có vẻ xấu hổ. (Chiến Quốc Sách—Tần I.2) Trương Nghi cũng không may mắn hơn. Tới Sở phải châu chực cả tháng cả năm, nghèo khổ quá, bọn đàn em đòi bỏ về, Trương Nghi phải dùng một cách bí đời để xoay tiền: Vô yết kiến vua Sở, bảo sẽ qua Tầu kiếm gái đẹp cho nhà vua. Hoàng hậu và một sủng phi của vua Sở hay tin phải rút lót cho Trương kể thì một ngàn cân vàng, người thì năm trăm cân. (Chiến Quốc sách — Sở III 4).

Tài liệu trong Chiến Quốc sách không đáng tin hẳn, nhưng tác giả tất dựa trên một sự thực lịch sử rồi tưởng tượng thêm. Vậy ta có thể tin rằng các biện sĩ thời Chiến Quốc thường không được vua chúa kính trọng bằng các triết gia có đạo đức như Mạnh tử nhưng lại ưa dùng họ hơn là dùng các triết gia: Tô Tần, Trương Nghi đều một bước nhẩy lên chức tướng quốc, còn Mạnh tử, không được như Khổng tử nữa (Khổng tử còn được cầm quyền tướng quốc nước Lỗ trong mấy năm), không được một ông vua nào giao cho một nhiệm vụ

quan trọng ở triều đình cả, chỉ đóng vai khách khanh, tức như chức cố vấn chúng ta giao cho một số ngoại nhân ngày nay thôi.

Bọn triết gia được trọng mà không được dùng là do bọn vua chúa mà cũng chính do họ nữa :

— Bọn vua chúa chỉ muốn được cái tiếng tốt là biết chiêu hiền đãi sĩ, chứ thực tâm cho họ là vu khoát không thực tế, hoặc không đủ đức và kiên nhẫn để theo họ ;

— Chính họ cũng giữ đúng nguyên tắc quá, không chịu mềm dẻo để tìm cách thực hành đạo của mình một phần nào ; đôi khi họ còn kiêu căng ngạo mạn, không coi bọn vua chúa ra gì cả.

Mạnh tử bốn ba chữ hầu có phần ít hơn Khổng tử, và cũng như Khổng tử, ông không hề đặt chân đến nước Chu (mặc dầu ông chủ trương vẫn giữ chế độ phong kiến : có thiên tử và các vua chư hầu) có lẽ vì ông cho rằng các vua Chu không đủ tư cách hoặc phương tiện làm nên việc lớn, thống nhất Trung Quốc. Ông cũng không tới Sở và Tần, chê hai nước đó còn bán khai, không đáng làm chủ Trung Quốc chăng ? Rốt cuộc ông chỉ loanh quanh ở miền Lỗ, Đằng, Tống, Lương, Tề, tức miền lưu vực Hoàng hà, đã được khai hóa lâu đời hơn cả.

Bộ *Mạnh tử* mở đầu bằng hai chương Lương Huệ Vương thượng và hạ. Có lẽ ông tới Lương trước hết ! Thời đó kinh đô Lương và Tề là những đất văn minh nhất,

nơi các hạng sĩ (học sĩ, tức các triết gia như ông, biện sĩ, thuật sĩ) tới đông hơn hết. Ngay từ buổi hội kiến đầu tiên với Lương Huệ Vương ông đã tấn công nhà vua liền. Lương bị các nước chung quanh uy hiếp, năm—341 thua Hàn và Tề, năm sau lại bị Tần đánh, phải dâng Tần đất Hà Tây, dôi đồ qua Đại Lương, năm—318, lại thua Tần một lần nữa mặc dầu được Sở, Triệu, Hàn, Yên giúp sức. Vì vậy Huệ Vương muốn cho Lương mạnh lên, nên mới gặp mặt, đã hỏi ngay Mạnh tử có cách gì làm lợi cho nước ông không.

Mạnh tử gạt phăng :

— Vua cần gì phải nói tới lợi ? Chỉ nên nói tới nhân nghĩa mà thôi. (*Vương hà tất viết lợi ? Diệc hữu nhân nghĩa nhi dĩ hĩ. Lương Huệ Vương, thượng — bài 1.*)

Vì làm vua một nước mà chỉ nghĩ tới cái lợi cho nước mình, thì từ đại thần trở xuống tới người dân thường, ai cũng chỉ nghĩ tới cái lợi cho nhà mình, thân mình, như vậy nước sẽ loạn. Và lại mưu cái lợi cho nước mình thì phải làm hại nước khác, chính vì nước nào cũng chỉ tính cái lợi riêng cho mình nên mới có chiến tranh mà thời Chiến Quốc mới kéo dài mấy trăm năm. Phải lo cái lợi chung cho thiên hạ kia thì mới hết loạn, mà cái lợi chung đó là nhân với nghĩa.

Ta thấy lí tưởng ông hợp với truyền thống Khổng tử, trái hẳn với chủ trương của các chính trị gia, các pháp gia. Theo chính sách nhân nghĩa thì phải lâu mới có kết quả, mà Huệ

Vương nóng lòng, muốn nước mau mạnh, phàn nàn rằng đã hết lòng trị nước, cứu giúp dân nghèo, mà sao kết quả cũng không hơn gì các nước láng giềng, dân số vẫn không đông hơn các nước ấy; Mạnh tử lấy chiến trận ra giải thích cho nhà vua, bảo:

— Tiếng trống lệnh trời lên, hai quân giao chiến nhau, quân của nhà vua thua, cởi bỏ áo giáp, kéo đao thương mà chạy, kẻ chạy trăm bước rồi ngừng, kẻ năm chục bước rồi ngừng. Kẻ chạy năm chục bước có quyền chê kẻ chạy trăm bước không? Huệ vương đáp không. Mạnh tử kết luận:

— Vậy thì nhà vua cũng đừng nên mong dân số nước Ngụy đông hơn dân số các nước chung quanh.

Nghĩa là, chưa thấy kết quả chỉ tại chưa thi hành nhân nghĩa đến nơi đến chốn, còn phải kiên nhẫn nhiều, gắng sức nhiều nữa; mới bấy nhiêu, tuy đã khá hơn các ông vua khác nhưng chưa đủ.

Lần khác, Mạnh tử tỏ ra nghiêm khắc quá mức, Huệ Vương vẫn lễ độ, rất nhiều thiện chí, bảo xin nghe lời ông dạy bảo về trị nước, ông đã chẳng khuyến khích, còn mắng ngay vào mặt Huệ Vương là làm cha mẹ dân mà « sai thú ăn thịt dân »; vì « trong bếp vua có thịt béo, tàu vua có ngựa mập mà (...) đồng ruộng la liệt những kẻ chết đói » (Lương Huệ Vương, thượng, bài 4).

Ít lâu sau những cuộc hội kiến ấy, Huệ Vương băng; con là Tương

Vương lên nối ngôi. Mới gặp lần đầu, Mạnh Tử đã có ác cảm ngay với Tương Vương, khi ra khỏi điện, chê rằng « ở xa coi, không có khí tượng ông vua; lại gần chẳng thấy có chút oai nghiêm khiến cho mình kính hoặc sợ ». Tương Vương hỏi ông làm sao thống nhất được thiên hạ, ông đáp: Ai không giết người thì thống nhất thiên hạ. Cũng lại là lời ngầm trách các vua Lương bất nhân, không biết nuôi dân mà còn hiếu chiến.

Từ đó ông chán ngán, hết trông cậy vào nước Lương được, bỏ nước đó mà qua Tề.

oOo

Ông ở Tề lâu nhất, khoảng bốn năm năm mà cũng hy vọng ở Tề nhiều nhất, vì như trên chúng ta đã nói, Tề là một nước phú cường lại văn minh, được khai hoá từ lâu. kinh đô Tề hồi đó là nơi tụ họp những danh sĩ bậc nhất Trung Quốc. Vua Tề trọng đãi họ, cho họ ở những ngôi nhà lộng lẫy ở cửa tây kinh đô, tặng họ chức tước và lương bổng rất hậu, chỉ đề thỉnh thoảng hỏi ý kiến họ về việc nước, hoặc mời họ vô triều giảng về đạo lý, và viết sách truyền bá đạo của họ (1).

Mạnh tử hai lần tới Tề, lần đầu gặp Tề Tuyên Vương hỏi ông trên 50 tuổi. Chúng ta biết ông Tề Tuyên Vương này nhờ một câu trong *Cung oán ngâm khúc*:

(1) Theo Liu Wu Chi, trong *Là Philosophie de Confucius* trang 61.

« Bệnh Tề Tuyên đã nổi lên đùng đùng ».

Câu ấy cho ta một cảm tưởng xấu về ông, tưởng ông là hạng vua dâm dăng bậc nhất, như Kiệt, Trụ chẳng hạn. Sự thực ông không hiểu sắc gì hơn các vua chúa khác, có phần dễ thương nữa vì thẳng thắn nhận những nhược điểm của mình, (như ham nghe nhạc, săn bắn, gái đẹp) và có thiện chí muốn tu tỉnh, lại có lòng thương người.

Mạnh tử có cảm tình với Tuyên Vương, nhận chức khách khanh, đối với ông, không có giọng mặt sát gáy gắt như đối với Lương Huệ Vương và Tương Vương. Trong bộ Mạnh tử có 16 bài chép những lời ông khuyên bảo Tuyên Vương (mà chỉ có 5 bài về Lương Huệ Vương và 1 bài về Lương Tương Vương).

Lần đầu tiên (bài 7 — chương Lương Huệ Vương, thượng) Mạnh tử khen Tuyên Vương có đủ đức để dựng nghiệp vương (tức nuôi dân và thống nhất Trung Quốc) vì biết thương loài vật, không nỡ thấy con bò sợ hãi đi qua cửa điện vô tội mà bị đem giết để lấy máu làm lễ tột chuông, mà bảo kẻ tả hữu thả nó ra. Đem lòng nhân đó với con bò mà cư xử với dân trong nước, ban bố ân huệ trong nước, thì không lí gì không định được nghiệp vương.

Tuyên Vương mừng lắm, phục ông là thấy rõ tâm can của mình.

Rồi khi Tuyên Vương thành thực nhận tội ham thanh sắc, săn bắn, Mạnh tử cũng không trách, tỏ ra

rất khéo léo, bảo những ham thích đó không làm hại cho việc trị nước, trái lại có thể là cái phúc cho dân Tề nữa. Nếu nhà vua biết cho dân hưởng chung cái vui của mình (dữ bách tính đồng lạc), như cho họ cùng nghe nhạc với mình, mở cửa vườn hoa cho dân vào cắt cỏ, kiếm củi, săn trĩ, bắn thỏ và trị nước sao cho không có thiếu nữ nào buồn duyên về nỗi không chồng, không có cậu trai nào tủi phận vì nỗi không vợ; nếu nhà vua ham thanh sắc và săn bắn theo cách đó thì dân chúng sẽ quý mến mình, dựng nghiệp vương có gì là khó. (Lương Huệ Vương, hạ — bài 1, 2 và 5). Mấy bài ấy là những bài hay nhất trong bộ *Mạnh tử*: lời ôn tồn mà thấu đáo tâm lí, lí luận chặt chẽ, đôi chỗ hùng hồn.

Nhưng Tề Tương Vương chỉ biết nghe mà không biết thực hành đạo của ông, nên lần lần ông chán, giọng lại hóa ra gay gắt. Như trong bài 6, Lương Huệ Vương, hạ, ông hỏi đốp Tuyên Vương một hồi:

« — Ví dụ có người bề tôi của nhà vua, nhờ bạn trông nom giùm vợ con để mình qua chơi nước Sở, khi về thấy bạn để cho vợ con mình đói rét, thì người đó nên xử trí ra sao ?

Tuyên Vương đáp:

— Nên tuyệt giao với người bạn ấy.

— Lại ví dụ có một quan sĩ sự (quan đầu ti hình pháp) mà không cai quản nổi những người dưới quyền mình thì nên xử trí ra sao ?

— Nên cách chức đi.

— Lại thí dụ có một ông vua đề cho nước rối loạn thì nên xử trí cách nào ?

Tuyên Vương ngượng, ngó qua bên tả bên hữu, nói lảng sang chuyện khác.

Có lẽ từ đó Tuyên Vương không muốn gặp ông nữa. Một hôm ông sửa soạn vô triều yết kiến nhà vua thì một sứ giả tới cho hay nhà vua bị cảm hàn, muốn lại thăm ông mà không được, hôm sau sẽ họp triều, mong được ông tới. Mạnh tử biết là nhà vua không thành thực, đáp rằng ông cũng đau, hôm sau sẽ không vô triều được. Và hôm sau ông đi thăm một người bạn. Vừa ra khỏi nhà thì sứ giả dắt một ngự y tới đề sẵn sóc cho ông. Cháu của Mạnh tử tiếp sứ giả phải nói dối rằng bệnh ông đã bớt, ông đã đi vô triều rồi, và tức tốc sai mấy người nhà đi kiếm ông, xin ông vô triều ngay đi. Nhưng ông cứ thản nhiên, không thèm vô triều, tối đó ngủ lại ở nhà người bạn (Công Tôn Sửu, hạ, bài 2).

Thấy đạo của mình cũng không thi hành được ở Tề, ông định tâm bỏ đi. Tuyên Vương hay ý đó, lại thăm ông và sai người thuyết phục ông ở lại, ông không nghe. Nhà vua còn muốn dựng một học viện, đón ông lại độ dạy đạo lý, cấp cho ông mỗi năm mười ngàn chung thóc để nuôi học trò, như vậy cho mọi người trong nước, từ các quan đại phu tới thường dân, có một bậc thầy để

ngưỡng mộ và noi gương. Mạnh tử cũng không chịu, nhất định bỏ đi.

Tuy nhiên, khi ra khỏi kinh đô Tề rồi, ông có ý nấn ná, dừng chân ở ấp Trú ba ngày, mong Tuyên Vương đổi ý mà triệu ông trở lại. Ông kể lẽ tâm sự với một môn sinh là Cao tử :

— Thầy đã đi ba ngàn dặm, đến hội ngộ với nhà vua (là để giúp vua trong việc trị nước bình thiên hạ). Nay nhà vua không biết dùng thầy thì thầy mới ra đi, chứ đâu có muốn vậy. Thầy dừng chân ở ấp Trú ba ngày là mong nhà vua triệu thầy trở lại. Khi không thấy nhà vua triệu lại, thầy mới quyết tâm về quê nhà (...) Nếu nhà vua biết dùng thầy thì thầy sẽ làm cho dân nước Tề được an cư lạc nghiệp, mà toàn dân trong thiên hạ cũng được vui cảnh thái bình nữa.

Ông có vẻ rầu rầu, nói với một đệ tử khác là Sung Ngu :

— Trời chưa muốn cho thiên hạ được bình trị. Nếu muốn thì ở thời này, ngoài ta ra còn ai giúp được ? Được vậy thì ta mừng lắm chứ.

oOo

Trong số các vua chư hầu, người trung thành, tin ông nhất là Đằng Văn Công. Trong bộ *Mạnh tử* có bảy bài chép những lời khuyên Văn Công.

Đằng là một nước nhỏ (theo Lín Wu Chi, chỉ rộng mười sáu cây số vuông) ở vào giữa hai nước mạnh lớn : Tề và Sở, cho nên bị cái cảnh

như trên đe dưới búa. Cồ nhân đã có bài thơ Vịnh nước Đẳng như sau :

*Đẳng quốc xưa nay vốn nhỏ nhen
Lại thêm Tề Sở ép hai bên.
Quay đầu về Sở, e Tề giận
Ngửa mặt sang Tề, sợ Sở ghen*

Chính vì ở tình thế khó xử đó, nên vua Đẳng cần được Mạnh tử chỉ bảo. Ngay từ hồi trẻ, còn là thế tử, Đẳng Văn Công đã ngưỡng mộ Mạnh tử, có lần nhân qua Sở, đi ngang qua nước Tống, lại thăm ông, nghe ông giảng về tính thiện và đạo của Nghiêu, Thuấn. Rồi khi ở Sở về, lại ghé thăm ông nữa. Lần này ông ngỡ thế tử chưa tin hẳn lời ông giảng lần trước, nên dẫn lời của Nhan Hồi, môn đệ Khổng tử : « Ông Thuấn là người gì ? Ta là người gì ? Nếu ta gắng sức làm điều thiện thì cũng như ông Thuấn ». Vậy thế tử chịu thi hành nhân chính, thì cũng sẽ lập được sự nghiệp như Nghiêu, Thuấn Nước Đẳng tuy nhỏ, bót bề dài phụ cho bề ngang, được mười lăm dặm, nhưng thi hành nhân chính thì cũng thành một nước tốt (thiện quốc). (Đẳng Văn Công, thượng — bài 1)

Thế tử mừng và tin ông lắm, cho nên khi vua cha là Đinh Công mất, thế tử nhờ sự phó của mình là Nhiên Hữu lại nước Trâu hỏi Mạnh tử về tang chế. Mạnh tử khen lòng biểu của thế tử và khuyên cư tang ba năm, trong thời gian đó, bận áo sô gai, ăn uống đạm bạc, theo tục lệ các đời Hạ, Ân, và Chu. Nhưng bậc cha anh trong họ và các quan trong triều phản đối, bảo Đẳng không hề

có tục ấy, cứ theo tang chế của Đẳng, đừng nên sửa đổi. Nhiên Hữu lại phải hỏi lại Mạnh tử một lần nữa. Mạnh tử giữ vững chủ trương của mình, dẫn lời của Khổng tử và bảo người bề trên như gió, kẻ dưới như cỏ, gió lướt tới đâu, cỏ rạp tới đó, hễ mình nêu gương cho dân thì dân tất theo. (*Quân tử chi đức phong dã, tiểu nhân chi đức thảo dã, thảo thượng chi phong tất yền*)

Thế tử nghe lời, bỏ cung điện, ra ở lều tranh trong năm tháng ; mọi việc nước đều giao phó cho quan Trùng tề, đến khi tổng táng vua, các vua chư hầu đến diếu, dân chúng bốn phương trong nước đều tới coi, thấy thế tử dung nhan tiêu tụy, khóc lóc thảm thương ai nấy đều phục lòng chí hiếu của thế tử (Đẳng Văn Công thượng — bài 2)

Ít năm sau, Đẳng Văn Công vời Mạnh tử tới triều đề hỏi về việc nước :

— Đẳng là nước nhỏ, bị ép ở giữa Tề và Sở, vậy nên thờ Tề hay thờ Sở ?

Mạnh tử đáp :

— Mưu ấy tôi chưa tính tới. Nhưng nếu nhà vua không muốn hàng phục thì cứ đào hào chung quanh thành cho thật sâu rộng, xây thành quách cho thật cao dày, rồi nhà vua cùng với dân chúng ra sức chống giữ, dân chúng sẽ liều chết chứ không bỏ chạy đâu. (Lương Huệ Vương, hạ — bài 13).

Lần khác, Văn Công thấy Tề đã

chiếm nước Tiết, đào hào xây lũy ở đây, đâm hoảng, hỏi Mạnh Tử cách đối phó.

Mạnh tử không biết đáp sao, chỉ bảo thời xưa vua Thái vương còn ở đất Mân, bị rợ Địch xâm lấn, không chống cự được bèn bỏ đất Mân mà đến ở chân núi Kì. Đẳng Văn Công cứ làm điều thiện đi, đời sau con cháu sẽ có người lập được nghiệp vương mà thống trị thiên hạ. «Cứ gắng làm điều thiện đi, như vậy đủ rồi». (*Cưỡng vi thiện nhi dĩ hi*). Lương Huệ Vương, hạ — bài 14). Bỏ nước Đẳng cho Tề chiếm, thì trốn ở đâu? Lời khuyên đó thật mơ hồ, không thực tế, không thuyết phục nổi Đẳng Văn Công.

Cho nên lần khác, Văn Công lại hỏi :

— Đẳng là nước nhỏ, hết sức thờ nước lớn mà cũng không được yên, phải làm sao bây giờ ?

Mạnh tử không có ý kiến gì khác, lại đem việc vua Thái Vương nước Mân thời trước ra giảng, và kết luận : chỉ có hai cách, một là liều chết với dân giữ thành; hai là bỏ nước mà đi sống ở nơi khác, dân sẽ đi theo (Lương Huệ Vương, hạ — bài 15)

Thực ra ai ở vào địa vị ông, cũng không có cách nào trả lời khác được. Ở vào thời chiến Quốc, một nước

như nước Đẳng không sao tồn tại lâu được, sớm muộn gì cũng bị Tề hoặc Sở thôn tính, chắc Mạnh tử cũng đã hiểu lẽ đó, nên buổi hội kiến đầu tiên, ông chỉ bảo Đẳng có thể thành một nước tốt chứ không bảo thành một nước mạnh thống nhất được Trung Quốc. Sở dĩ ông nhận lời mời của Văn Công mà qua Đẳng là để khỏi phụ lòng ngưỡng mộ của nhà vua, chứ không mong gì Đẳng lập được nghiệp vương. Văn Công còn trẻ, ngây thơ, quá tin ở thuyết của ông, tưởng đâu có thể theo lời dạy bảo của ông mà giữ vững được xã tắc.

Thật là chua chát cho Văn Công ; Thành tâm theo đạo Nghiêu Thuấn mà không được ; mà cũng buồn cho Mạnh tử : ông vua một nước phú cường như Tề Tuyên Vương thì không nghe lời ông, chỉ muốn coi ông như một vật trang sức cho triều đình; còn người tin ông, chịu theo đạo ông, như Đẳng Văn Công thì lại làm chủ một nước nhỏ quá, lo bảo vệ giang sơn không xong. Rốt cuộc, về chính trị ông còn thất bại hơn Khổng tử, ông sớm biết vậy nên khoảng sáu mươi tuổi trở về quê nhà chuyên dạy học và viết sách như Khổng tử

NGUYỄN HIỂN LÊ

(Trích trong cuốn « MẠNH TỬ »
sắp xuất bản)

THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dãy số: 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Cột tiền thanh toán xin chuyển vào Truong-mục Bưu-điện SAIGON

Số: 2.701 THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

**hãy
hút...**



BASTOS **WOW**



ĐẦU LỘC
tuyệt hảo

Chữa mắt bằng tia laser

Các tổn thương ở mắt là những biến chứng rất phổ biến, trong bệnh tiểu đường. Đến 70 % các bệnh nhân bị bệnh tiểu đường có thể sớm muộn cũng bị biến-chứng ấy. Có bệnh nhân vẫn nhìn khá rõ vài năm sau khi bị biến chứng, nhưng trái lại có người chỉ trong vòng vài tháng là họ mù hẳn. Thông thường cứ 2 người bị biến chứng mắt thì một người bị mù trong vòng một năm. Y khoa đã dùng rất nhiều biện pháp trị liệu nhưng kết quả đạt được rất khiêm tốn: Rutin, trypsin, các kích tố nam và nữ, các chất cortis nes v.v.. Cách chữa trị mới nhất là dùng tia Laser. Trong câu chuyện dưới đây, tác giả là một người cũng do biến chứng của bệnh tiểu đường khiến một vài mạch máu nhỏ trong võng mạc bị đứt, tạo nên những cục máu đặc trong mắt và trong bệnh viện ông đã được các bác sĩ dùng những tia Laser để đốt bỏ các đám tụ máu. Xin mời bạn đọc theo dõi người bệnh kể lại các giai đoạn trị bệnh tối tăm này.

Nhật thực trong đôi mắt

...Đồng hồ đánh thức tôi dậy khoảng 10 giờ sáng. Tôi biết trời sáng, tôi biết vạn-vật đã chào đón bình minh nhưng trong giây phút chuyển tiếp ấy, tôi chợt cảm thấy mình nên chuẩn-bị ý-thức là hơn ngỗ hầu không đau khổ nhiều thêm nữa nếu mình biết rằng mình hoàn toàn mất ánh sáng quý báu.

Các bạn biết không, bầu trời trong mắt tôi chỉ là một vùng ánh sáng lập-lòe bị che đậy bởi một mảng đen chính giữa. Những gì tôi có thể thấy ngày hôm nay chẳng khác nào một ngày Nhật-thực dài đằng đằng, khác chút xíu là mặt trời bị mặt trăng che khuất một cách quái-đản hơn vì mặt trăng gồm toàn những hình thù lập thể, méo mó, ghê rợn! Tôi thấy đau đau... cái đau tinh-thần lẫn thể xác... trong khi đó, trời đất, thế-giới của tôi càng trở nên tối tăm,

mờ mịt như tâm can tôi...

Tôi vội quàng gọi điện-thoại và tức tốc nhờ người đưa mình thẳng đến bệnh viện để được giáo-nghiệm. Tôi không quên mang theo một cây thánh giá nhỏ nhỏ.

Tại bệnh viện, những bông người áo trắng đi lại, khung cảnh êm đềm và bình dị của không-khí y-khoa đã trấn an tinh-thần tôi. Sau khi được khám xét và đưa qua nhiều cơ-cụ trợ-nghiệm, một vị bác sĩ tiếng nói trầm mặc, nhẹ nhàng đã tiết lộ với tôi rằng tôi đã gánh nhận một hậu quả của bệnh tiểu-đường mà tôi không hề ngờ tới: một vài mạch máu li-ti trong võng-mạc bị đứt, tạo nên những cục máu đặc trong mắt. Tôi đã nhìn thấy các mảng màu đen ghê rợn chính là những cục máu đó.

Nhiều khi chúng ta vô tình nhìn thấy những đốm màu lạ hiện trên tầm mắt là vì những hiệu tượng

sinh-lý hoặc tâm-lý-tạo bởi sự loạn-thị cấp-thời, giai đoạn khi tiểu não và hạ tầng thị-giác trong não bộ không diễn đạt trung-thực hình ảnh thâu nhận. Tuy nhiên trong trường hợp của tôi, nhìn thấy những đốm đen là một dấu hiệu nguy-hiểm vì nó bắt nguồn từ chứng tiểu-đường. Từ căn bệnh này, nó có thể dẫn dắt đến sự kiện cơ-năng thị-giác bị hủy hoại đề rồi người bệnh bị mù lòa bất ngờ. Triệu chứng của sự mù lòa bắt đầu bằng những gì mà tôi vừa kể cho các bạn nghe tức là các mạch máu bị vỡ ở mặt sau của võng-mạc.

Đề cứu tôi, phẫu-thuật không hứa hẹn; phóng-xạ học lẫn quang-tuyến X đều từ chối. Lối thoát duy nhất là dùng một loại tia sáng đặc biệt để đốt bỏ các điểm tụ máu li-ti và đóng kín những mạch máu đứt trong võng-mạc: Đó là tia laser.

Một « Mission impossible »

Thế rồi tôi nằm lại bệnh viện ngay sáng hôm đó. Bản chất bác ái của những nhân viên y-khoa đã làm cho lòng tôi thật thanh-thản. Tôi mừng thầm.

Ngay sau khi tôi được diu vào phòng tiền-trị liệu, hai cô y-tá và ba chuyên-viên quang-học đặt tôi nằm trước một máy chụp hình điện tử với tia X. Họ bắt đầu chụp võng-mạc tôi để thám-giác tốc-độ và mô-thức vận chuyển của máu trong đôi mắt. Kể đến, cô Y-tá nâng cao một ống chích với một loại thuốc nhuộm, cô ta chích thẳng vào mạch máu tôi trên cánh tay trái. Lạ thay, tôi có

thể cảm thấy một cái gì ngổ ngổ chạy rần trong máu. Một vài giây sau, màu nhuộm xuất-hiện trong các mạch máu chẳng chịt ở võng-mạc. Sự di-chuyển của màu nhuộm được chụp thành nhiều bức hình khác nhau, nhờ vậy, sự lưu-thông của máu trong võng-mạc có thể được khám phá dễ dàng.

Chưa hết, tôi lại phải nhận thêm mũi chích màu nhuộm lần thứ nhì. Trước khi, màu nhuộm 2 được đưa vào máu, tôi phải đợi cho đến lúc màu nhuộm 1 được thải ra khỏi hệ tuần-hoàn đã. Thời gian này kéo dài hàng giờ lặn. Thật khôi hài cho tôi là tôi phải đi ra phố ăn cơm trưa trong thời gian chờ đợi để cơ-thể vẫn được dinh-dưỡng ngõ hầu tôi giữ sức khỏe mà tiếp tục nhận các giai đoạn trị-liệu khác. Tôi ra phố, mọi người đều trở mắt nhìn tôi như một quái vật dị hợm hoặc một tên nghiện bạch-phẩn kinh-niên vậy. Không lạ sao được khi da tôi lúc ấy vàng khè như một quả chuối chín mọng, vàng bệnh hoạn, vàng đau gan v.v... Sau đó, màu nhuộm 2 mới được chích vào máu để Bác-sĩ tiếp tục theo dõi sự vận hành của máu trong võng-mạc. Sự xử dụng phương pháp trên, theo lời Bác-sĩ, tiện lợi hơn phương pháp cũ mặc dù nó có hơi phiền hà cho bệnh nhân đôi chút. Nghĩa là bác sĩ sẽ khám-nghiệm khả năng thâu nhận cảnh vật của đôi mắt; xong thử và đo bằng máy cường-độ hư hại của từng con mắt nhất là vùng bị máu đặc quấy phá. Tôi lại được ra lệnh cố gắng hết sức để mở rộng tầm mắt. Vấn đề tiền-

trị liệu không những chỉ gồm việc khám nghiệm; vị bác-sĩ còn phải được bệnh nhân cung cấp nhiều tin tức khác đề bồ-túc, thăm định cùng nghiên cứu phương pháp mới. Dữ kiện cần thiết bao hàm các chi tiết về quá-khứ, nghề-nghiệp, tâm-lý, cá tính v.v. của bệnh nhân.

Ăn cơm xong, tôi trở lại phòng bệnh. Bác sĩ và một chuyên viên phụ tá nhỏ vài giọt dung-dịch đặc biệt có tác dụng làm nở coa người tôi ra. Một thời gian sau, thuốc công hiệu. Bây giờ bác sĩ có thể xem rõ bên trong con người tôi rồi.

Có tiếng chân ai vào phòng. Trong ánh mắt loang lổ của tôi, tôi nhận ra một dáng đàn ông chững-chạc, gương mặt tươi trẻ. Ông ta khám mắt tôi và nói vào một cái máy ghi âm để thu lại những tin tức về tình trạng sinh lý của đôi mắt. Sau đó, ông đem tôi vào một gian phòng trị liệu thật sự: phòng Laser.

Sự vật chung quanh bất chợt tạo trong đầu tôi nhiều cảm giác kỳ lạ. Phòng trang bị hàng chục bộ phận máy móc điện-tử chằng chịt. Tường chừng như tôi đang đi thăm căn-cứ không gian tại mũi Kennedy vậy. Tôi được đặt lên một cái ghế to tương như cái ghế của tôi nhân bị tử hình. Trước mặt là một máy phóng tia Laser hình thù kiểu «khoa học giả-tưởng»; bên cạnh, một bác sĩ chuyên khoa Laser sinh học đang sẵn sàng. Ông ta nhìn tôi cười bí mật, tôi nửa vui, nửa sợ nên chỉ cố gắng nhếch được một bên mép.

Một nữ chuyên viên Laser nhẹ nhàng xiết đai cột cổ và đầu tôi vào thành ghế, chân tay tôi cũng bị cột luôn. Ông bác sĩ ban nãy xích đến bên cạnh tôi; cầm trên tay một cặp thấu-kính Contact, nhúng vào một loại nước tắm hóa-học; đặt kính vào mắt tôi để tia Laser khi phóng vào không bị chiết-xạ. Kế đến, ông đưa máy Laser gần mắt tôi và bắt đầu tính toán để ấn định bề rộng của tia Laser, cường độ của tia Laser. Việc làm của ông thật tế nhị vì vùng được Laser thấu nhập chỉ có đường kính từ 50 micron đến 1mm và cường độ luồng Laser từ zéro đến 1 watt mà thôi. Hơn thế nữa, cả hai phải được tái điều chỉnh sau mỗi lần phóng tia Laser để giới hạn vùng chữa trị và không phương hại đến các tế bào lành mạnh còn lại trong đôi mắt.

Vấn đề kỹ-thuật đã được chuẩn bị sẵn sàng. Cô chuyên viên Laser đang đứng sau bàn điều-khiển với vô số các nút bấm, đồng hồ tính vi luồng Laser sẽ phát xuất từ một ống hơi-argon, truyền sang bộ phận tụ-quang (photo coagulateur) nhìn giống như một hệ thống thấu kính, gương phản chiếu xấp xếp bên nhau. Tia Laser được phóng ra bằng một bàn đạp đặt dưới chân trong khi 4 bàn tay của 2 chuyên viên Laser được dùng để điều chỉnh máy ngắm tiêu-diểm, kiểm-soát dung lượng Laser phóng ra. Mỗi tia Laser xuất hiện, mỗi phản ứng sinh lý của cơ thể người tiếp nhận, mỗi biến chuyển trong võng-mạc bệnh đều được bác-

sĩ quan-sát từng giây qua những máy điện báo, vô-tuyến đặt tại bàn điều khiển. Tùy theo tình-trạng bệnh-lý, người ta có thể dùng từ 1 đến 2000 tia.

Tất cả mọi người đều ở trong tư thế chuẩn-bị. Tôi hồi hộp chờ đợi. Ba vị đặc trách trị-liệu đều im lặng, chăm chú nhìn máy. Một chiếc điện thoại cấp cứu cũng được báo động. Một cái chuông nối liền với phòng hội sinh sẵn sàng nhận lệnh.

Bầu không khí của phòng Laser bỗng trở nên nghẹt thở.

Bác sĩ trưởng toán khẽ vẩy tay ra dấu bắt đầu...

Tia sáng Laser

Trước mắt tôi, hàng loạt ánh sáng lóe lên đập mạnh vào con người của tôi. Một cảm giác kỳ lạ cuộn-cuộn chảy ran cơ thể. Tôi tưởng như cả ngàn nhiếp-ảnh viên đang vây lấy tôi và chụp hình có đèn flash một lượt... Ánh sáng màu xanh lá cây trông tuyệt đẹp nhưng ghê rợn... sau mỗi tia sáng, tôi cảm thấy đau nhói thật nhanh đau tận trong óc, dường như có ai dùng một cây kim cực nhỏ, nhọn đâm xuyên tròng mắt, caich vào con người... ánh sáng đi nhanh đến nỗi tôi không kịp nhận ra cái đau đó nữa.

Liên tiếp cả mấy trăm luồng Laser phóng vào mắt tôi, tôi thấy ẽ ầm ầm náo, mắt muốn nhắm lại nhưng lớp kính contact bác sĩ đặt trong mắt khiến tôi không làm sao nhắm được trong lúc tôi cố gắng mở to mắt ra

để được điều trị. Ấn tượng bị mù lòa khiến tôi càng phải tập trung ý chí mở to mắt. Tôi cần rằng, tay bấu mạnh vào thành ghế, nếu cái ghế làm bằng gỗ nệm thì có lẽ nó đã nát như rồi. Tôi muốn gục đầu xuống ngay sau tia Laser ngưng hoạt động trong giây lát để được điều chỉnh nhưng dây đai buộc cổ đã giữ cứng cái đầu tôi. Chắc ông bác sĩ iết trước phản ứng của tôi nên ông ta cho thắt đai an toàn hơi chặt. Công nhận là họ làm việc khá chu đáo vì nếu đầu tôi nhúc nhích chừng 1mm, công việc trị liệu sẽ như vô hiệu và nguy hiểm. Tôi còn nhớ người ta dùng tia Laser để cắt kim cương lặn! Trong khi đó mặt tôi quá mềm so với kim-cương.

Được rách vài giây còn con, tôi thấy ông bác sĩ loay hoay nơi bàn điều-khiển rồi đến bên tai tôi khẽ nói những lời thật phúc-hậu, từ-bi như để giúp tôi giữ vững ý chí. Ôi thật đáng quý tình-thần yêu thương nhân loại cao cả của họ. Họ lo lắng cho tôi từng giây, từng phút, từng mảnh sống, từng lời thương! Chưa kịp vương vấn tư-tưởng, cuộc trị-liệu lại tiếp tục.

Hàng loạt tia sáng xanh ngắt, trong biếc chích vào mắt tôi. Lần này nó bén hơn, nhanh hơn. Mắt tôi hoa lên. Ở giữa đầu tôi như có cái gì nhoi nhoi. Nhưng nguồn hy vọng bình phục, niềm tin tưởng nơi khoa học tinh-xảo đã giúp tôi mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Không có sự đau đớn nào mà tôi lại không thể chịu đựng được và không có một ý chí

nào mà tôi không bám lấy.

Khoảng 5 phút sau, bác sĩ ghé tại tôi cho biết việc trị-liệu bằng Laser đã hoàn tất. Ông ta không nói kết quả nhưng trực-giác đã báo trước sự thành công của nó. Tôi không chú quan nhưng tôi tin tưởng như vậy. Tôi vẫn còn nhức đầu. Mắt tôi vẫn còn mờ mờ, lập lòe ánh đèn xanh...

Bác sĩ tháo kính contact trong mắt tôi ra và rửa sạch bằng một loại dung dịch muối.

Tôi được đưa về nhà trong lúc mắt còn mù mây, đầu còn nặng trĩu. Tôi chệnh choáng bước lên xe Hồ 10-thập-tự về nhà dưỡng bệnh và sẽ trở lại bệnh viện để được giao-nghiệm lần thứ hai...

Laser argon trị bệnh

Trước khi kể cho các bạn nghe kết quả thực sự của đôi mắt tôi, tôi muốn mượn lời của ông bác sĩ đã chữa mắt tôi để nói về việc dùng tia Laser trong Nhân khoa liệu-pháp.

Máy tụ-quang (photo coagulateur) Laser-argon mấy năm nay đã chứng tỏ sự hữu-hiệu của nó trong những căn bệnh về mắt mà hầu hết các phương tiện thông thường đành chịu bất lực. Trường hợp của tôi, dây thần-kinh thị giác bị ảnh hưởng bởi chứng tiểu-đường nên rất khó điều trị nếu không có kỹ thuật tân tiến phụ trợ. Tôi được cho biết hàng ngàn nạn nhân kém may mắn như tôi đã phải chịu thiệt thòi với đoạn cuối cuộc đời, sống trong đêm tối, vì phương tiện máy móc, nhân-lực của quốc gia họ còn yếu kém.

Yếu tố thuận tiện trong việc sử dụng tia Laser argon nằm ở chỗ mô nhãn-cầu có thể hấp-thụ làn sóng ánh sáng xanh lục thật dễ dàng. Do đó, vùng bị hư hại có thể được trị tuyệt mà không vô tình chi phối không cần thiết những mô khác. Laser argon hiệu-năng chữa trị các bệnh về mạch máu, bệnh về máu tạo bởi những biến chứng của bệnh khác.

Bản tính liên-động của làn sóng Laser argon không làm bệnh nhân kinh-hoảng hoặc chấn-động thần kinh như tia Laser đỏ.

**Ý chí + kiên nhẫn + tin tưởng =
Thành công!**

Hơn mấy tuần lễ, tôi không dám làm gì cả vì mắt quá mờ. Những gì mà tôi thấy được có vẻ chập chờn, bóng loáng làm sao đó. Duy chỉ một vấn đề tôi phải tuyệt đối tuân hành: kỷ luật của bác sĩ. Kỷ luật đó đòi hỏi tôi nhiều ý chí, nhiều kiên nhẫn và luôn luôn tin tưởng vào tương lai tốt đẹp hơn sau này dù tôi có thất bại hoặc bị mù lòa.

Tôi phải tránh tất cả những hoạt động mạnh. Nếu lỡ làm nóng giận, hoặc có cử chỉ thiếu kiểm soát sẽ làm áp huyết lên cao và làm đứt những mạch máu nhỏ trong mắt. Như vậy, máu sẽ chảy trong võng-mạc và tụ lại thành những đốm đen cũ. Hơn nữa, một khi mạch máu bị dồn ép vì tăng áp-huyết, các mô bị thẹo sẽ lớn dần dần rồi hủy hoại hoàn toàn sự tiếp nhận ánh sáng của thần kinh. Dù Laser xanh hay tím gì cũng không thể hàn gắn được.

Không được nâng, cầm, kéo, xách vật nặng, phải ngủ với đầu cao hơn chân bằng cách gối ít nhất hai ba cái. Chưa hết, tôi không được ho, không hắt-xì, không được nói lớn tiếng không được nhăn nhó, không được cau có và không được... cười lớn !

Liên tiếp mấy tháng trường, tôi trở nên tử tốn, hiền diệu. Giờ đây, tương lai của tôi chính là những gì tôi đang làm. Việc không khó gì nếu nghĩ đến hồi bị đe dọa bởi viễn-tượng mù lòa, đương nhiên mình phải kiên nhẫn để phục hồi.

Mọi người trong chúng ta ai ai cũng đều có mắt để nhìn từ thuở lọt lòng mẹ nên ít ai để ý đến đôi mắt. Nhưng một ngày nào không may mắn bị hư hại hoặc mù lòa thì mới hiểu rằng mình đã mất một cái gì quá quý báu. Không nên xem thường những dấu hiệu đáng nghi ngờ. Mắt bệnh tiêu-đường, cần chữa trị cấp thời với ý-chí và kiên-nhẫn. Nếu thấy mắt hơi mờ hoặc lập loè, đó có thể là điềm báo trước cho

chứng tụ máu trong võng-mạc như tôi đã gặp phải qua câu chuyện tôi kể lại.

Riêng về phần đôi mắt của tôi, một con sẽ không bao giờ bình phục nữa vì tôi đã lăm lỏi khi thờ-ơ với chứng tiêu-đường. Hiện nay, tôi vẫn còn thấy một đốm màu đen nho nhỏ tạo bởi vết sẹo của mạch máu đã lành lặn. Bù lại con mắt kia gần như bình thường rồi các bạn ạ.

Dù sau, tôi thật may mắn, may mắn hơn rất nhiều người, những người phải lấy đêm tối vĩnh-cửu làm ánh sáng tin tưởng để sống đời sống mà họ muốn gọi nó là hạnh phúc.

Cám ơn thượng-đế, cám ơn khoa học và xin những ai còn bị đẩy vò bởi sự thiếu thốn ánh sáng nhận nơi đây lời cầu nguyện của tôi.

TRẦN NHẬT BẢO

(Thuật theo lời của Bác sĩ Christian Dzeng và chuyên-viên Laser Ann Hammond trong nội-san của Bệnh-viện Palo Alto, California, Hoa kỳ, số 14 — Tháng 2 năm 1974.)

ĐÓN ĐỌC

HÀM NGHI và PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG

của ĐÔNG TÙNG và HỒNG LIÊN

Căn cứ trên những tài liệu chưa được công bố:

- về những hoạt động tích cực của phong trào Cần Vương tỉnh Nghệ-an
- về niên hiệu Hàm Nghi thứ 5, 6, 7, 8, 9, 10
- về nguyên văn các tờ trình, văn kiện trong nội bộ Cần vương; tư văn của Nguyễn Thân, Hoàng Cao Khải gửi các quan Pháp; biên bản khám nghiệm tử thi Phan Đình Phùng v.v... Tất cả đều được chụp in lại nguyên bản.

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

Bước đầu của văn học Hán Nôm...

(tiếp theo trang 16)

Dù hai đoạn văn biểu lộ sự xuất phát từ một nguồn tài liệu, dù có sai biệt về «kẻ nghèo được học» và «kẻ nghèo không được học», chúng ta vẫn thấy rõ và tin chắc phong trào văn học ở Phương Thành đến đây được xem là rục rở.

Mạc Cửu mất năm 1735, con trưởng là Mạc Tông, tự Thiên Tích, dâng thư cáo phó. Năm sau, 1736, chúa Phúc Chú cho Thiên Tích kế tập theo cha, cai trị trấn Hà Tiên. Ngoài công việc chinh đốn quân sự, chính trị, Mạc Thiên Tích chú ý đặc biệt đến văn học. Ông đã chiêu tập những văn sĩ tài nghệ từ các nơi về Hà Tiên (1). Trịnh Hải Đức đã mô tả sinh hoạt văn học đương thời rất đáng chú ý :

«Mạc Thiên Tích chiêu tập nhiều văn sĩ tài giỏi ở các nơi, do đó, văn nhân tỉnh Phước Kiến là bọn Châu Phát (...), nhóm người Quảng Đông là Lí Kỳ Nhiên (...), những người phủ Triệu Phong là Phan Đại Quảng (...); người phủ Gia Định là các ông Trịnh Liên Sơn (...); ở Qui Nhơn có Hòa thượng Huỳnh Long (...). Họ nối gót nhau mà đến. Mạc Thiên Tích mở Chiêu Anh Các, mua sách vở, ngày ngày cùng chư nho thảo luận. Họ vịnh mười cảnh Hà Tiên. Số thi sĩ đáp họa thật đông. Bắt đầu từ đó văn phong mới truyền ra đến miền biên xa xôi ấy. Chính Tông Đức Hầu (Thiên Tích) đã viết và có cho khắc bản đề in sách *Hà Tiên Thập Vịnh* và sách *Minh*

bột di ngư đề truyền lại cho đời »(2).

Sự phát triển văn học Hà Tiên, ngoài mấy chứng dẫn trên, còn Lê Quí Đôn trong *Phủ biên tạp lục*, Vũ Thế Đình trong *Hà Tiên Trấn Hiệp trấn Mạc thị gia phả*, Nguyễn Văn Siêu trong *Phương Đình dư địa chí*, Quốc sử quán trong *Đại Nam nhất thống chí* và sách *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú thừa nhận. Còn việc phát triển tại miền Phiên Trấn và Trấn Biên, đã có sách *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, *Đại Nam thực lục tiền biên* và một số sách khác nhắc nhở.

Theo các tài liệu này thì vào hạ bán thế kỉ 18, phong trào văn học miền Đồng Nai được nảy nở mau lẹ hơn là nhờ công lớn của Võ Trường Toản. Ông người huyện Bình Dương, phủ Gia Định, sức học sâu rộng mà chí khí thanh cao. Gặp thời chiến tranh Tây Sơn - Nguyễn Ánh ông ẩn dật dạy học, không thêm bôn chôn lợi danh. Học trò theo học với Võ Trường Toản thường đông hàng trăm. Những người nổi danh uyên bác sau này như Ngô Tùng Châu, Trịnh Hoài Đức, Phạm Ngọc Uẩn, Lê Quang Định, Lê Bá Phẩm, Ngô Nhơn Tịnh

(1) Lê Quí Đôn : *Phủ biên tạp lục*, quyển 5/169 b.

(2) *Gia Định Thành thông chí*, quyển 3/ Hà Tiên trấn, tờ 64b, 65a — Cheng Ching Ho; *Hà Tiên trấn Hiệp trấn Mạc thị gia phả* chú thích, *Bulletin of the College of arts, National Taiwan University*, N^o7, April 1956 — ĐNLTTB, quyển 6, mục *Chư Thần*, tờ 3a đến 6b.

đều có thụ nghiệp với ông. Chúa Nguyễn lúc khắc phục Gia Định, từng triệu Võ Trường Toản đến đề hỏi han và tỏ lời khen ngợi tinh thần cao thượng của một bậc học-giả nhiều đức vọng. Ông tiếp tục cho đến suốt đời công tình khai hóa đó tại miền Đồng Nai (1).

Rồi đến Đặng Đức Thuật, tự Cửu Tur. Ông này chưa rõ sinh quán ở đâu. Cũng học rộng, hay thơ, lại sở trường về sử học. Lúc chạy loạn Tây Sơn - Nguyễn Ánh, ông khi ở Gia Định, lúc dời về Bình Thuận, nhưng ở đâu cũng muốn ăn dật dạy học làm vui. Văn học giới đương thời gọi ông là Đặng gia sử phái. Lúc ở Gia Định, các ông Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhơn Tịnh, Lê Quang Định, Nguyễn Hương nghe danh ông, đều có đến tôn làm bậc thầy. Thi học đất Gia Định, từ đó càng thêm phát triển. Khi Nguyễn Ánh chiếm Gia Định, ông có đến ra mắt. Chúa Ánh thấy Đặng Đức Thuật là bậc lão thành túc nho, lấy làm trọng dụng, nên ban cho chức Hàn lâm viện thị giảng Giám nghị. Tính tình ông ngay thẳng, gặp việc trái dám nói ngay, cho nên có lúc can vua không được, ông từ quan ra đi (2).

Lại có Đặng Đức Siêu, còn mang tên là Chiêu. Ông này người gốc Bồng Sơn (Bình Định), khi đỗ Hương tiến năm 16 tuổi và được bổ làm Hàn lâm viện thời chúa Duệ Tông. Khi Tây Sơn nổi lên, ông bỏ chạy vào miền Nam, ở ẩn tại Long Hồ. Nơi đây, ông mở trường dạy học và trước tác. Cho đến 1798, ông theo

Nguyễn Vương, được trọng dụng. Ông giúp chúa nhiều mưu lược và soạn thảo nhiều công văn. Lúc đại định, được thăng chức Lễ bộ Thượng thư. Tác phẩm đã viết: *Thương Sơn tứ hiệu, Trương Lương chùy, Tô Vũ tiết, Văn tế Phò mã Chương hậu quả, Võ Tánh và Lễ bộ Thượng thư Ngô Tùng Châu, Hồi loan khải ca v.v...* (3).

Hình ảnh của bốn trường học lớn, một ở Hà Tiên, hai tại Gia Định và một ở Long Hồ, với những tâm hồn cao đẹp, nặng mang hoài bão khai hóa quốc dân Mạc Thiên Tích, Võ Trường Toản, Đặng Đức Thuật và Đặng Đức Siêu, đã đánh dấu bằng những nét son cho phong trào văn học Hán Nôm từ Đồng Nai đến Hà Tiên vào hạ bán thế kỉ 18.

Thêm một đạo dụ của Nguyễn Vương Ánh nói về việc đặt thùng thơ cho dân chúng kêu oan, không để họ làm thơ rơi tung đi gây rối, đã góp thêm tài liệu cho thực trạng văn học đương thời. Dụ ban rằng:

«Pháp luật là phép chung trong thiên hạ, đâu phải riêng cho một người, vậy không nên theo lời không căn cứ mà thỉnh linh bắt tội

(1) Đại Nam liệt truyện tiền biên, quyển 6, mục Ấn dật: Võ trường Toản điều: tờ 20a, 20b.

(2) ĐNLTB, Quyển 6 tờ 21a, 21b. Hoặc xem thêm bản quốc ngữ của Biều Chánh Hồ Văn Trung trong Đại Việt tạp chí số 47, 48, 49 — 1914.

(3) Trần Văn Giáp: *Tiểu sử các tác gia Việt Nam*, quyển 1 — *Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême Orient*, số 5, 1914.

người ta ; từ này về sau, bất luận quan hay dân, nếu có điều oan uổng và bị người ta hãm hại thì được viết tên họ, quê quán vào đơn, bỏ vào trong thùng. Triều đình sẽ xét việc quả gian hay là ngay, đề thân oan khuất. Như còn quen theo thói cũ, nói bậy cho người mắc lừa, phát giác ra thời sẽ trị tội nặng» (1).

Đạo dụ được ban hành vào tháng 10 năm 1788, lúc đó Nguyễn Vương còn đóng đô ở Gia Định, đã xác nhận rằng trong dân chúng đương thời đã có nhiều người biết đọc và biết viết được chữ Hán hoặc chữ Nôm. Sự kiện này khiến ta không ngạc nhiên khi thấy chánh quyền tổ chức được việc thi cử tại đây vào mấy năm sau đó (1791).

Việc học hành thi cử tại đất Gia Định

Phong trào văn học miền Nam, cho đến đây, đã được nhóm khởi một cách khả quan. Tuy vậy, chúng ta nên nhớ rằng thời bấy giờ công việc học hành chỉ được nhà cầm quyền khích lệ và tổ chức các cuộc thi cử để kén lựa nhân tài chứ không hề mở mang trường ốc để thu nhận học sinh như các trường công của chúng ta ngày nay. Thỉnh thoảng nếu thấy nói đến trường, thì chỉ là trường học ở cấp cao, như đại học vậy, gọi là Quốc học hay Quốc tử giám. Mà loại trường này thì cũng chỉ được mở ở kinh đô thôi chứ không hề có tại các tỉnh trấn xa xôi (2).

Công việc học hành của nhân dân, chính quyền để cho nhân dân tự lo

liệu lấy. Người ta rước thầy về nhà để dạy dỗ con cái, hoặc đưa con đến nhà thầy để trọ học. Khung cảnh học vấn thời này hoàn toàn có tính cách tư thực. Trường ốc và thầy đồ tùy theo nhu cầu của quần chúng mà có. Trường học thường là một ngôi « nhà khách » bằng tre lợp cỏ tranh hoặc bằng tre lợp lá dừa nước, được dựng lên ngay trước sân nhà của một ông đồ. Có khi người ta tạm mượn một gian nào trống tại một « nhà việc » bên cạnh đình làng. Còn thầy dạy học là những nhà nho. Miền Nam không gọi thầy giáo là thầy đồ, cụ đồ (3) mà kêu là *thầy Nho, thầy Nhiêu, thầy Học, thầy Tú, thầy Cử* (4)

(1) Quốc triều chánh biên toát yếu. (Viện Khảo Cồ, đánh số VS 37/1), quyển 1, mục Mậu thân, tờ 14 b, 15 a.

(2) Giáo sĩ Chrisoforo Borri trong *Relation de la Nouvelle Mission au Royaume de la Cochinchine* đã thấy từ thời chúa Hi Tông (1613-1635) tại Đàng trong có nhiều trường học trong dân gian như bên Tàu vậy. Nếu sự thật quả đúng như lời C. Borri thì cũng chỉ là tư thực mà thôi và Đàng trong ở đây là chỉ cho miền Trung nước Việt chứ không là đất Đồng Nai.

(3) Danh xưng *Cụ Đồ Chiêu* là do các tác giả đời sau viết trên sách báo, chữ đương thời, người ta đều gọi cụ là *thầy Tú Chiêu*, cũng như họ đã gọi *Thầy Tú Thường* vậy.

(4) Những danh xưng *Nhiêu Tâm, Học Lạc, Tú Thường, Cử Trị* về sau là điển hình. Thí dụ :

Thầy học tánh vui vẻ,

Hình dung xem nhỏ nhẹ.

(Nguyễn Liên Phong; *Điều cô họ, Kim thi tập, Lie de l'union*, Sài Gòn, 1915, trang 87).

Ba ngày đi tới Cần Chông.
Đến nhà bạn học, Thầy Đồng, Nhiêu Nguyễn
(Thơ Tây An cư sĩ, bản chép tay)

tùy theo bậc học của ông thầy dạy học ấy.

Phần các ông thầy thì là những người hay chữ, xuất thân từ khoa mục hay không cũng được. Nhà nước không cấp lương bổng cho thầy giáo mà thầy giáo cũng không góp tiền của học trò. Cha mẹ học trò và học trò tùy lòng cung kính biết ơn đối với ông thầy mà có thể ủng hộ ông thầy bằng nhơn công của mình cùng với nhơn công của tôi tớ mình khi ông thầy có việc cần ; bằng lúa gạo, trà bánh, rượu thịt, vải lụa hợp với khả năng của gia đình mình khi mình phát tâm cung cấp. Không có một sự bắt buộc nào trong việc trợ trợ này.

Các sách xưa trong các mục viết về phong tục miền Nam thường thấy khen ngợi người miền Nam « siêng năng trong các nghề cày ruộng, dệt vải, đánh cá ; ưa làm việc bổ thí lợi tha, tích cực với các công tác công cộng, nhất là đối với việc trọng nghĩa thì rất tha thiết. Họ dũng cảm, cứng rắn, hào phóng, khinh tài và lười người xa xỉ nữa. Đặc biệt là họ đái sĩ, trọng hiền và chuộng thi thơ». Có lẽ do vậy mà các ông thầy dạy học ở miền Nam rất được tôn trọng, thứ nhất là việc cung cấp tài vật để các ông thầy có một cuộc sống sung túc thì không thể chê. Nhưng cũng trong các sách xưa nói trên, không thấy nơi nào khen ngợi sự tích cực, siêng năng đi học của tập thể dân chúng miền Nam mà chỉ thấy chê họ lười nhác, ít học (1). Hình như với nếp sống sung túc, dễ dàng làm ra

tiền, đã tập cho họ thói xa xỉ và do đó, đa số thiếu cố gắng trong việc đi học !

Dù sao, suốt bách niên 1700 - 1800, người lưu dân phải bận nhiều trong công tác khai phá đất mới trong đó có vô vàn khó khăn trước việc phải đối đầu với thổ dân, với thú dữ, với thiên tai và thứ nhất là chiến họa liên miên giữa Miên Việt Xiêm Việt và các cuộc nội chiến. Bởi vậy mà chúng ta không trách gì khi thấy chánh quyền chỉ tổ chức được có mỗi một cuộc thi vào cuối thế kỷ 17.

Đó là khoa thi Tân hội (1791). Bấy giờ nhằm Nguyễn Vương thứ 12, vào tháng tư. Vương cho mở một khoa thi tại Gia Định để tuyển lựa người giỏi sung bổ vào các cơ quan công quyền. Khoa thi này trúng cách được 12 người mà trong đó có Nguyễn Đình Quát (2).

Chúng ta có thể xem khoa thi Tân hội là một cố gắng của miền Nam và là một bước tiến đáng ghi nhận về sự mở mang văn học rộng rãi ở đây. Rất tiếc là thể lệ thi cử đặt ra như thế nào, lấy đồ hạng loại ra sao, không biết được !

Thực trạng văn học thê ki 18

Đến đây, chúng ta có thể nhận định rằng văn học của người lưu dân buổi đầu chỉ là bước mở đường.

(1) Quốc triều chánh biên toát yếu, quyển 3, mục Tân tị và Nhâm thìn.

(2) S.đ.d, quyển 1, mục Tân hội, tháng tư, trang 25.

Tùy sinh hoạt tinh thần mà người ta sáng tác những bài về văn bình dân, những câu ca dao tục ngữ vừa vắn với mực hiểu biết thông dụng. Rồi cũng tùy nhu cầu thiết thân mà người ta chép lấy những khúc ngâm, những bài văn, đoạn về bằng chữ Nôm, hoặc tiến bộ hơn, những bài thơ, câu thiệu, câu thài, sách bói, sách thuốc cùng với những đoạn *Văn Công gia lễ* (1) bằng chữ Hán. Cho đến khi tổ chức chánh quyền được mở mang rộng rãi, dân cư được qui tụ đông nhiều, thì nhu cầu mới cảm thấy cấp thiết hơn và do đó, việc học, việc thi mới thấy cần.

Tài liệu cũ còn ghi nhận những tác phẩm Hán Nôm nói lên sự nhen nhúm lần nôi một cách cố gắng của văn học thời này.

Những khúc vịnh *Mười cảnh Hà Tiên* (Nôm) và những bài thơ luật *Hà Tiên thập cảnh đề* của Mạc Thiên Tích cùng với hằng trên 300 bài của các tác giả khác trong nhóm Chiêu Anh Các cùng theo đề hứng ấy (Hán) *Về Sãi Vãi* (Nôm) và những bài họa *cảnh Hà Tiên* (Hán) của Nguyễn Cư Trinh (không ở trong nhóm Chiêu Anh Các) (2), hoặc do nhân dân chuyển tay nhau đọc từ cửa họ Mạc, hoặc do Nguyễn Cư Trinh công tác gần khắp nơi ở miền Nam và nhân đó đưa ra, là cái đà thúc đẩy cho văn học nhanh chóng vươn lên. Bài *Hoài cổ phú* (Nôm) của Võ Trường Toãn. Bài *Cảm đề miếu Lễ Công* (Hán) của Lâm Tấn. Bài *Hoài Nam khúc* (Nôm) của Hoàng Quang. Bài *Văn tế Bá-đa-lộc* của

Hoàng tử Cảnh (3). Những đạo dụ, bài tế của Nguyễn Vương Ánh (Nôm) khi duyệt binh và khi khóc chiêu Giám mục Bá Đa Lộc (4). Đó là những tác phẩm viết ra thời ấy và hiện còn may mắn truyền đến thời nay. Tất cả đều có giá trị đóng góp quan trọng để chúng ta còn thấy được mức tiến của văn học *Hán Nôm* đương thời.

Sử thư (5) kể chuyện Hoàng Quang, một xử sĩ ở làng Thái Dương, huyện Hương Trà, có làm bài *Hoài Nam khúc* đề trước là kể công liệt thánh gian lao trong việc mở mang bờ cõi, sau là kể tội quyền thần và căm giận nguy tặc. Khúc ca làm bằng văn Nôm. Công chúa Ngọc Huyền, con gái của Võ Vương, nghe được, chép lại và lên gởi vào Gia Định cho chúa Nguyễn Ánh. Chúa xem, phán rằng: "Xưa lòng ng ời nhờ Hán mà Hán Quang Võ trung hưng; nhân tâm hoài niệm Đường mà Đường Túc Tông tái tạo; nay

(1) Phong tục miền Nam trong việc tế tự thường theo sách *Văn Công*. *Văn Công* trứ Chu Hi đời Tống có làm 5 quyển *Gia lễ*, nên gọi là *Văn Công gia lễ*.

(2) *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, quyển 5, tờ 5a, 12b.

(3) *Nam Phong* số 3 tháng 8 năm 1917 trang 179, 180.

(4) Phạm Quỳnh sưu tập, *Nam Phong* số 2, tháng 7 năm 1917, trang 117.

(5) *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, quyển 6, mục *Ân dật*; quyển 2, mục *Công chúa*; *Quốc triều chánh biên toát yếu*, quyển 1, mục *Tân hội*; và *Đại Nam nhất thống chí*, quyển 3, đều có đề cập Hoàng Quang với *Hoài Nam khúc*.

lòng người như vậy (mến phục nhà Nguyễn) thì việc dẹp giặc ắt cũng không khó gì.» Đoạn Vương cho đem truyền bá khắp dinh huyện. Lời ca bi tráng, khiến người nghe không cảm được lệ.

Việc Nguyễn Vương cho quảng bá *Hoài Nam Khúc* đúng là một tuyên truyền chánh trị, nhưng vô hình trung, sự kiện có giúp phát huy văn học miền Nam. Người ta phải cố gắng sao chép bài văn Nôm ấy, phải cố gắng học đề đọc cho được chữ đề đọc bài ấy cũng như những bài khác mà người ta đã nhiều lúc thấy cần.

Những nhan đề và chút chứng dẫn vừa sơ lược nhắc qua, trong số

đó có vài tác phẩm xuất phát tại miền Trung nhưng được phổ biến sâu rộng tại miền Nam, nói chung, chúng đã là cây nêu, cái móc để chúng ta còn có thể dùng nghiên cứu được sinh hoạt văn học Hán Nôm của một thời.

Thêm còn một cuộc thi được tổ chức (khoa Tân hội), đã xác nhận rõ ràng hơn về sự có tiến triển của một nền văn học phôi thai tại « cõi ngoài » mà thời ấy người ta coi nó là chỗ « biên thùỵ dị vực ».

NGUYỄN VĂN HẦU

Kì sau : Văn Học Hán Nôm đất Đồng Nai từ Gia Long đến đầu Tây thuộc.



Nhức đầu
Đông
Budon
TRỊ:
Nhức răng, nhức môi, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ



100 / 100 / 100

Ai là diễn - giả bản : « Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc ? »

Trong số Bách Khoa mới đây, số 409 (H*) 18-5-74, ông Vũ Tiến Phúc lại nhân nại trả lời một bài tôi đáp ông ở số 391 và 392.

Trong bài cũ, tôi đã vạch rõ những sự sai lầm của ông : không đọc kỹ mà phê bình.

Trong bài này, ông trả lời tôi, nhận những khuyết điểm tôi chỉ trích là đúng và có những ý kiến mới.

Giọng ông có vẻ không bình thường. Nhưng điều quan hệ đối với công cuộc phê bình, sưu tầm, khảo cứu không quan hệ ở cái giọng mà quan hệ nhất là ở dữ kiện, cách lập luận, thái độ phê phán. Mà muốn đạt được các điều ấy, trước hết phải đọc, đọc kỹ, đọc thật kỹ những tài liệu cần thiết trước đã. Tôi đã nói trong bài trước « Ông Phúc không đọc sách mà phê bình sách », thì kỳ này, tôi cũng vẫn nói như thế.

a / Ông đang thảo luận với tôi tất nhiên ông phải đọc những tài liệu của tôi. Tôi đã nói trong số Bách Khoa 391-392 là trong các số Văn Học 153, 154-158, 159-160 tạp chí này và giáo sư Lê Hữu Mục có thảo luận cùng tôi khá lâu dài và tương đối cặn kẽ một số vấn đề. Vì ông không chịu xem nên ông không rõ các ý kiến của tôi đã trình bày. Ông lại cứ nêu những điểm ấy ra và như thế buộc tôi phải có hai thái độ :

hoặc chép nguyên văn các phần đã đăng trên Văn Học gửi cho Bách Khoa, như thế tôi sẽ mang tiếng lừa dối độc giả, vô lễ với tạp-chí sau này. Hoặc tôi im lặng.

b / Ông không đọc một tí gì các tác phẩm của ông Hoàng Xuân Hãn mà ông cứ nói tới vị học giả này. Và vì lẽ học giả họ Hoàng có liên quan nhiều tới lịch sử diễn tiến việc truy tầm diễn giả đích thật của Chinh Phụ ngâm mà không đọc ông lại nói mãi tới ông thì làm sao phê bình cho *trung thực* được ? Đó cũng là một lẽ buộc tôi phải im lặng.

oOo

Nhưng trước khi phải giữ thái độ bất khả kháng đáng tiếc này — vì tôi rất thích thảo luận với những người trung thực — tôi ngại là ông cho tôi nói « chạy tội » một cách vu vơ nên tôi phải chứng minh về sự thiếu đọc sách và thiếu *trung thực* của ông để ông khỏi phiền trách tôi. Tôi sẽ dẫn ngay ba đoạn *trích* văn là thứ dễ lý luận, lập luận có cơ sở vững chắc nhất chứ *không* nói vu vơ được và tôi cũng sẽ chỉ rút ba đoạn ấy ở trong phần đầu bài của ông cho ông khỏi thắc mắc gì hết là tôi đã lựa chọn, bố trí có ác ý.

a / Đây là đoạn trích văn thứ nhất, nằm ngay trong phần gọi là « tôi »

(1) Thiếu chữ hiệu «Chinh trực đường, hiệu tử».

thành thực xin lỗi ông Xuân về sự lầm lẫn này.

... « Sự phát giác ấy gồm có một bài Tựa chép tay 71 chữ của nhà xuất bản Trung Hòa và hai dấu hiệu của Chính trực đường (1) từ và Trung Hòa hiệu đồ thư. Sự phát giác ấy như sau :

« Tựa Tân san Chính Phụ Ngâm từ khúc (2) năm Ất Hợi, mùa thu vâng lệnh khắc một bộ sử tập (*) gần một năm mới xong, nhân ngồi tại thư đường nói chuyện sách vở (...) Xảy thấy bản Chính Phụ Tân Khúc (...) Bền dùng khắc luôn...

Đứng về phương diện nhà phê bình, biên khảo, ông Phúc có lầm lẫn là đã lấy bản dịch do tôi dịch, và cho đó là phát giác của tôi. Sự thật muốn bảo là phát giác thì phải nêu đích bài Tựa bằng chữ Hán có 70 (bảy mươi) chữ của Trung Hòa Hiệu kèm theo hai con dấu của Chánh trực đường hiệu từ và Trung Hòa Hiệu đồ thư đọc ra chứ không thể có phát giác bằng tiếng quốc ngữ, bản dịch, vì bản dịch ấy một biên khảo gia khác chắc sẽ dịch lại theo ý họ rồi chẳng lẽ lại có phát giác mới sao (về Tựa quốc ngữ, ông V.T. Phúc cũng đếm lầm: 74 chữ không phải 71 chữ).

Nhưng việc này ít quan trọng. Tôi chỉ chép lại và thêm một hoa thị sau chữ sử tập (*) vì đoạn trích văn sau đây có liên lạc chặt chẽ đoạn trên, sẽ rất hệ trọng và ông Vũ Tiến Phúc đã lầm lẫn một cách cay đắng.

b / Ông viết tiếp phần nhận xét về cái Tựa trên :

« ... Học giả Hoàng Xuân Hãn đã thuyết minh giùm ông Nguyễn văn Xuân qua một bức thư riêng từ Pháp gởi về, Paris ngày 15-8-1970, kết luận rằng :

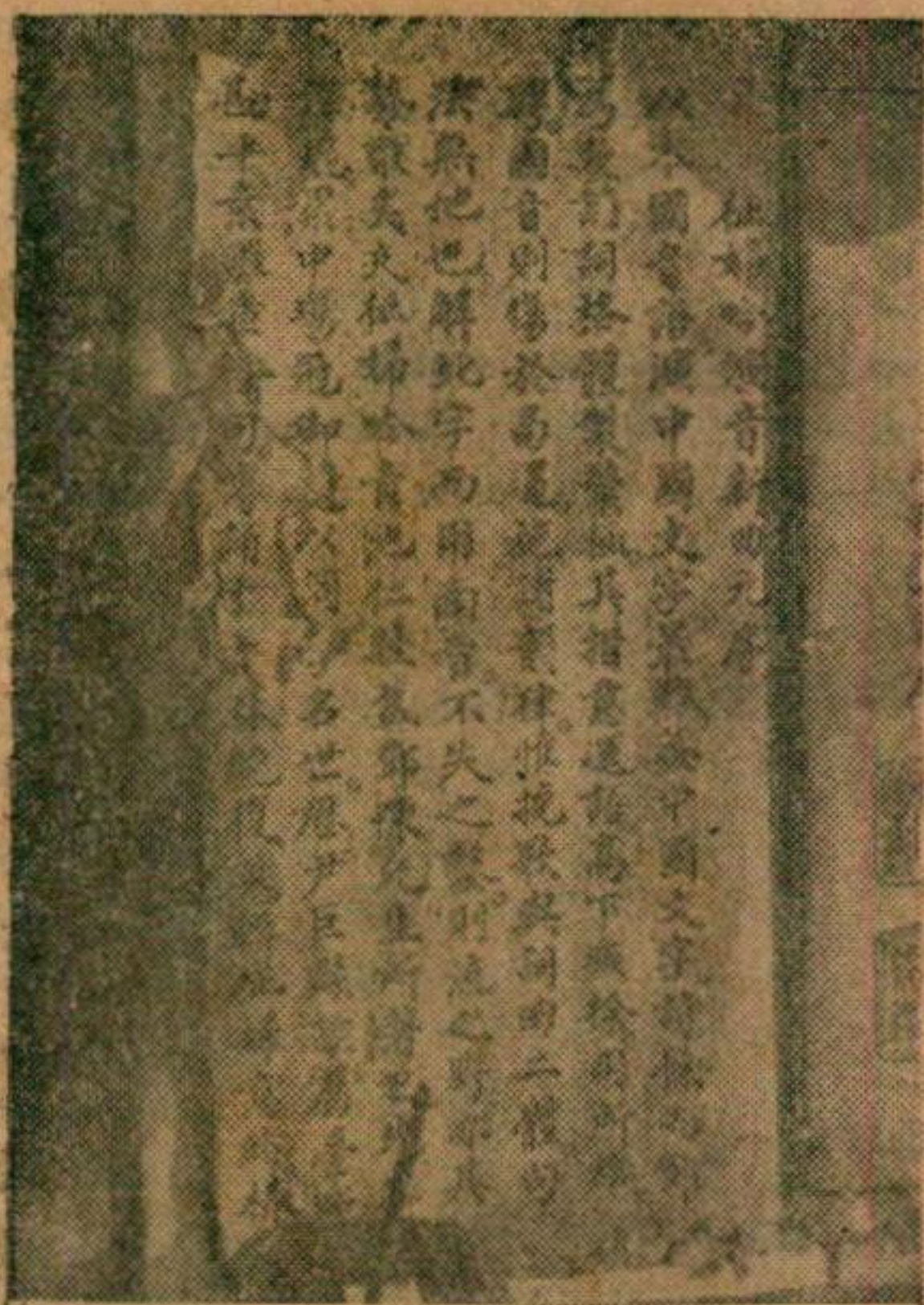
« Tôi tin rằng chủ nhân Trung-Hòa hiệu khắc Chính Phụ Ngâm Tân Khúc đã vâng lệnh Ân quang hầu khắc bản Bắc Sử thông giám, tức bản Thiệu vi kia, khắc ván ở Hải dương và hiệu sách thì ở Hàng Gai tại Thăng Long tức là thường sách (...)

« Vì cái phần thuyết minh sách của ông Nguyễn văn Xuân chỉ trích một đoạn lại dài giọng nên tôi lầm rằng học giả Hoàng Xuân Hãn tìm thấy bài Tựa và thuyết minh luôn. Tôi thành thật xin lỗi ông Xuân về sự lầm lẫn này ».

Chỗ này, ông Vũ Tiến Phúc đã trách tôi tại sao trích làm chỉ dài giọng khiến cho ông phải lầm lẫn. Nhà phê bình họ Vũ chỉ muốn nó ngắn gọn như kiểu mẫu ông nêu ra, một kiểu mẫu hoàn toàn phản trắc ông, vì ông vẫn lại không tìm hiểu kỹ ý nghĩa của đoạn cước chú vô cùng quan trọng trong sách của tôi và có lẽ cả của Văn học sử sau này. Tôi tin chắc như thế. Vì tôi xin nhắc ông Vũ Tiến Phúc, cái cước chú có tầm mức quan trọng ấy không phải đề trực tiếp nói về việc in Chính phụ ngâm mà nó chính là trực tiếp nói về việc ấn hành sử tập tôi đã ghi nhớ bằng dấu (*) trên kia. Với

(1) Thiệu chữ « hiệu » (Chính trực đường hiệu từ).

(2) Chỗ này thiếu chấm câu, qua hàng.



Đây là nguyên bản là Tựa (trang đầu) lúc mới đem về. Tuy sờn rách cả, song chỉ bị mờ một chữ *đ* (hàng 7, chữ số 8). Tôi chụp ảnh ngay. Chỉ ít lâu sau, phần tựa bị mòn và tiêu hủy hẳn nơi tôi chặn ngón tay để khỏi di dịch (so sánh với bản offset của nhà Lá Bối, sẽ thấy rõ).

Xin lưu ý độc giả về 3 đặc điểm của bản này.

a/ Hàng thứ ba, chữ thứ ba là chữ «*điều*» (còn đọc là *Điều*) viết theo lối húy

b/ Hàng cuối, sau chữ thứ nhất (chữ «*khám*») phải chấm câu nơi đó chứ không phải trước đó một chữ (sau chữ «*dài*») như trong nguyên bản này.

c/ Phía tay mặt, gần cuối trang, độc giả đề ý hai con dấu chắc đã vẽ đúng theo nguyên bản (Chánh trực đường hiệu tử và Trung Hòa hiệu đồ thư.)

cước chú đó, đã *trực tiếp* tìm ra manh mối *bổ sử tập* ấy tức là *gián tiếp* tìm ra một cơ sở vô cùng vững chắc bất di dịch để chứng tỏ sự xuất hiện của bản *Chinh phụ ngâm diễn âm* tân khúc của Phan Huy Ích là thêm một lần bảo đảm, không chối cãi được.

Tôi trình bày kỹ hơn :

Sau khi tôi tìm ra được *tập tân san* chép in, tôi có nhiều thắc mắc về đủ phương diện và chắc chắn còn nhiều hơn là ông Vũ Tiến Phúc đã nghi hộ cho tôi. Tôi mạn phép *Tạp chí Bách Khoa*, chép lại cả đoạn dài về sự tìm kiếm này đã đăng trong *Văn Học* số 158 :

« Phần này đến đây đáng lẽ chấm dứt đề chuyện sang phần bàn về chữ

Nôm. Nhưng tôi nghĩ là tôi cần nó thêm một vài điều đề Lê quân (Hữu Mục) và quí độc giả — nhất là giới trẻ đang đi vào đường nghiên cứu — hiểu thêm cho những khó khăn và nỗ lực của tôi khi phải tìm hiểu tác phẩm cổ kia. Tôi phải đặt nhiều câu hỏi sau khi tìm được sách : Nào có phải sách gian lậu (như ở Trường Viễn đông bác cổ) (1) ? Nào có phải tác giả là Phan Huy Ích ? Bản chính này ở vào thời kỳ nào ? Tại sao nó lại nằm ở Huế ? Tại sao nó lại mất đúng trang nọ ? Tại sao ? Rất nhiều

(1) Muốn hiểu thêm tại sao sách ở Huế ít có gian lậu như ở Trường Viễn đông bác cổ, xin xem *hèm Văn Học* số mới nhất, *Đặc san* : Huế trong trí nhớ. Nguyễn văn Xuân : Huế, cổ đô văn hóa.

câu hỏi và với mỗi câu hỏi lại tìm ra một vài giả thuyết đề thử giải đáp rồi do đó kiểm chứng xem có đúng không? Thật là nhọc nhằn vất vả. May có ông Hoàng-Xuân-Hãn là học giả thành tâm và có thực học giúp đỡ, lại có cụ cử Hà-Ngai tận tâm chỉ dẫn, nên tôi mới dám quả quyết sách kia là của Phan-Huy-Ích đúng như tôi đoán từ ban đầu. Tôi đã trải qua nhiều câu hỏi, cho tới câu chốt thuộc về « ngoại diện » mà nếu giải đáp được, tôi mới yên tâm. Đó là theo lời nhà Tân-san, quý vị chủ trương nhà xuất bản này có bảo là Thu năm Ất Hợi, 1815, họ thừa lệnh (trên), khắc một bộ sử, gần một năm mới xong rồi mới khắc tới tân khúc. Đã là bộ sử thì rất có thể tìm ra tông tích mà đã tìm ra được tông tích bộ sử này rồi thì nhất định như đinh đóng cột là cả bản Chính Phụ Ngâm tân khúc, cả bài Tựa kia đều có thật cả. Thế thì làm sao tìm cho ra danh tánh bộ sử ấy?

« Tôi đã tìm ra một giả thuyết khá dài, lý luận có mạch lạc, có hệ thống đề do đó đi tìm trong các bộ sử. Nhưng giả thuyết đó đã bị ông Hoàng-Xuân-Hãn gọi là giả thiết và đánh bại ngay bằng một chứng liệu rút từ Quốc sử di biên mà tôi đã chép lại trong bản Chính Phụ Ngâm diễn âm tân khúc các trang 27, 28, 29 (I, II) (1). Tuy giả thuyết đã bị đánh bại, song tôi cũng cho đăng phụ lục ở đây đề vị nào còn những thắc mắc về sách ấy — chắc vẫn còn — sẽ thấy rõ chặng đường vấn đáp (2) tôi đã đi qua đề tự giải đáp

và rút kinh nghiệm xót xa của tôi trong khi đi tìm sự thật. Tôi xin nói thêm, nói rõ là từ khi ông Hoàng-Xuân-Hãn tìm ra được tung tích bộ sử ấy rồi, tôi không còn một tý phân vân, ngần ngại nào nữa. Và đó là lý do khiến tôi đi vào biên khảo và phê bình trên cơ sở Phan-Huy-Ích là tác giả, bối cảnh là thời Lê mạt—Nguyễn sơ vậy ».

Sau đó, tôi có cho đăng cả bức thư riêng tôi đã gửi ông Hoàng-Xuân-Hãn, trong đó có nhiều điểm thảo luận và đặc biệt là đăng trọn cái giả thuyết tôi đã *suy luận theo trực giác* (và hỡi ơi!) chớ không *suy luận theo dữ kiện* mà lịch sử, dù lịch sử văn học vẫn đòi dữ kiện hơn là hư không! Tôi dám nói cái giả thuyết — đúng hơn giả thiết — rất có mạch lạc của đôi có thể huyền hoặc dễ dàng đôi người song không thể qua mắt ông Hãn khi ông cứ lạnh lùng dò sử ra đề chứng minh. Đó là thái độ tôi tưởng chúng ta nên học hỏi ở bậc đàn anh này.

Tiếc thay, bài học quý báu và lớn lao đó, ông V.T. Phúc không chịu theo dõi đề ông lại vấp thêm một lần lỗi nghiêm trọng trong cái lần lỗi nghiêm trọng khác của ông mà ông còn muốn đổ lỗi cho tôi là trích dài dòng, khiến cho ông... phải lẫn lộn dù... tôi chỉ in cước chú ấy dưới bài tựa của

1) Quý độc giả sẽ thấy có nhiều vấn đề, nhiều thắc mắc khác ngoài giả thuyết nói trên (cước chú VH 158)

2) Tức là cước chú ông Vũ Tiến Phúc sao lại, song ông lầm lẫn là dành cho quyền C.P.N.

nhà xuất bản và bằng một thứ chữ khác hẳn phần trên. Nói rõ với ông là tôi tiếc phần cước chú ấy (dành cho bộ sử) còn quá ngắn. Nếu có thêm dữ kiện, ông sẽ thấy chúng ta còn học hỏi được biết bao điều quý báu thuộc về các văn đoàn, các tác giả, các thư viện, các công cuộc ấn loát và phổ biến sách vào thời Gia Long có liên quan rất chặt chẽ với công cuộc ấn hành Chính Phụ Ngâm diễn âm tân khúc.

Trước khi qua trích dẫn thứ ba của ông Vũ Tiến Phúc, tôi cũng cần giải đáp thêm thắc mắc này của ông:

— Tại sao chúng tôi không «trước hết so sánh *chất giấy, màu giấy*, rồi đến so sánh *thư pháp* mà trên kia chỉ chú ý những chuyện khác? Tôi tưởng câu hỏi đó ông Phúc nên nghĩ là ai cũng phải có chữ cần gì phải gặp «*người biên khảo có tài*». Nhưng nếu ông đọc kỹ sách của tôi (1), ông thấy ngay là không cần nhìn giấy, nhà biên khảo kiêm khoa học gia Hoàng-Xuân-Hãn, cách Việt-Nam vạn dặm đã biết ngay sách ấy có vào thời nào. Tôi chép loại một đoạn trong bài tựa của sách tôi:

«Nếu các độc giả chỉ xem ảnh, chắc không mấy ai ngờ đây là bản chép. Cũng do lẽ ấy, tôi đã gọi nó là bản chép-in. Theo học giả Hoàng Xuân Hãn, sau khi xem ảnh bài Tựa, đoán là sách chép vào khoảng trong hay sau thời Thành Thái vì có húy chữ *Chân* (tên kiêng của vua Dục Đức) và chữ *Điền* (có lẽ tên mẹ vua Đồng Khánh?). Ông cũng đoán là

như thế, bản in có lẽ còn giữ được vào cuối thế kỷ thứ 19.»

Còn về *thư pháp* thì không thể hoàn toàn trông cậy vào được. Qua *Văn Học*, Giáo sư Lê-Hữu-Mục dành cả trăm trang giấy, *rất công phu*, để cố tìm đích thật diễn giả Chính phụ ngâm qua *thư pháp* và tôi đã biện luận sự sai lầm của ông (xin xem các số V.H. 157, 158, 159). Tòa soạn *Văn Học* đã cho tôi biết cuộc thảo luận chấm dứt sau phần biện luận này rồi.

Tôi chắc quý độc giả đọc tới đây đã thấy là lỗi biên khảo ngày nay, nhất là với học giả Hoàng Xuân Hãn, đã có những bước tiến đáng kể. Nó đã trở thành một ngành chuyên môn, chứ không phải chuyện suy luận vu vơ.

oOo

c/ Về cái trích dẫn thứ ba của ông Vũ Tiến Phúc, tôi hết sức phàn nàn. Tôi chép lại:

«Theo học giả Hoàng Xuân Hãn trong sách «*Chính Phụ Ngâm bị khảo*» thì ngoài bản hiện lưu hành (bản A) ông còn tìm thêm được 6 dịch khác, đánh số như sau:

Bản B: Đoàn thị Diễm
(ý của ông Hoàng Xuân Hãn)

Bản C: Nguyễn Khản ?
(ý của ông Hoàng Xuân Hãn)

Bản D: vô danh

Bản E: Bạch-Liên-Am Nguyễn

(1) *Chính phụ ngâm diễn âm tân khúc*, Lá Bối 1972.

Bản F: vô danh

Bản G: Theo lời chú thích: đây là một loại thư.

Vấn đề chính: Bản đương lưu hành, hai miền Nam Bắc đều coi là của Đoàn thị Diễm thì ông Nguyễn văn Xuân phát giác rằng nó chính là của Phan Huy Ích và công nhận theo học giả Hoàng Xuân Hãn rằng Đoàn thị Diễm chỉ là dịch giả bản B.»

Theo lối trình bày trên đây, người ta hiểu là ông Vũ Tiến Phúc đã có đọc quyển «Chinh Phụ Ngâm bị khảo» của ông Hoàng Xuân Hãn và ông đã trích theo sách ấy. Không! Ông Vũ Tiến Phúc không hề đọc sách này của ông Hoàng Xuân Hãn! Ông chỉ chép theo sách của tôi. Sở dĩ tôi biết chắc chắn điều ấy vì trong bản G, ông có thêm: *theo lời chú thích: Đây là một loại thư. Sự thật đó chỉ là cước-chu-nghi-vấn của tôi trong sách của tôi (sdd) trang 44 (và có thêm: xem Tú Quì, Tân Văn 7, 1968) ông Hãn không có cước chú ấy nên tôi biết chắc.*

Tôi phải nói kỹ thế không phải chỉ vì việc trích sách không nêu rõ xuất xứ trung thực mà còn vì ông Phúc xuyên tạc diễm này, là trong sách của tôi, tôi viết rõ từ đầu như sau:

« Ông (H.x.Hãn) khéo phân các thoại, sao thấy không chỉ có bài A là bản của Phan Huy Ích (vẫn lầm cho là Đoàn thị Diễm (1) mà còn các bản khác mà ông đoán tác giả là :

« Bài A : Đoàn thị Diễm... »

Như thế, tức là theo ông Hoàng Xuân Hãn, Phan Huy Ích là người diễn ngâm *Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc* — sự thực như ai cũng biết cả — vậy mà ông Phúc cố xuyên tạc đoạn trích bằng cách bớt đoạn đầu của tôi và thêm đoạn cuối, cho là ông Hoàng Xuân Hãn không chủ trương như thế! Đã trích thiếu trung thực là có lỗi, ông còn *cố-ý-có-chủ-tâm* xuyên tạc sự thật như thế, tôi tưởng đối với lịch sử văn học, ông thật đáng trách.

Vậy mà chưa thôi, ở đoạn cuối ông có viết: « Học-giả Hoàng-Xuân-Hãn đã mất nhiều công phu lục lợi khắp các thư viện, tìm được nhiều bản dịch Chinh phụ ngâm khúc vậy mà vẫn không có bản nào ghi tên Phan Huy Ích, cho nên ông phải thận trọng... »

Thận trọng là thế nào? Là không ghi tên Phan Huy Ích đã diễn âm, là dịch giả? Là diễn giả? Tôi đoán là ông lại lầm với ông Lại Ngọc Cang ngoài Bắc khi dùng chữ *thận trọng*. Còn ông Hoàng Xuân Hãn thì ông có gì phải « thận trọng » theo nghĩa ấy, mà ông *thận trọng* ghi suốt trên sách của ông (2) từ trang 70 đến trang 137 như sau :

(1) Không rõ tôi công bố ở đâu mà ông V.T.P bảo tôi công nhận rằng Đoàn thị Diễm chỉ là dịch giả bản B?

(2) Chinh phụ ngâm bị khảo — Minh Tân. Paris 1953.

Chinh phụ ngâm — dịch xuôi	Chinh Phụ ngâm diễn ca — Phan Huy Ích
Dịch xuôi Hoàng Xuân Hãn	Bài A — Phan Huy Ích
I/ Thời chiến tranh	I Thời chiến tranh
.....	1) Cơn gió bụi.
.....	Thuở trời đất nời cơn gió bụi
	Khách má hồng...

ghi như thế chưa đủ, năm 1954, ông còn *thận trọng* in một quyển sách nhỏ, mang tên Phan Huy Ích ngoài bìa. Bản này ông Lê Hữu Mục có nhắc lại trong Văn Học số 153. Ở Huế, tại Đại học Văn khoa, giáo sư Nguyễn văn Dương đã lấy đề dạy cho sinh viên, với tên Phan Huy Ích *trước khi* tôi tìm ra bản sách C.P.N.D.A.T.K. (s.d.d.) kia!

oOo

Việc biên khảo là việc đòi hỏi thận trọng và trung thực đến mức tối đa. Chỉ mới vào phần đầu, với ba trích dẫn (trong bốn cái) ông đã sai lầm, hiểu lầm, xuyên tạc như thế thì tôi còn biết nói gì thêm. Tôi mong ông Vũ Tiến Phúc, Tòa soạn Bách Khoa và độc giả hiểu cho là kể từ nay, nếu tôi giữ thái độ im lặng đối với ông Phúc thì đó không phải tại tôi. Tôi cũng nói thêm là tôi không bao giờ sợ sự lăm lăm (nhưng không cố ý, cố tình) vì tôi biết dù trong sách của học giả Hoàng Xuân Hãn hay sách của tôi, vẫn còn nhiều điều đáng thảo luận. Nhưng chúng ta nên vì văn học, vì tiền đồ văn học mà đặt vấn đề để đi tìm chân lý. Biết thì nói biết, không biết thì nói không

biết, hiểu tới đâu trình bày tới đó, nhờ ai giúp sức thì cũng công khai bày tỏ vì đôi ba người làm việc tập thể còn chưa đủ, còn thiếu sót huống gì một người, nhất là gặp chữ Hán, chữ Nôm, nếu không nhờ sự giúp sức của các bậc tiền bối chấm lại câu, dịch lại nghĩa mà cứ tưởng mình thừa sức làm thì rất dễ sa vào lỗi lầm nghiêm trọng. Đó là một lỗi làm việc khoa học chứ không phải *vô vọng*. Đối với chữ Hán tôi chắc lớp người năm mươi, sáu mươi trở xuống, không mấy ai dám tự hào là mình biết đủ để theo đuổi ngành *biên-khảo* học búa cả. Xem như bậc túc nho cũ nào đó, trong bản Hán văn do tôi phát giác, đã chấm câu sai và ông Hoàng Xuân Hãn đã chấm câu lại khiến đổi cả cái nghĩa một đoạn (Văn Học số 158-Phụ lục) thì đủ rõ. Mà tôi xin nhắc là vị túc nho cũ đó đang ở vào thời thịnh của nền Hán học chứ không phải thời suy tàn này!

oOo

Để kết thúc bài nói chuyện này một cách vui vẻ hơn cái không khí ngột ngạt trên đây với ông Vũ Tiến Phúc (chớ không phải Vũ Tiến

Phước, nghĩa là người Bắc chứ không phải Trung, Nam) tôi cũng xin phân trần với ông điều này:

Sự tìm ra quyền Chính phụ ngâm d.â.t.k thật là một đại nạn cho tôi, vì tôi không bao giờ dám nghiên cứu sách Bắc, bởi những lý do tôi đã trình bày trong bài cũ. Tôi chỉ theo dõi một vùng Thuận Quảng mà còn mờ mờ, mịt mịt chả biết đâu vào đâu dù nó là nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Nhưng sách đã lỡ vào tay biết làm sao? Thế rồi trong khi đề công nghiên cứu, gặp khó khăn, tôi mới tra xét thử các tiền bối trong tỉnh «Quảng Nam hay cãi» của mình có ông nào mắc đại nạn của mình không? Tôi bỗng giật mình thấy trước tôi, có đến bốn vị đều có nghiên cứu ít nhiều các nhà văn miền Bắc: Huỳnh Thúc Kháng, Phan Khôi, Nguyễn Bá Trác (Chủ bút Nam Phong phần chữ Hán) và Sở Cuồng Lê Dư. Đặc biệt Lê Dư, người tìm ra không biết bao nhiêu nhà văn (cả danh nhân) miền Bắc về phái Nam cũng như phái Nữ qua các sách lưu lại: Nam quốc Nữ lưu, Nữ lưu văn

học sử, Bạch Vân Am thi văn tập, V: Xuyên thi văn tập, Phồ Chiêu thiên sư thi văn tập. Theo Vũ Ngọc Phan (1) có lẽ nhờ quyền sau này, Khai Hưng đã sáng tác Tiêu Sơn Tráng Sĩ đáng yêu; các sách của ông đều có những khám phá mới mẻ kể cả những người xa như Phùng Thị Chính và Nguyễn Đào Nương đời Trưng nữ vương đến Trần Kế (Tế) Xương gần đây. Ông cũng là người tìm ra được tên họ Ôn Như hầu là Nguyễn Gia Thiều và tiểu sử của diễn giả Cung oán ngâm khúc. Như thế thì phải chăng đây không phải là cái nợ mà là cái duyên, cái duyên của người ở vùng tôi đối với quê hương Bắc cũ xa xôi, mà một số danh tác còn vậy gọi trở về góp phần khám phá?

Ôi! Nàng chính phụ đẹp đẽ, duyên dáng miền Bắc! Tại sao nàng lại đợi đúng kẻ hèn này!

(Kính nghiệm biên khảo)

NGUYỄN VĂN XUÂN

(1) Các sách trên kể theo Vũ Ngọc Phan Nhà Văn Hiện Đại xb Thăng Long — Saigon 1960 — (Quyển Hai)

COGIVINA

20 — 24 Nguyễn Công Trứ (4th Floor)

Việt nam

Saigon

Cable Add. : COGIVINA SAIGON

Nhà xuất bản TRỂ

LÊ THANH HOÀNG DÂN, 68 và 84/8 Nguyễn Biều Saigon 5

TỦ SÁCH VĂN HỌC THẾ GIỚI

- Thân phận con người, *André Malraux*,
Goncourt 1933
- Bức tường, *Jean Paul Sartre*, Nobel 1964
- Chăn gối, *Alberto Moravia*
- Kẻ xa lạ, *Albert Camus*, Nobel 1957
- Trần gian muôn màu, *André Gide*. Nobel 1947
- Kẻ ăn mày phép lạ, *C.V. Gheorghiu*
- 50.000 đô la, *Ernest Hemingway*, Nobel 1954
- Kẻ lang thang, *R. Tagore*, Nobel 1913
- Thiên thần chiến đấu, *Pearl Buck*, Nobel 1938
- Bóng tối đêm dài, *Mikhail Chelokhov*, Nobel 1965
- Những ngày mất nước, *John Steinbeck*, Nobel 1962
- Nhà tài phiệt cuối cùng *Scott Fitzgerald*
- Sau bữa tiệc, *Yukio Mishima*
- Ngôi nhà của Matriona, *Alexandre Soljénitsyne*,
Nobel 1970
- Thần tượng lạ, *Thomas Mann*, Nobel 1929
- Mặt trái thần tượng, *John O'Hara*
- Đời con gái, *Vern Sneider*
- Lạc vào tội ác, *James M. Cain*

TỦ SÁCH KHOA HỌC NHÂN VĂN

1. Lịch Sử Đời Sống Tình Ái của *Richard Lewinsohn*,
Tiền sĩ y khoa, Tiền sĩ chánh trị học,
Hội viên Hội nghiên cứu sinh lý Vienne
2. Lịch Sử Chiến Tranh Lạnh I và II của *André Fontaine*,
Trưởng ban chánh trị quốc tế nhật báo *Le Monde*
3. Làm Thế Nào Để Bán Một Tổng Thống ?
J. Mc Ginnis, trong bộ tham mưu tranh cử của Nixon
4. Những Danh Tác Chánh Trị I của *Jean Jacques Chevallier*,
Giáo sư Sorbonne. Tựa: Giáo sư Nguyễn Văn Bông
5. Nhật Bản: Một Kinh Nghiệm Phát Triển của
Shigeru Yoshida, cựu Thủ Tướng Nhật, do Nguyễn tử Lộc dịch.
6. Yamamoto và những trận đánh lịch sử trên Thái bình
Dương, của *Tameichi Hara*, do Nguyễn nhựt Nghiễm dịch I và II

NHÀ XUẤT BẢN AN TIÊM

sách mới xuất bản trong tháng 7 và 8 / 74

MÃ TỔ BÁCH TRẠNG ngũ lục
Trần Tuấn Mẫn dịch chú

« Trong suốt cả mạch Thiền khởi nguyên từ đức Phật, Mã Tổ được xem là cái trục phát triển trọng yếu nhất sau Đạt Ma và Huệ Năng... »

NỤ CƯỜI DƯỚI CHÂN THANG
của Henry Miller

« Có lẽ đây là câu chuyện lạ lùng nhất trong những câu chuyện tôi đã viết... »

Henry Miller

TƯ TƯỞNG LÃO TRANG
TRONG Y THUẬT ĐÔNG PHƯƠNG
của Trần văn Tích

« Thông qua lẽ lối lý luận khoa học, tác giả đã đào kỹ bởi sâu khu nhà y lý cổ truyền để chỉ rõ những viên đá tảng xây nền đặt móng cho hệ thống lý luận của Đông y là do Lão học đặt và đồng thời, dựa vào chính hệ thống lý luận ấy, chứng minh những tính chất nhân bản, hòa đồng, tổng hợp, cũng như nhấn mạnh các đường hướng lý luận, nhìn bệnh, dùng thuốc của y lý phương Đông cùng với lẽ lối xử thế của người lương y lý tưởng... »

SỨ MỆNH
VĂN NGHỆ HIỆN ĐẠI
của Albert Camus

gồm 2 bài: diễn thuyết đọc tại Viện Đại học Upsal, Thụy Điển, và diễn văn đọc nhân dịp lãnh giải thưởng Nobel văn chương tại Stockholm, Thụy Điển. Có in nguyên văn Pháp ngữ.

Lá thư nước ngoài

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Paris 29-5-74

Anh Ch.

Chờ hôm nay nước Pháp có chính phủ, có Tổng Thống thực thụ rồi mới gửi thư một thẻ, tuy rằng có các người đã phụ trách vấn đề chính trị quốc ngoại cho anh rồi. Tôi chỉ kể anh nghe một vài điểm đại khái, tai nghe mắt thấy thôi, còn thì đề nói lằng nhằng những chuyện khác.

Hôm nọ lúc ông Tổng Thống nhận chức, báo chí được mời đi tham dự rất đông. Mặc dầu có một vài người bạn chế riếu bảo sao không ở nhà nằm ngủ mà đi làm chi, nhưng không đi thì lấy gì kể cho các anh nghe.



Người ta đề cho chúng tôi đứng bao vây quanh phòng khánh tiết đặt những cái bực gỗ cao nên chúng tôi có thể ở trên nhìn xuống. Các ông truyền hình lại còn mang thêm ghế của họ đi đề đứng cao hơn nữa. Quang cảnh giống như một đám cưới mà ông Tổng Thống đóng vai cô dâu. Khi ông Giscard d'Estaing đến Elysée cũng có người ra đón vào đến phòng

khánh tiết ông André Chamson đọc bản kết quả của cuộc bầu cử và mấy lời dặn dò. Hết như mẹ dặn con gái trước khi về nhà chồng, làm chi bậy bạ thì người ta cười cho, xấu hổ đất nước v.v.. Sau đó, trao cho Tổng Thống hộp nữ trang là cái "collier de la légion d'honneur." Ông Tổng Thống nói những lời cảm ơn và đi chào hai họ.

Chúng tôi đứng nhìn thấy ông ta phải đi một vòng rộng bắt tay hết mọi người, đến đâu cũng phải cười, thật vất vả. Anh thử đứng trước gương cười một mình trong mười lăm phút đi rồi sẽ thấy là nó không phải dễ dàng đâu.

Nhất là chung quanh có bao nhiêu người đang nhìn mình bằng những con mắt khắc nghiệt. Báo chí chú ý nhất là khi ông đến bắt tay ông Chaban Delmas, cả hai có lẽ đều muốn tỏ ra quân tử nhưng coi bộ hơi khó và không hiệu ánh sáng đèn hay vì một lý do khác mà đôi mắt

của ông Chaban trắng như hộp thuốc giặt, thấy ghê lắm.

Suốt buổi, ngoài hai lần chào quốc kỳ khi ông Tổng Thống vào và khi ông đi duyệt binh, nhạc quân đội luôn luôn đánh bản khởi-hành ca, là bản nhạc mà ông Giscard vẫn thích.

Bây giờ lúc bắt tay vào việc mới là nhiều chuyện đáng lo, vì chung quanh có bao nhiêu người sẵn sàng đề phê bình chỉ trích, xuống đường và đình công. Ai bảo làm Tổng Thống là sướng?

Hay tại làm bà Tổng Thống sướng nên các bà cứ nhất định xúi các ông ra tranh cử. Nghe bảo bà Chaban khi thấy ông chồng đứng sau Giscard trong kỳ đầu, nên kỳ hai bà đã năn nỉ từng người một xin đừng bỏ phiếu cho Giscard. Đây chỉ là những lời tiết lộ của báo chí ác ôn, anh có nghe cũng nên tin phân nửa thôi.

Thế là xong chuyện bầu cử rồi nhé, chờ bảy năm nữa, nếu không vì một sự kiện gì đặc biệt xảy ra. Nhưng tôi hy vọng rằng sau bảy năm thì người ta sẽ có một lối bầu cử khác để bớt tốn kém, coi bộ mỗi lần bầu cử như thế này thì quả đất bị bóc lột nhiều hơn, nước càng văn minh thì sự bóc lột càng dữ hơn. Mỗi một chuyện in quảng cáo mà tốn biết bao nhiêu rừng cây để làm giấy, trong khi mấy nhà xuất bản chạy đi mua giấy không có.

Kể gì nữa, hôm qua có một ký giả Pháp tên L. C. anh chàng vừa rời Việt-Nam được mấy tháng, đầu

óc còn lưu luyến đất nước mình nên về đến Paris là anh chàng gọi điện thoại cho tôi để nói chuyện. Anh chàng bảo từ khi rời xứ Việt-Nam biết rằng không trở lại làm việc nữa nhưng chắc kỷ niệm sẽ khó quên, lần lượt anh chàng kể cho tôi nghe tất cả những mối tình, những hình ảnh nào đã ghi sâu vào tâm trí.

Anh chàng phàn nàn rằng về đây nhận thấy một số người Pháp có một tầm nhìn rất hẹp hòi và bất công đối với miền Nam Việt-Nam. Theo họ nghĩ thì tất cả nhân dân miền Nam đang khắc khoải trông chờ Cộng sản vào! Anh chàng bảo là phải giải thích mãi, thật khó chịu vì họ chỉ đọc qua các báo chí thiên vị, anh chàng còn nói thêm rằng các bài vở tin tức đánh về thì những tờ báo bên này chỉ chọn một vài câu nào hợp với ý họ, còn thì họ bỏ đi. Như vậy sao gọi là làm báo.

Anh chàng còn kể thêm về những người bạn khác, sau khi rời xứ Việt Nam trở lại đây chỉ có đi gặp những người Việt và chỉ có đưa nhau đi ăn cơm Việt mà thôi.

Xứ Việt Nam không ngờ mà có bùa nhĩ, chắc vậy chứ sao mọi người ai đến rồi lúc xa cũng vẫn vương. Theo mấy ông Cao-Miên thì đây là do chiếc áo dài của cô gái Việt Nam đấy. Anh liệu mà dặn dò các cô đừng có mặc đầm nhiều quá, nếu không làm gì thì ít nhất cũng làm cái việc tô điểm cho non sông.

Báo cho anh một tin, độ này có nhiều người Việt muốn bán hiệu 30.

ở đây lắm, mà phải mấy chục triệu bạc bên ta, cố nhiên là lấy tiền bên này chứ không chịu lấy tiền ta đâu. Hỏi họ bán làm gì, họ trả lời muốn về xứ. Nghe hay không? Đâu phải ai cũng đòi bỏ xứ đi hết đâu, có người cũng đòi về đấy chứ. Nói cho anh vui, có lẽ họ nhìn vào gương mỗi sáng thấy mình già rồi, mà ở bên này thì chỉ có làm quần quật, chắc cũng cảm thấy vô nghĩa chẳng, nhất là làm cái công việc nấu nướng, bưng dọn cho người khác ăn. Cố nhiên là mỗi tối mở két đếm ra được nhiều tiền nhưng thấy nhiều tiền mà cũng không sung sướng gì hơn ai, có lẽ khổ nữa, không bán đi về nhà mà dưỡng lão thì còn chờ gì.

Cố nhiên, đồng thời tôi cũng nghe tin ở nhà có nhiều ông bà đòi bán nhà với giá rẻ lấy tiền ngoại quốc để sang đây, như thế là quân bình. Anh chị có muốn mua hiệu ăn bên này hay mua nhà rẻ ở Saigon không tôi mách cho. Nói thế chứ đừng dại, đời bây giờ mà lắm của chỉ tổ mất công lo. Một bà bạn tôi vừa điện thoại kể chuyện bên này có ông nhà giàu kinh khủng hai ba cái nhà trọ và mấy chục nhà cho thuê mà đi đâu thì hà tiện vô biên, chẳng biết để tiền làm gì. Nghe bảo suốt về châu trời, thế mà vẫn cứ hà tiện.

Thôi không nói chuyện người Việt Nam nữa. Kể anh nghe một mẩu chuyện buồn cười ở đô thị, phải là đô thị như loại Ba-lê mới có thể xảy ra. Nó là chuyện những người cô đơn, tôi đang điều tra thêm đề khi nào rồi viết thành một thiên

phóng sự. Anh biết những người cô đơn quá rồi họ làm gì không? Đi tìm bạn qua điện thoại, không phải là cứ mở sổ điện thoại rồi gọi càn vậy đâu. Nó có một vài sổ điện thoại không là của ai cả, thế là người ta tìm đến, rồi đêm đêm gọi nhau để bàn cãi nói chuyện như một cuộc hội thảo, nhưng chẳng bao giờ biết mặt nhau. Thỉnh thoảng lại bị sở bưu điện cắt đi nhưng họ vẫn tìm ra những sổ mới để tái lập một hệ thống mới. Họ có thể gọi từ các quốc gia xa xôi khác nếu có sổ tự động, ngay cả xa như Nhật Bản, Hoa-Kỳ, đừng nói gì đến các quốc gia Âu-châu. Gọi không mất tiền, cố nhiên, và cứ thế mà những người bạn tìm nhau ban đêm để bàn cãi. Tôi vừa gia nhập một tổ để tìm hiểu, nghe chuyện của họ nói với nhau, phải có sự giới thiệu của những người khác, tuy nhiên cũng có những tổ ô hợp hơn và người ta không có mục đích gì hơn là đùa chơi. Nó như một loại hội người cô đơn vậy đó. Tôi hỏi tại sao họ không đi chơi ra ngoài, xem hát, chiếu bóng hoặc tới nhà bạn bè mà nói chuyện có phải hơn không. Người ta trả lời, vì những người này, đã chán cả sự đi ra ngoài, đi chơi, phải ăn mặc, hóa trang và có người thì lại vì mặc cảm, nhút nhát không dám gặp ai, có người vì thiếu nhan sắc. Anh sẽ hỏi thế thì tôi đứng vào hạng nào? Tôi đâu có định vào cái hội ấy. Một đêm tự nhiên một người bạn gọi đến bảo có muốn nghe một cuộc bàn cãi lý thú thì gọi đến số ấy, thế là tôi gọi thử. Thấy nó lạ lạ nên

điều tra mà muốn điều tra thì phải gia nhập nếu không, chúng sẽ không chịu.

Phải là những người chẳng có gia đình, chứ anh tưởng nếu có vợ chồng con cái một bên mà nằm ôm cái điện thoại rồi nói chuyện với những người khác giờ này qua giờ kia, có khi đến hai ba giờ sáng, ai chịu nổi.

Tôi đưa vấn đề ra thảo luận với mấy người bạn, họ bảo là tại cuộc sống đô thị mà sinh ra như thế chứ ở nhà, các anh mỗi ngày đến gặp nhau dễ dàng biết mấy. Đằng này nếu muốn đi thì lúc đến phải tìm chỗ để xe, khi về lại sợ mất chỗ đỗ xe của mình, đi xa còn mất nhiều thì giờ, ngày mai làm sao dậy nổi mà đến sở. Mời ai đến nhà lại sợ phiền hàng xóm, hành chủ nhà phải thu dọn nhà cửa, dầu không làm cỗ bàn gì thì cũng phải rửa chén cà phê, cốc rượu, hút bụi trên thảm v.v...

Vì vậy, nó phát sinh ra cái hiện tượng xã hội này, và nếu anh gọi cho một người thì chỉ một người thôi, đằng này cả chục người ai muốn góp chuyện cũng được, đặc điểm là ở chỗ ấy. Chắc ở nhà các anh có muốn bắt chước cũng không được vì hệ thống buru điện mình bé xiu người ta biết ngay, cắt ngay còn làm ăn chi.

Viết đến đây tôi nghe chừng hơi bế tắc phải xuống đường dạo sông Seine một vòng ra mấy hiệu sách dọc theo bờ sông xem có quyển sách nào đáng vác về. Chỗ tôi ở chỉ « ăn tiền » có mỗi một điểm ấy, muốn ra

bờ sông Seine lúc nào cũng được đi bộ quãng ba phút là đến. Bạn bè đưa nào cũng cho là tôi vừa khôn vừa biết tính toán, sự thật chỉ là trời bao giờ cũng dài đưa khờ. Sông Seine còn có một thứ cây rất dễ thương tên là cây run rẩy (tremble) một loại dương thụ, lá nó rất uyển chuyển một làn khí nhẹ thổi đến là tất cả mọi cành lá đều run. Do đó mà có những truyền thuyết bảo ngày nào cây run rẩy không run nữa là tận thế. Vì vậy thỉnh thoảng tôi phải ra đi một vòng xem nó còn run không. Đùa đấy, mỗi ngày cứ dán mình vào cái bàn nên hay bị mệt, sắp phải đi bác sĩ mà biết trước là ông ta sẽ nói gì rồi, sẽ bảo cấm làm việc nhiều. Ngày nào không làm việc được nữa thì chỉ có đi làm « mỗi ngọt cho loài sâu », chứ còn sống làm chi nữa, anh có đồng ý vậy không?

Anh có biết tại sao cây run rẩy nó run không? Sự thật là tại cái cuống nó dài thanh và dai, vì vậy mỗi khi gió thổi nhẹ, mấy cây khác bên cạnh còn nặng nề, chưa biết phải làm gì thì cây này đã run lên. Tất cả mấy nghìn vạn chiếc lá cùng run một lúc, trông thật đẹp. Gỗ nó nhẹ và xốp nên người ta dùng làm gỗ diêm, và bã gỗ có thể làm thành một thứ giấy tốt. Tại nó có liên quan đến cái nghiệp của chúng ta nên hôm nay tôi mới mang nó ra giới thiệu với anh. Chỉ tiếc là cây này không chịu khí hậu xứ nóng, nếu không thì tôi đã gửi hạt nó về cho các anh.

Sắp đến lễ Giáng-lân, bắt đầu từ hôm nay người dân Paris lại bằng

bể nhau đi nghỉ, 35000 cảnh sát lại được dịp chạy ra đứng ngoài đường các xa lộ và đường cái, đường con, để canh chừng cho những ông bà đi chơi ấy. Đáng phàn nàn nhất là những người ra đi không về, trời đã thừa trừ rồi, nước không có chiến tranh thì phải có những vụ tai nạn cuối tuần, hoặc mỗi kỳ lễ lạc ấy cho bớt miệng ăn. Hiện nay chắc anh cũng nghe những nhà khoa học nhất là những ông bà chuyên nghiên cứu về khoa sinh thái học (ecology), họ đang kêu gào xin ngừng bớt những sự bóc lột thiên nhiên, không phải chỉ yêu cầu ngừng sinh sản mà còn ngừng khai thác tài nguyên, ngay cả nước ngọt để uống cũng có thể thiếu, đây là không nói đến các thứ như dầu hỏa, than đá, thức ăn v.v...

Đã vậy người ta lại còn lo rằng rồi nước nào cũng làm bom nguyên-tử, bắt dân nhịn đói nhịn khát để

có quả bom ôm đi dọa thiên hạ và chỉ cần một vị lãnh tụ nào điên cuồng là có một cuộc đại hồng thủy sẽ ra đời như chơi. Biết đâu như thế lại hay, tuy vậy những ông kinh tế, hoặc khoa học gia ở các nước mới chấp chứng vào kỹ nghệ lại cười, bảo không việc gì mà lo, chuyện đâu còn đó, họ tin rằng vẫn còn nhiều tài nguyên nằm dấu dưới đất và con người sẽ bớt sinh đẻ, đừng sợ. Nói chung là trời sinh voi sinh cỏ, chẳng biết nên nghe theo ai.

Dầu sao có một điểm đáng đề ý là hai cuộc sống khác nhau, ở bên nhà con người có nhiều thì giờ hơn, hay là tại cách thức tổ chức xã hội. Bên này thấy người nào cũng chạy hồng học theo cái đồng hồ. Vấn đề này hẹn anh kỳ khác sẽ đưa ra thảo luận. Thăm các anh và B.K.

MINH ĐỨC HOÀI TRINH

NHỮNG TẬT BỆNH THÔNG THƯỜNG TRONG LỨA TUỔI HỌC TRÒ

Bác sĩ ĐỖ HỒNG NGỌC

Lê Vinh Ngọc vẽ bìa — LA NGÀ xuất bản và phát hành,
399/7 Phan Đình Phùng SAIGON.

* Cuốn sách cần thiết cho sinh viên học sinh lẫn các bậc làm cha mẹ biết thương con em.

tái bản lần thứ nhất

Đã có bán tại các nhà sách

BNP

A votre service

tous les services de la

BANQUE

NATIONALE

DE PARIS

Trường hợp của THU

Tường An đọc lại một lần nữa đoạn cuối bức thư viết cho chị Anh. « Bây giờ xem như em về an phận ở đây, trong hai ba năm gì đó. Em sẽ cố thích nghi nhưng em có cảm tưởng sẽ không có nhiều bạn. Chị nhớ viết thư cho em, càng nhiều càng tốt. Còn em, chắc sẽ có nhiều chuyện để kể với chị. Em sẽ cố tìm những chuyện vui, và nếu cần, em sẽ tưởng tượng. Biết vui trong mọi cảnh ngộ tức là biết sống, phải không chị Anh? Em bắt đầu mong thư chị rồi đó, khi em chấm dứt lá thư ni. Địa chỉ mới của em: Nguyễn thị Tường An, B₂, lưu xá Ngọc Hân. Thương chị thật nhiều. »

An dán thư lại, hài lòng vì lời lẽ đầy vẻ trưởng thành của mình. Dầu chi đi nữa, mình cũng sắp sửa sống một đời mới rồi đây. Mình sẽ phải làm những gì đây để không quá cách biệt với những người chung quanh? Có lẽ điều tốt hơn hết là nhìn lối sống của mọi người rồi bắt chước,

An ở phòng B của dãy lầu một với ba nữ sinh viên khác: Mai Vy, Anh Hoa và Liên Xuân. Họ đã ở lưu xá một hai năm và là sinh viên từ năm thứ hai trở lên. Chỉ có mình là hoàn toàn non kém, từ tuổi đời cho đến sức học. An nghĩ như vậy. Nhưng hình như các chị ấy cũng khá vui tính, hy vọng mình sẽ hòa hợp một cách dễ dàng.

Cô ra ban công đứng nhìn xuống đường. Lưu xá thuộc một khu phố trường giả, ở một con đường nhiều bóng cây và những bức tường cao có giăng thêm kẽm gai. Bao phủ bốn bên bởi những giàn hoa giấy, lưu xá có một vẻ kín đáo dễ thương. Những hoa giấy màu trắng, màu gạch hay tím đậm tương phản một cách khéo léo và vui mắt với những hoa huỳnh anh vàng.

Có tất cả hai mươi phòng dành cho tám mươi nữ sinh viên, chưa kể ba phòng lớn dùng làm phòng hội,

phòng học và phòng khách. Một thư viện và một phòng xem ti-vi, nhỏ hơn, ở cuối dãy. Hầu như sinh viên đến từ khắp các tỉnh Trung và Nam. Họ nói nhiều thứ tiếng địa phương và học ở đủ mọi phân khoa nhưng cùng gặp nhau ở một điểm: trẻ tuổi, xa nhà.

Thế giới đại học được thu nhỏ lại trong lưu xá và rút gọn vào căn phòng An đang ở. Đó là một đời sống đầy đủ và thoải mái, An nhận xét như vậy.

Chị Vy, luật khoa năm thứ ba, nổi tiếng vì những sinh hoạt trong lưu xá. Chị là người đứng ra tổ chức bất kỳ buổi họp mặt nào dù lớn hay nhỏ. Chị có một thân hình đẹp cho tất cả mọi loại y phục và ăn mặc hợp thời trang nhất lưu xá. Chị còn được gọi là « Vy trường túc » do đôi chân dài của chị.

Chị Hoa, năm chót ở Văn Khoa,

là người đẹp của lưu xá. Công việc chính của chị trong bất cứ ngày nào hình như cũng chỉ là tiếp khách. Các chị kia gọi chị là « Hoa khôi » để phân biệt với chị Quỳnh Hoa của trường Dược.

Chị Xuân, sinh viên canh nông II, là một thiếu nữ có nhiều cá tính đặc biệt. Chị táo bạo và đôi khi hành động như một người bất bình thường. Không bao giờ chị bại trận trong các cuộc tranh luận, dù rằng với phái nam. Chị hao hao giống những nhân vật trong các tiểu thuyết phóng sự và có biệt danh là « Xuân gân ».

An không rõ sẽ bị gọi là An gì đây, An « gián » do cái tính nhút nhát của cô hay « An ngớ ngẩn » thì thật khốn. Cô sẽ không thể phản đối và cái tên đó sẽ còn mãi cho đến suốt đời không chừng.

Tháng mười, trời Saigon thật dễ thương từ những cơn mưa chiều. Con đường im vắng đến ngạo nghễ, thỉnh thoảng một chiếc xe hơi vút ngang qua để lại một ít âm thanh đơn độc trên mặt đường.

Chị Vy đang ngồi ở bàn, bên cạnh là một dãy những lọ mỹ phẩm được xếp lộn xộn. Mặt chị đã được trang điểm gần xong, trông thật mịn màng điểm lệ. Hôm nay là chủ nhật, vậy là chị có hẹn. Vừa dán hàng mi giả lên mắt, chị vừa hỏi An trong khi mặt cúi sát vào tấm gương:

— Không đi đâu hả cô bé? Chưa biết buồn à.

— An cũng chẳng biết chỗ nào để đi nữa. Đành ở nhà.

— Á... à... quên nữa, cô bé còn ngơ ngác với Saigon quá mà. Nhưng chị hy vọng chừng một tháng, cô bé sẽ bắt kịp những gì vui nhất của Saigon, như bất cứ một người trẻ trung chính hiệu nào. Chỉ vì còn lạ thôi, phải không?

— Dạ.

An đáp dạ nhưng thật ra cô không muốn đồng ý với chị Vy tí nào. Thế nào là một người trẻ-trung-chính-hiệu? Nếu trẻ trung có nghĩa là phải kẻ mắt và đánh mặt nhiều màu như chị Vy thì thật khó khăn quá cho An. Cô chưa hề cảm đến một thỏi son.

Khi chị Vy từ sau màn bước ra, An thấy chị thật lộng lẫy, giống như một công chúa, An nghĩ thế. Chị nháy mắt với An và đưa tay lên làm một cử chỉ như chào từ biệt. Tiếng giày khua vang trên lối xuống cầu thang và mùi nước hoa nhẹ tỏa ra phía sau khiến chị càng có vẻ trang trọng.

An nhìn quanh gian phòng. Cách bài trí mỗi góc biểu lộ quan niệm thẩm mỹ của mỗi người. Trên bàn học, chị Vy bày một đóa hồng nhung đỏ rực do chính tay chị làm lấy. Sách được xếp thành những dãy đứng và nghiêng theo một trật tự thật công thức khiến người ta e ngại khi phải làm xáo trộn, dù chỉ là để học bài. Áo quần đủ màu, đủ kiểu treo trên những móc ven tường như hãnh diện được nói lên sự sang trọng của chủ nhân.

Ở góc chị Hoa, một bức hình lớn của nữ tài tử J.C. được lồng kiếng và treo ở tường trên một bức tượng thiếu nữ khỏa thân bằng thạch cao. Chỉ có vài quyển sách dày để ở bàn vì chị đã dồn hết vào chiếc tủ đặt gần đây. Hình như chị không thích phải đối diện với quá nhiều sách vở.

Bàn học chị Xuân là một khu rừng nho nhỏ: những chú voi, chú khỉ, chú nai và cả gà vịt bằng gỗ, bông hay thủy tinh. Một bức hình của chị tóc bay rối tung trong gió, đang đứng tựa vào một gốc thông ở một ngọn đồi của thành phố Đà-lạt. An nghĩ hình như chị tiềm nhiễm một ít cái ưa thích rất thời trang của thanh niên Âu Mỹ: thiên nhiên. Chị giống như một người đang bắt mẫn với tình cảm của mình.

Mình sẽ phải chung đụng với những người như vậy đó. Chao ôi, thật không phải là điều khiến mình ao ước.

oOo

— Trễ rồi chị Hoa ơi, An đi đã nghe.

An kêu lên và chạy vụt ra khỏi phòng, cô đâm sầm vào một người đang đi ngược lại.

— Xin lỗi chị, em vội quá.

Cô gái mỉm cười với An. Chị mặc áo dài lụa trắng, tóc thả dài và có vẻ nhu mì. An chỉ kịp nhận thấy từng ấy.

— Đâu có gì. Chắc là trễ học rồi phải không cô bé?

An cười đáp lại và chạy nhanh

xuống thang. Cô định bụng sẽ tìm cách làm quen với sinh viên đó. Tự nhiên An thấy thích chị.

Cô đến trường khi cửa giảng đường vừa mở. Sinh viên ủa vào để chiếm chỗ. Bị lôi cuốn bởi đám đông và không thể cưỡng lại, An bị đẩy vào một hàng ghế ở khoảng giữa giảng đường. Cô chỉ mong có thể để có thể ngồi xuống. Bỏ tập vở lên chiếc bàn cá nhân, cô kéo vạt áo dài định ngồi xuống thì giật thót mình vì bị đâm mạnh vào vai.

— Trờ đất ơi, Tường An.

An quay qua bên trái:

— Ui chao! Ái Minh.

Hai người bóp mạnh vai nhau.

— An cũng học đây hả? Mình chẳng biết chi cả. Nhập học cả tháng rồi có gặp ai đâu. Nhà An ở mô?

— An không ở nhà riêng, An ở lưu xá. Gặp Minh mừng quá đi. Ra ngoài một chút đi Minh, ở đây ồn quá.

Đến sân, An bị Minh nắn hai vai. Xoay nghiêng xoay thẳng để quan sát.

— Chưa có chi thay đổi cả. An vẫn rứa. À, hình như mập lên một tí thì phải.

— Minh cũng mập kìa. Người lớn ra phết. Mừng ghê đi, Minh ơi.

Cô xiết tay Minh chặt quá khiến Minh la lên:

— Làm chi rứa. Bộ cả mười năm rồi không gặp bạn bè hả. Ở lưu xá mô ? Có ai quen không ?

— Ngọc Hân. Nhưng An buồn lắm, chẳng có người mô mình cảm thấy thích hợp được. An cũng chưa quen người bạn mới mô hết. Có mấy chị hình như cũng học trường mình đạo trước : An Trinh con ông Trung tá Minh, Diệu Trân em ông Bác sĩ Quốc, Bích, hiệu xuất nhập cảng ở đường H. D... và nhiều người nữa mà An không nhớ hết. Ở chung nhưng cũng ít khi gặp mà gặp cũng chưa chắc đã thân nhau được như tụi mình. An thấy họ có vẻ răng răng đâu, không hợp với mình lắm. Còn Minh, Minh ở mô rứa ?

— Tận Phú-nhuận lận. Có lẽ An chưa biết được nổi vất vả của mình : dời nhà ba lần trong ba tháng. Ban đầu mới vào, Minh chưa định học đâu nên chỉ ở tạm. Lần thứ hai thì là một nhà ở đường N. H. Nhưng không thể ở được, khu đó vừa ồn ào vừa phức tạp. Bây chừ Ninh ở Phú nhuận, xa thì xa thật nhưng rắng chịu chớ biết rằng chừ. Vì chỗ đó khá rộng rãi và mát mẻ, có thể học được. Leo lên leo xuống hai chuyến xe lam mỗi vòng thiệt là khổ, nhất là những bữa trời mưa. Còn phải lội bộ cả khoảng đường dài chớ đâu phải không. An điểm phúc ghê, xin được vô đó là hay lắm. Minh nghe nói khó khăn lắm mà.

— Ủ. Nhưng An cũng không rõ lắm. Nhà bà chị họ lo hết giấy tờ giùm, hình như có quen lớn chi đó

thì phải.

— Đúng rồi, có quen thì mới dám hy vọng. Người ta đồn rằng trong đó chỉ gồm toàn dân con ông cháu cha đó An.

— Hình như An cũng thấy như rứa. Có lẽ mình là trường hợp ngoại lệ. A, thầy vô rồi kia.

Hai cô nắm tay nhau đi vào, Giảng đường nghẹt cứng vì sinh viên. Họ tràn lên cả sân khấu và chiếm hết các bậc cấp khiến hai cô lúng túng vì không có lối đi lên. Các nam sinh viên mỉm cười có vẻ trêu cợt còn các nữ sinh viên thì nghiêng người để tránh một cách không vui vẻ tí nào.

— Học hành cực khổ quá Minh hỉ, mà không biết có làm được việc chi không. Bao nhiêu khó khăn để có một chỗ ở, một chỗ ngồi.

— Thời thế của sự tranh đua mà An. Dùng tất cả những ưu thế mình có để qua mặt những người khác, càng nhiều càng tốt. Bời rứa, càng ngày những chênh lệch càng chồng chất.

An định nói một câu nữa nhưng giáo sư đã cầm micro lên và buổi học bắt đầu.

oOo

Khi trở về lưu xá, An thấy vui vô cùng vì cuộc gặp mặt với Minh ở trường học. Cô cố ý tìm chị sinh viên bị cô va vào lúc đi học và gặp chị ở phòng ăn. Chị cũng vừa bùng phần cơm của mình ra và đang tìm bìa.

— Cho em ngồi chung với chị nghe. Đề em xin lỗi chị vụ ban chiều.

— Khéo bày đặt. Chắc cô bé giỏi làm nũng lắm phải không? Tụi mình ngồi đây đi.

An ngồi xuống với chị, cô nói một cách thân mật và tự nhiên:

— Em là An, Tường An.

— Tên hay ghê. Tên chị tầm thường lắm, Thư. Thư là sách ấy mà.

Thư ngăm An và tiếp:

— Chắc An mới lên đại học? Nghe giọng nói chị đoán em là người Trung.

An thấy chị Thư thật tài. Có lẽ chị đã tiếp xúc nhiều lắm.

— Chị hay ghê. Em mới vô năm ni chớ mấy.

— Chị thì đã học ba năm nhưng cũng mới dọn vô đây thôi. Nghĩa là chỉ hơn cô bé có tí xiu. Chị cũng chưa quen với đời sống ở đây lắm. Không phải chị không muốn hòa đồng nhưng đến khi còn những lý do khác. Kìa, ăn đi chứ.

Thư nhìn các bạn ở chung quanh. Họ đang vừa dùng bữa vừa cười dõn nghe dõn dã. Ở một bàn cách đó hai dãy, giọng Liên Xuân cao lên:

— Tao cá là thằng chả sẽ nhận lời của tụi mình trước. Ngọc Hân không ngon hơn Hoa Huệ sao. Đâu có lưu xá nào qua mặt tụi mình nổi.

An lắng nghe, hỏi Thư:

— Chuyện chỉ rứa chị Thư?

— Hình như sắp có một buổi trình diễn nhạc thì phải. Của nhạc sĩ Mai Vinh. Chị cũng không được rõ lắm.

Các nữ sinh viên khác vẫn tiếp tục đưa cuộc đối đáp từ bàn nọ lan đến bàn kia.

— Tình ca hả?

— Chà chà.. anh chàng lại sắp tổng tình một cô nàng nào trong lưu xá mình rồi đây.

— Bích Ly đó.

— Àu, Liên Xuân kìa.

— Thôi đi bồ, trời không sinh ra tôi cho hần. Hoa Khôi đi.

— Ê! Đừng có phát ngôn vung vít. Người ta sắp đính hôn rồi mà.

Cả bọn cười ầm lên sau câu nói của Hoa. Một người lái câu chuyện:

— Hần cũng đẹp trai chứ nhỉ?

— Không, hần chỉ được cao ráo sạch sẽ thôi, có vẻ nghệ sĩ.

— Hần rồi, nhạc sĩ kiêm ca sĩ mà.

— Và còn gì: tán tỉnh khéo, ăn chơi rành, sao tụi mày không kể luôn ra.

Liên Xuân hét lên như thế và buông đũa đứng dậy. An nhìn qua Thư, mỉm cười:

— Xong chưa cô bé. Tối này An học đâu?

An đáp ngay:

— Ở phòng học. Chị với em học chung nghe.

An vui quá. Cô vừa hát nho nhỏ

vừa đi như nhảy lên phòng. Vy đã ở trong từ bao giờ, với các chị ở những phòng khác sang chơi. Họ đang xúm lại ngắm nghía chiếc áo chị Vy mới lấy ở hiệu may về.

Một người kéo tà áo cho đang ra, xuýt xoa :

— Ăn ánh sáng quá. Chị Vy thật có óc thẩm mỹ.

— Phải trang điểm kỹ mới hợp với loại hàng này, Vy há ?

— Chắc chị mặc với quần trắng chứ ?

Chị Vy chớp mắt rồi trả lời :

— Bích thấy nên mặc quần màu gì ? Trắng có lẽ hợp và nổi hơn. Với lại bây giờ mất quần trắng mà. Hôm nay mười tám rồi phải không, còn một tuần nữa.

Chị chống tay lên cằm, có vẻ suy nghĩ. Chị có một điệu bộ trầm tư thật đẹp và khiến người khác ưa nhìn. Gương mặt cúi xuống với những lọn tóc lòa xòa một bên má, nom chị thật quyến rũ. Các chị kia cũng nín lặng, dường như cũng đang cho trí óc hoạt động. Một chị lên tiếng :

— Trưởng ban tổ chức kê cũng mệt. Nhưng mà vì chị có khả năng đó chứ.

Ra là họ đang bàn đến vụ nhạc ấy nữa. Có vẻ quan trọng quá. An soạn vở ra và đi xuống dưới phòng học. Cô nóng lòng được nói chuyện với người bạn mới quen. Ở đây, cô không biết phải tham dự như thế

nào vào những việc đang được đề cập tới.

oOo

Một tuần đủ để An và Thư trở thành đôi bạn thân. An rất mến chị Thư vì vẻ giản dị của chị. Chị không xài son phấn, thường mặc áo dài trắng và không quá chú trọng đến hình thức như phần đông các sinh viên khác. Chị thường nói với An bằng một giọng tâm sự :

— Đâu phải ai cũng có một tuổi trẻ hoàn toàn sung sướng. Chị chưa bao giờ được sống một ngày hồn nhiên. Không phải vì chị muốn vậy nhưng xã hội đã ép buộc chị phải trở nên như vậy. Làm sao còn vô tư hả An khi chị đã phải đi dạy kèm từ năm còn ở đệ tứ. Chị không trông thấy toàn màu xám nhưng dĩ nhiên cũng không thể thấy toàn màu hồng. Tuy chị có một chút tự tin ở mình nhưng vẫn có những mặc cảm không gột rửa được. Chị rất sợ đám đông, chị sống lặng lẽ không bạn bè vì chị không có chút thì giờ rảnh nào cả.

Chị nhìn xa xa, gương mặt đượm một vẻ cam chịu khiến An thấy xót xa. An chỉ biết nín thinh để nghe chị kể lẽ và tỏ lòng chia sẻ sâu xa với nỗi buồn chị đang mang. Ba má và hai em chị đã chết trong cùng một ngày bởi một mảnh bom vô tình nào đó trong một trận đánh lớn. Khi ấy chị đang ở năm cuối bậc trung học và chị nhất quyết theo đuổi bậc đại học, một mình, giữa thành phố Saigon không một người thân.

An thích nghe chị nói vì trong

giọng chị có một vẻ ương ngạnh thật dịu dàng. Và những lúc ấy trông chị bỗng nhiên đẹp hẳn ra: hai mắt long lanh sáng và vành môi bình thường mím chặt kia ẩn hiện một nụ cười thách thức. Vậy ra mình còn quá đầy đủ so với bao nhiêu người khác. Thế mà cách đây vài tháng mình cứ ngỡ rằng không có bạn đề trò chuyện đã là điều bất hạnh nhất trần đời. Thật là ngây thơ và buồn cười.

— Ơ kìa! Chẳng lẽ cô bé định trốn luôn trong này sao? Thay áo nhanh lên, chương trình sắp bắt đầu rồi. Ngọc Hân nghĩa là lanh lợi, trẻ trung và vui vẻ mà.

Chị Vy hé cửa dòm vào, la lên như thế và An bất đắc dĩ phải đứng lên một cách lười biếng. Cô không muốn đi nghe nhạc chút nào nhưng kỷ luật đã không cho phép cô được ở đây. Thì đi vậy.

Theo chị Vy bước vào phòng hội, cô suýt thối lui vì ngạc nhiên. Có quá nhiều người lạ trong một khung cảnh được trang trí đẹp mắt. Những người đàn ông trịnh trọng trong các bộ Veston kia có lẽ là các quan khách danh dự. Rất nhiều những khuôn mặt mang đầy hờn hờ kia hẳn là những thân hữu được mời. Những gương mặt đẹp rực rỡ kia như từ đâu xuất hiện chứ không phải là những người bạn hàng ngày vẫn ra vào lưu xá. Một người nào cũng đen như nhung, tóc được làm đủ kiểu và dù xài bất cứ loại sáp nào trông mỗi họ cũng bóng và mọng lên đầy kiêu

sa. Và còn kiểu áo, còn màu sắc nữa. An thấy mình thật chẳng giống ai cả khi bước vào đây với chiếc áo tím nhạt và một khuôn mặt trần. Cô đi thật nhanh về phía cuối phòng và mừng rỡ nắm lấy tay Thư:

— May quá, em cứ sợ phải ngồi một mình.

Hai người siết tay nhau trong bóng tối. Trên sân khấu, chị Vy đang giới thiệu nhạc sĩ với khán giả giữa những tràng pháo tay thật dòn. Ông ta có dáng cao, cử chỉ lịch sự và quyến rũ. Ông nhìn quanh phòng với một cái nhìn dò hỏi thân thiện.

Những bài nhạc tình vang lên, với những âm điệu tiếc nhớ, rời rã. An kín đáo quan sát những người chung quanh. Họ có vẻ bị lôi cuốn thật sự, mắt mơ màng như đắm chìm vào những mối tình đang dở dang được nhạc sĩ gọi lại những ngón tay rung lên trên phím đàn.

Chen trong chương trình còn có những tiết mục do chính các sinh viên của lưu xá hay các quan khách đóng góp. Một vũ khúc diễn tả mùa gặt ở thôn quê được giới thiệu như là «một phần của dân tộc tính». Hai sinh viên nam đại diện một lưu xá bạn song ca một bài nhạc Pháp đang thịnh hành. Một vị quan khách veston cứng đờ bị yêu cầu đã hát một lời của bài Lý ngựa ô giữa tiếng reo hò âm ỹ của tất cả những người còn lại. Chấm dứt chương trình là một bản hợp ca mà nhạc sĩ mời mọi người cùng hát với anh đề «chia sẻ nỗi thống khổ của hàng triệu đồng

bào ta, qua mấy mươi năm chinh chiến». Tiếng hát như lần khuất vào tiếng vỗ tay, tiếng đàn, vào những tà áo dài và những chiếc cà vạt to bản hợp thời trang đang bay bay. Mồ hôi rịn ra trên những gương mặt trắng đượi vì son phấn.

Bài hợp ca chấm dứt cùng lúc với việc chị Vy đưa khăn tay lên chặm mặt. An kéo tay Thu bước ra khỏi phòng. Mọi người đang túa ra khắp sân lưu xá, dưới những giàn hoa giấy hay cạnh những bụi huỳnh anh vàng, những cụm nguyệt quế thơm ngát.

Mười hai giờ kém mười lăm phút. Hồi còi thứ nhất báo hiệu giờ nghiêm vang lên, át hẳn những tiếng cười nói còn vang dội ở các hành lang dẫn về các phòng.

An đã thay đồ cụt, thoải mái nằm dài ra trên giường. Tiếng giày rộn rã kéo lê trên cầu thang và chị Vy đi vào với hai chị Xuân, Hoa, cùng một số nữa mà An không nhớ tên.

— Trời đất ơi, mệt gần chết. Hai chân Vy sắp rời ra khỏi người rồi đây.

— Tuyệt, chị Vy ơi. Tất cả. Ánh sáng, âm thanh, nhạc, cách tổ chức. Bọn này chưa bao giờ thấy vui như thế.

— Chị Xuân có đề ý không? Mắt ông ấy lảng lơi!

Xuân nhướn mày, ngoảnh đầu:

— Có chứ. Tim tao rớt xuống bụng giờ mới lóp ngóp bò lên đây.

— Chị Hồng ở phòng H mặc chiếc

áo nổi ghê. Kiểu mới nhất, vải cũng mới.

— Chị Loan cũng thế. Tóc chị ấy thật điệu.

— Chị Hoa nữa chứ.

— Chị Vy nữa.

— Chuyện, nhân vật số một mà.

Họ chế nhạo nhau về những ông bạn được mời, về những câu nói đã được thốt ra ban nãy và cười dòn tan. Chị Xuân ngồi lên giường, vẩy chân cho đôi giày văng ra, rồi nằm ngửa người ra hát nghêu ngao. Chị Hoa im lặng, xắt mỏng trái dưa leo để làm mặt nạ. Tiếng chị Vy vang lên sau tấm màn, chị đang thay đồ ngủ:

— An ơi, vui không?

— Vui chứ chị Vy. Nhiều người đẹp quá chị Vy há.

Cô trả lời và cảm thấy buồn ngủ đến díp mắt.

oOo

Chỉ còn hai tháng nữa đến ngày thi, không khí trong lưu xá bỗng rộn hẳn lên. Các sinh viên thách nhau thức đề học bài. Mỗi tối họ chuẩn bị cả phê và trà đậm, ai nấy cũng tranh nhau chức học chăm. Họ lo lắng cho kết quả kỳ thi đến nỗi ai cũng ốm đi trông thấy rõ.

An gặp lại Minh trong sân trường. Sinh viên đứng thành từng nhóm năm ba người chụm đầu vào nhau nói chuyện. Họ đang bàn việc thi cử, lính tráng. An nghe loáng thoáng từ một đám nam sinh viên:

— Chuyển này mà không dính thì đi «làm lớn».

— Có thể lớn cỡ cỡ đại tướng không ?

— Đừng nói nhảm, xui bỏ xừ.

Minh lắc đầu khi thấy An :

— Nhọc nhằn quá, cứ lên xe xuống xe hoài, mình có cảm tưởng sắp đau đến nơi rồi. À, An có biết chuyện chi không ?

— Chuyện chi rứa ?

— Ngọc Mai mất xe rồi.

— Hả ? Răng rứa ?

— Bị giật. Hôm nọ bãi về tối, Mai đến khoảng nghĩa trang C.H. thì bị xô té. Đã mất xe mà còn phải nằm nhà thương nữa, rồi không biết có lành kịp đề thi không.

An cau mày, sao có nhiều chuyện xui cho bạn cô như vậy. Có quá nhiều bất trắc đang chờ đợi họ ở những con đường đời, những con đường thành phố. Thảo nào cô thấy các bạn có vẻ già dặn hẳn đi. Có thể chính cô cũng như thế mà cô không tự nhận biết. Chiếc xe là cả một vấn đề. Không phải ai cũng có thể mua một chiếc xe gắn máy vào bất cứ lúc nào muốn ở cái thời gao châu củi quế này. Biết đâu chẳng vì mất xe mà Mai phải bỏ học nửa chừng. An biết rõ gia đình Mai. Ba Mai là một công chức, việc cho Mai tiếp tục học là cả một hy sinh của ba má chị. Chương trình học thì sắp chấm dứt với những bài vở quan trọng nhất cho cả niên khóa. Làm sao Mai theo kịp các người khác lúc ở

nhà thương ra.

An thấy mình thật bất lực trước cái tai nạn lớn của bạn. Cô thở một hơi dài :

— Chừ răng ? Có ai giúp đỡ chỉ cho Mai không ?

— Cũng có chứ. Bạn bè chỉ có lúc ni mới thật cần. Bọn Diệu, Hải vẫn đến bệnh viện luôn. Bọn nó có xe, mình thì đành chịu. Chỉ chép giùm bài vở cho Mai thôi.

Minh cắn môi, nhìn xuống. An cũng cắn môi, nhìn xuống. Một đám lá điệp theo gió tung lên đầy tóc và hai vai họ.

— Khò ghê. Thôi mai mình đến Lưu xá, hai đứa mình sẽ đi thăm Mai. Chẳng biết gia đình Mai biết tin ni chưa hỉ ?

— Hình như Mai chưa dám báo cái tin quái ác đó về nhà. Khò tâm lắm chứ An.

Hai cô đi vòng quanh sân trường, dừng lại trước các bảng thông cáo mà không đọc kỹ. Đó là những thông cáo về việc ghi danh thi. Lòng An nặng một nỗi bất bình mà cô không rõ nguyên do.

Buổi tối, An ngồi ở bàn, trì ọc quần quanh với câu chuyện ban chiều. Cô so sánh đời sống mình, đời sống các chị trong lưu xá với Ngọc Mai, với Ái Minh, với cả Thư nữa. Cô biết chắc rằng có một khác biệt rất đáng kể mà cô không có khả năng san bằng. Cô ao ước có một phép lạ để cô đủ quyền uy thực hiện những gì cô mong muốn.

Có tiếng chân người đuổi nhau rồi giọng chị Xuân nghèn nghẹn cất lên trong cơn cười :

— Ồi trời ôi, tao mà bắt được thì mày chết.

Tiếng cánh cửa phòng đóng ầm lại ở cuối dãy và chị Xuân bước vào phòng, tay ôm bụng.

— Nhỏ Bích quý quá quá. Nó tìm đâu được cái hình hôm nọ có tao đứng kể thẳng nhạc sĩ. Nó vẽ râu lên mặt thẳng chả và cứ nhất quyết cho rằng lúc ấy tao đang xin xỏ một chút tình yêu của chả. Mà nó nhất định không cho tao lấy tấm hình kia lại.

Đang ngồi cuốn tóc chăm chú, chị Hoa trả lời bằng cái giọng chậm rãi, đồng đánh của một bà mệnh phụ :

— Con nhỏ đó thật nhảm. Vì còn cha kỹ sư tương lai của mày, mày đâu có bỏ dọc đường dọc sá được phải không ?

— Tất nhiên rồi. «Chàng» sắp thi ra trường đây này. Và tao sẽ có mặt hôm phát văn bằng. Cỗ nhót nữa đấy nhé.

Rồi chị lên giọng :

— Vy đâu ?

— Bà ấy bận tụng bài ở dưới. Đề sáng mai còn dậy sớm đi bơi nữa chứ. Gớm, hai người mũi mẩn ra phết.

— Nghe đâu ông ấy sắp xuất ngoại hả ?

Chị Xuân nhướng mắt.

— Ừa, và định hè này đeo nhẫn đó.

— Chắc lớn lắm. Con trai ông tình trường mà.

— Có xấp vải mới mua ban chiều, Xuân đã thấy chưa ?

Chị Hoa vừa hỏi vừa đi đến chiếc tủ đứng. Chị xỏ xấp vải ra,ướm lên người và ngắm mình trước gương. Chị Xuân kéo một góc vải, chăm chú quan sát mặt hàng :

— Tao cầu cho thi cử qua mau đề còn đi mua sắm. Lúc này tội mình thật khổ, thèm xi-nê muốn chết mà phải nằm chết dí ở nhà.

— Bằng tao không ? « Nhất nhật bất kiến như tam thu hề » mà tao thì đã thất nhật rồi đó. Già đi hai mươi tuổi.

An đi ra ngoài. Gió đêm đem lại một chút dễ chịu cho cô. Cô ti tay trên lan can nhìn xuống đường, cảm thấy tâm hồn trống rỗng và bất an. Một chiếc xe hơi chạy đến, bóp còi với cái bóng cây trên mặt đường rồi lướt nhanh.

Một người đàn bà đẩy chiếc xe phở đi ngang. Bà ta tựa đầu vào càng xe như buồn ngủ. Thỉnh thoảng một tiếng rao nào nuốt phát ra, tan loãng vào con đường lạnh tanh không một bóng người.

oOo

An thần thờ bước vào cổng bệnh viện Hồng Bàng. Lần đầu cô đến thăm Thư. Những cây cao trong sân xanh ngắt, đứng im như tò mò nhìn

theo cái bóng nhỏ của cô. An đi sâu vào. Những bệnh nhân đứng ở các cửa sổ nhìn ra. Cô tự hỏi họ đang nghĩ gì. Có quá nhiều những khuôn mặt trẻ. Mùa thi, mùa thi, hai chữ đó hiện ra trong óc An như một ám ảnh.

Dãy năm, phòng G: V_A, V_B... V_G. Cô đẩy cửa, đứng đó, nhìn quanh rồi bước hẳn vào phòng. Một người đang nằm trùm ra trắng kín cả người ngồi hẳn dậy, đó là Thư.

— Ôi chao, chị Thư!

— An! An đến thăm chị đó à?

— Em mới từ Đà Nẵng vào.

An ngồi xuống giường. Mắt họ vẫn không rời nhau và tay họ vẫn nắm chặt lấy nhau. Mặt Thư gầy ốm hẳn, má trũng sâu nhưng đôi mắt vẫn sáng và nụ cười vẫn tươi. Chị chỉ có vẻ buồn thêm một tí trong tia nhìn. An cúi xuống trên tay chị: những ngón gầy gầy, khẳng khiu, trắng xanh.

— Sao An biết phòng chị?

— Em hỏi và các chị kia nói. Lâu quá rồi chị Thư hì?

An định thêm: em cứ tưởng lại gặp chị ở lưu xá chờ đâu ngờ phải vào đây, nhưng cô nín kíp. Sự thật chưa xốt ấy không bao giờ nên thốt ra lời. Sao Thư vẫn có vẻ trầm lặng, cam chịu. Chị không biết than van ư? Chị đang thách thức số mệnh?

Thư đặt tay lên tóc An:

— Em về nhà có chi vui không?

Chị ở đây hơn tháng rồi, từ lúc có kết quả hình phôi của kỳ thi vừa rồi.

— Gia đình em vẫn vậy, nhưng nói chung, đời sống khó khăn lắm. Các chị kia có hay vào thăm chị?

Mắt Thư xa xăm, chị có vẻ suy nghĩ.

— Các chị ấy còn bận học, An à— rồi chị lắc đầu. Chị đã chống lại số mệnh và những thử thách nhưng đành bó tay trước bệnh tật. Thật ra, chị đã chớm bệnh từ năm đệ nhất nhưng đã chữa khỏi. Không ngờ... chị vẫn phải học, phải đi làm thêm, phải thi đỗ, đề ra trường được càng sớm càng tốt. Mấy lúc gần đây chị lo lắng nhiều thứ quá..

Chị nhìn ra cửa sổ, nắng ngoài sân đang đùa cợt với lá cây. An không biết phải nói gì với chị. Im lặng là hơn.

— Chị không được thi và đành nằm đây chờ. Chờ cái gì? Chị cũng không rõ. Lành bệnh? Biết đến bao giờ.. nhưng dù sao, chị vẫn hy vọng..

Ước gì An có thể khóc lên cho hả. Thư ơi, với những gì mà chị đã có. Ước gì An có thể đốt tất cả những chiếc xe lộng lẫy đang ngược xuôi vênh váo ngoài kia. Ước gì An có thể đập nát tất cả những bức tường bệnh viện.

Họ ngồi với nhau suốt cả buổi chiều. Khi An đứng lên, trời đã tối. Thư níu tay An:

— Cho chị gọi lời thăm tất cả các chị trong lưu xá.

An bước ra khỏi phòng. Thương cảm, xốt xa pha lẫn một nỗi uất ức không duyên cớ, cô để mặc nước mắt chảy tràn trên má. Có một điều mà Thư không biết: khi An rủ Xuân, Hoa, Vy đến thăm Thư, họ đã trả lời:

— Bọn này mắc đi Piscine.

VÔ ƯU

Thơ MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

CUỒNG PHONG

Cuồng phong, cuồng phong ơi, cuồng phong
Mi thôi về báo tin đại hồng phải không
Mi đưa màu tím khoác trùm lên vũ trụ
Núi lửa phun đầy, nước sông dâng mênh mông

Trời đất sẽ thêm một lần biến đổi
Nhân loại sẽ thêm một lần vào đời
Cây cỏ sẽ thêm một lần vỡ đất
Tình yêu sẽ thêm một lần ra khơi...

Đại hồng ngày mai, ai sẽ cùng lên theo ta
Con thuyền bỗng bênh trôi về phương trời xa xa
Không gian mênh mông, thời gian áo màu nước đục
Chờ cơn mưa ngừng hay chờ nở một bông hoa

Người ở nơi nào, nghe ta thăm thì hôm nay
Người đang làm chi? Có như ta nhìn mây bay
Có đang như ta, mơ một mái nhà bé nhỏ
Một cảnh phong lan, một khúc nhạc, một vòng tay

oOo

Cuồng phong chưa dừng, còn ai bơ vơ hơn ta
Đôi bo câu nào, vừa tung cánh tìm bao la
Một cành cây khô, một vùng đất trời tạnh ráo
... Bỏ câu không về, ta nghe tâm tư xót xa

Paris 5-1974

Một chuyến đi

Thơ PHẠM TĂNG

Đêm nay biết ngủ nơi nào ?

Đồi man mác núi thấp cao chập trùng!

Lang thang theo giải mây hồng

Đi không có chốn, về không có nhà!

Vui buồn ta với mình ta:

Bận tâm chi chuyện đường xa đường gần!

Nhẹ nhàng như cánh phù vân,

Trời cao vượt lớp bụi trần phiêu du,

Gọi mình rũ sạch ưu tư

Yêu thương cũng nhạt, hận thù cũng nguôi:

Lâng lâng như cánh chim trời

Trong mây ngũ sắc quên đời phù du!

oOo

Trông kia mây tự ngàn xưa

Trải bao hưng phế đến giờ còn bay,

Sự đời đã tỉnh cơn say,

Nước non xưa núi sông này khác chi?

Xa gần cũng một chuyến đi

Cánh chim lưng gió nghĩ gì Trước, Sau?

Đi từ đâu? để về đâu?

Tơ mây trắng quện mái đầu lạnh sương!

(trên đường Bruxelles - Roma)

Lưu ý độc giả

1/ Trên Bách Khoa số trước (K * 411) ra ngày 13-7-74, trong bài «*Tính chất phản kháng trong thơ văn bình dân Nam kỳ thời Pháp thuộc*» của Phạm Long Điền, phần kê cứu các tài liệu liên hệ đến việc áp dụng chữ quốc ngữ, tác giả ghi thêm:

Xin xem Giáo sư Nguyễn văn Trung «*Tìm hiểu chữ, văn quốc ngữ thời kỳ đầu Pháp thuộc*» tài liệu giảng dạy Đại học Văn khoa Sư phạm, in Ronéo, 1973-74.

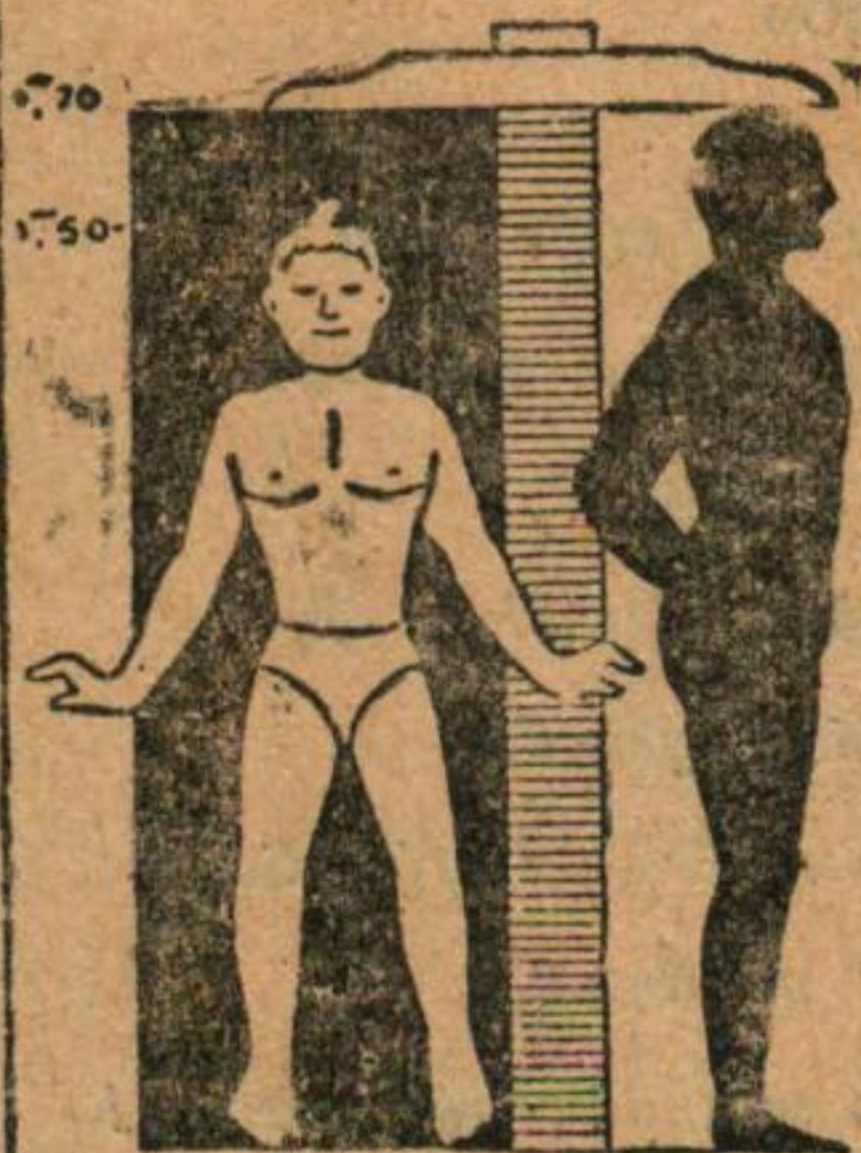
2/ Cũng trong số Bách Khoa trên đây, bài «*Ngọn lửa và trái tim*» của Trần Ngọc Ninh, có in lầm một chữ sau đây:

Trang 76, cột 1, hàng 26, đã in «*không được đọc như Tây-phương*» xin sửa lại là «*.. không được đọc như Tây phương*».

3/ Bài Lê Văn Siêu và Nguyễn Đức Quỳnh trang 71 hàng 22 đã in «*Trong bài Diễn văn*» xin sửa là «*bài Diễn văn.*»

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



CON NIT MAU
BIẾT ĐI
CÙNG XƯƠNG.
MẠNH KHOẺ.
NGƯỜI LỚN
CÙNG RĂNG.
ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHỔI.
MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ

Những đám mây đen

Liên đứng thu mình vào một góc phòng nhìn đám trẻ đang cắm cúi viết. Người giám-thị cùng phòng viết xong bài toán trên bảng đã lâu mà đám trẻ vẫn chưa bắt đầu, chúng còn chép đề vào giấy. Người Giám-thị ra đứng ở cửa nói chuyện với hai người bạn ở các phòng kia. « Có thể bọn trẻ chép đề vào giấy rồi vứt ra ngoài » vài người bạn thường nói với Liên như vậy trong mỗi lần đi coi thi. Nhưng mỗi lần Liên đều đáp lại « Có thể lắm, nhưng phần lớn đều do bọn lớn đầu, bọn có trách nhiệm ». Vài người cảnh sát lớn vờn ngoài hành lang, đưa mắt nhìn Liên như muốn chào. Đôi mắt Liên chao đi chỗ khác, Liên không dám nhận những câu chào hỏi vào lúc này. Trời nóng bức, những hạt mồ hôi bắt đầu thấm ướt lưng áo, Liên thấy khó chịu, buồn chán. Một khung trời xanh lơ ngoài cửa sổ, khung trời của quê hương trong những ngày nhỏ bé. Những hôm đi học vội vã, thiếu thốn có hứa hẹn một tương lai gì đâu ! Thế rồi bỗng chốc mình đi làm Giáo sư. Liên mơ hồ thấy mình ngỡ-ngàng, và khi Sơn gọi mình là cô giáo, Liên như sức tỉnh từ một giấc mơ. Bây giờ Sơn ở đâu ? Tôi mong anh còn ở đây và được nghe những lời châm biếm của anh.

Bên ngoài càng lúc càng rộn ràng. Những người cảnh sát chạy lui chạy tới, những đứa con trai áo bỏ ngoài quần bắt đầu leo qua chiếc hàng rào

thấp, trong số Liên nhận ra vài đứa học trò của mình. Lớp bị hài kịch bắt đầu, Liên nghĩ thầm như vậy. Thế rồi bỗng nhiên một giọng nói to và rõ ràng cất lên từ một góc nào đó ; và từ các góc khác, nhiều giọng nói đồng thanh trời lên như hòa điệu. « Muốn nhân một số với 0,5, ta chia hai số ấy... Muốn nhân một số với 0,5 ta chia 2 số ấy... Một đề ca mét vuông bằng 100 mét vuông... » Những đứa bé nghỉ viết, lắng tai nghe, viết năm ba chữ, rồi lắng nghe. Có đứa lại chỉ ngồi nhe răng ra cười. Ngày Liên mới đi dạy, lần đầu đi gác thi, Liên dọa sẽ đánh rớt cả phòng thi khi đám trẻ lắng tai nghe bên ngoài đọc bài. Liên đã nghĩ rằng mình sẽ làm thật. Liên lần dò hỏi cách làm sao để có thể đánh rớt cả phòng thi dám chấp nhận sự gian lận đó, đã dám đồng-lỏa với cha anh chúng trong việc gian-lận đó. Cuối cùng thì Liên biết là mình không làm gì được. Bây giờ thì Liên đã già dặn rồi, Liên chấp nhận như chấp nhận một cơn sốt : Cơn sốt thời đại. Có đôi lúc Liên lại như muốn thúc những đứa « ngồi nhe răng ra cười ». Viết đi em, người ta đang đọc đó, viết đi em ! Liên mỉm cười. Cả lớp như khoan-khoái ra khi thấy Liên cười, tiếng rì rào bắt đầu nổi dậy trong lớp. Gã giám thị bước vào, gõ tay lên bàn để giữ lại trật tự, đồng thời gã ậm ọ dọa nạt bọn trẻ như cố tạo nên sự hiện diện của mình. « Này giờ hẳn đi đâu ? Hẳn

đi đưa bài cho gà? Minh cũng có vài con gà mà đành chịu", Liên nghĩ đến những câu nói láo mà rồi vài hôm nữa đây sẽ nói cho mấy người bà con quen biết: «Dạ, rất tiếc là em không gặp được phòng cháu nó thi, nhưng cháu cũng đã có nhờ mấy người bạn lưu ý giùm...». Thật là một căn bệnh, Liên thở dài.

Bỗng nhiên bên ngoài trở nên ồn ào hơn. Rồi một viên đá nhỏ bọc bên ngoài một tờ giấy bay vút qua đầu Liên rơi đánh rầm vào giữa nền xi-măng. Bọn trẻ ngàng đầu và cười rộ lên. Gã đàn ông lại dấm tay xuống bàn. Trật-tự vừa vãn hồi xong thì bên ngoài bay vào một cơn mưa giấy. Những đứa bé như tỉnh người hẳn ra và nhanh nhẹn chúng đưa tay lượm những viên giấy dưới nền lớp. Gã đàn ông liền ra đứng ngay giữa lớp, hai tay chống lên hông, nói lớn cho cả lớp nghe: «Tất cả đều bỏ giấy xuống. Nếu em nào còn một tờ giấy trên tay, tôi sẽ đuổi ra khỏi lớp ngay». Có những bàn tay bỏ ra tức khắc; lại có những bàn tay chần chờ, nuốt tiếc, nhưng khi nhìn thấy đôi mắt lầy lử của người đàn ông, chúng đành vút xuống chân. Những tờ giấy vo tròn khác lại tiếp tục bay vào lớp, nhưng lần này không đứa nào dám lấy, chỉ đưa mắt nhìn, nhìn những viên giấy, nhìn thấy, rồi nhìn tờ giấy thi. Gã nhìn Liên và đôi mắt mỉm cười. Liên nheo mắt nhìn lại gã, khiêu khích: «Chưa thắng cuộc đâu, nghe bạn!».

Vài người Cảnh sát nghiêng mình qua khung cửa, nhìn vào lớp. Liên

nhích mình ra khỏi góc lớp. Một khuôn mặt thò vào cửa sổ. Khuôn mặt mập, bèn bẹt nhìn ngay vào mặt một đứa bé ngồi sát bờ cửa sổ. «Lấy được chưa Thanh? Chép đi, chép mau đi kẻo hết giờ,... Ừa, lượm lên và chép đi...» Đứa bé đưa mắt nhìn gã thầy giáo, và người đàn ông như hiểu ý, đưa mắt nhìn gã rồi quay sang nhìn Liên: «Cô làm ơn thông cảm.» Chân Liên như dính chặt xuống nền lớp, đôi mắt khinh khinh Liên nhìn thẳng vào mặt người đàn ông. Sau lưng hắn bảy giờ lố nhố nhiều cái đầu và họ thì nhau gọi tên bọn trẻ trong lớp: «Hùng, Hùng, chép được chưa. Ê, Dũng, lượm lên...» Mấy người Cảnh sát trước cửa phòng bây giờ đang nói lí nhí gì với nhau, rồi bỗng nhiên một người quay ra ngoài, thò lên một hồi còi. Những tiếng cười vang lên sau hè lớp. Gã giáo sư vẫn đứng ở đầu lớp, vẻ hăm dọa. Có tiếng giày lẹp xẹp và tay «áp-phe» vó vào lớp. Liên không hiểu Nhon đã làm những áp-phe gì mà Giáo-sư trong trường đã gán cho hắn cái tên đó. Mà quả hắn có vẽ áp-phe thật. Khuôn mặt hay thay đổi tùy lúc. Khi không có việc gì, mặt hắn dài ra với vẻ băng hăng bó hó. Khi hữu sự hắn tươi cười rạng rỡ. Bây giờ hắn vào với nụ cười, nụ cười dài và nhẵn. Hắn nói chuyện với gã Giám-thị, đôi mắt láo liên. Rồi đột nhiên hắn đi vòng xuống dưới lớp, hai tay chấp sau lưng, dáng dấp của ông Chủ-tịch. Những chiếc đầu đeo trên cửa sổ vút biến mất khi hắn đi xuống dưới lớp, Liên thấy chiếc cà vạt hắn đeo chảy

về một bên. Hắn đi từ từ lên đến bàn thứ ba thì hắn dừng lại, dơ tay chỉ chỗ nơi bài thi của thằng bé đầu bàn như nhắc nhở một vài thiếu sót về lý-lịch... Thằng bé nghỉ viết, chờ đợi. Liên cũng chờ đợi. Và quả nhiên hắn thả một tờ giấy xấp nhỏ trên bài của thằng bé, rồi thật thung thình, hắn đi lên, mắt cố nhìn đề toán trên bảng đen. Hắn dừng lại nói nhỏ với gã giám-thị, cười chào Liên và vội vã đi ra ngoài. Liên muốn có một cái gì nơi tay để ném vào mặt hắn. Bên dưới đứa bé đã mở tờ giấy và mấy đứa chung quanh xúm đầu lại và chép lia chép lịa vào giấy. Phòng chỉ bắt đầu ồn ào. Những đứa khác trong phòng lén lút lượm lên những viên giấy dưới nền và hí hoáy viết với nhau. Mấy cái đầu lại xuất hiện trên cửa sổ. Liên muốn thâu tất cả những tờ giấy và lập biên bản ngay tên áp-phe, nhưng sao chân nàng vẫn dính chặt xuống nền lớp. « Cái hồ nước đã cạn và trơ lên cả bùn lầy dơ bẩn. Chỉ còn đợi những cơn mưa dài... » Gã giám thị bây giờ đã bước ra ngưỡng cửa, đưa mắt nhìn nhả nhìn nằng bạ gay gắt ngoài sân trường, thái độ một viên tướng hết

thời. Liên mong hắn quay lại để Liên tìm nụ cười trong mắt hắn. Bên ngoài ồn như họp chợ...

Người thư ký hội đồng bước vào phòng với xấp giấy trên tay. Hắn tiến tới chỗ Liên đứng và bắt đầu gọi chuyện « Chị tưởng như coi thi Tú Tài ở đây, không phải đi đâu hết. Khỏe rồi. » Liên chỉ đáp: « Thiệt hả », mà thấy lòng buồn vô hạn. Lại thêm những đám mây đen nữa chụp lấy bầu trời xanh lơ của nàng. Những đám mây đen đã mang đến không biết bao nhiêu là giông tố. Rồi người thư ký cũng vội-vã đi xuống dãy bàn nhì nghiêng mình một chút, lại vội-vã đi ra cửa, quên cả chào Liên. Mấy cái đầu lại xúm lại, và tay chép lia lịa vào giấy. Bên ngoài nắng sáng rực cả sân trường, trời không có gió; ở cuối trường, nơi đám cây, tiếng ve vang lên hòa với tiếng người « họp chợ » sau lưng trường. Có vài đứa đã đem bài lên nộp, và Liên thấy chúng vui mừng chạy vội ra gặp người nhà đang đứng đợi bên ngoài.

Mùa hè 74

PHÙ-SINH

Đề hiệu rõ về Thế giới Chính trị và Ngoại giao — những bí ẩn của trận đệ nhị Thế chiến, tâm tư ray rứt của De Gaulle, người đã cứu vãn được nước Pháp sau trận thảm bại 1940.

Hãy đọc

HỘI KÝ DE GAULLE

dịch giả VŨ ĐÌNH LƯU

Đồng Nai tổng phát hành vào ngày 6-7-74

HỘP THƯ

Tạp chí Bách Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây :

— THƠ : Tam Anh, Vũ Hữu Định, Trần Đức Oanh, Võ Tấn Khanh, Hà Nguyên Dũng, Trần Hữu Dũng, Nguyễn Thanh Tịnh, Võ Văn Lê, Thái Trần, Nguyễn Trọng Dũng, Trần Đức Oanh, Hoàng Thiên Vi, Huỳnh Hải Đăng, Nguyễn Đăng Phúc, Lê Đình Trọng, Phạm Lăng, Hoài Ziang Duy, Phạm Nhân Uyên, Tạ Mỹ, Hồ Văn Thi, Ngô Cang, Lê Vĩnh Thọ, Từ Quy, Huỳnh Kim Sơn, Trần Mông Hoàng, Hồ Quang Hiền, Ngô Hát Tuyển, Nguyễn Miên Thượng, Phương Đình, Trần Văn Nghĩa, Băng Huỳnh Thảo, Lâm Tông, Luân Hoán, Tạ Đề, Nguyễn Đức Nhân, Nguyễn Ngọc Nghĩa, Nguyễn Đăng Trình, Như Không, Nguyễn Thái Dương, Đông (An Cựu), Hà Vũ Giang Châu, Trần Ngọc Kim, Trần Hà Giao, Thi Mặc, Nhất Việt Thiên, Nguyễn Kinh Bắc, Nguyễn Vĩnh Xuân, Đặng Lâm, Bùi Khánh Thôn, Trần Hữu Nghiêm, Nguyễn Thường Tình, Ngô Sa Thủy, Vĩnh Xuyên, Tam Anh.

— TRUYỆN : Huỳnh Ngọc Sơn (Quán đêm), Đỗ Chu Thăng (Chiếc rô may), Nguyễn Văn Thám (Những tặng phẩm vô dụng, Thời gian nghiệt ngã), Manz Viên Long (Đời sống), Trần Hoài Thư (Hết rồi mộng ảo, Hơi thở), Phạm Đăng Khánh (Miền đất hồi sinh), Hoài Ziang Duy (Ngoài chân mây), Lê Thị (Tiếng động), Phạm Nga (Gác ngủ của thành phố), Minh Nguyễn (Tình yêu, Sợi khói mong manh), Võ Phi Hùng (Phận đen), Nguyễn Thanh Tịnh (Khung

cửa), Phan Sỹ Hòe (Thành phố bỏ quên), Lữ Quỳnh (Trưa ngoại ô).

— BIÊN-KHẢO : Trần Tư Bình (Vài quan niệm giáo dục của Gandhi)

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn đã gửi cho Bách Khoa những bài trên đây. Bài nào đăng được chúng tôi sẽ gửi thư riêng hoặc nhắn tin trên mục Hộp Thư này. Bởi vậy các bài gửi đến, ngoài bút hiệu, xin quý bạn nhớ đề thêm tên thật và ghi lại cho địa chỉ hiện tại để tiện liên lạc.

— Ô Luân Hoán : Sẽ đăng « Đêm mưa về Hội-An » và cảm ơn anh.

— Ô. Nguyễn Thanh Chương (Đà Nẵng). Đã nhận được thư, bài và cảm ơn anh. Đã đưa thư anh cho N.M.G. xem, Sẽ đăng mấy bài thơ anh gởi cho lần đầu.

— Ô. Tạ Văn Nhu (Phan Thanh Giản, Kon Tum). Xin ông gởi về Bách Khoa, 160 Phan Đình Phùng, 270 đ tem thư về việc mua 2 số 384 và 401 (kể cả cước phí trong đó). Xin gửi lại cả cho địa chỉ của ông.

— Ô. Trần Hữu Dũng — Bách-Khoa cũng như các giai phẩm khác đều không được ra đúng kỳ hạn nữa vì không đóng được 10 triệu ký quỹ.

— Phần Văn-ngệ quả có bị thu hẹp trong cả năm nay vì số trang giảm đi và cũng vì phần biên-khảo nghị-luận có nhiều bài có tính chất thời-sự phải đăng ngay cho khỏi mất thời gian tính, nên để lẩn át phần Văn-ngệ — Cũng do đó mà các nhà văn anh nêu tên trong thư ít có dịp trở lại góp mặt trên Bách Khoa.

— Anh cũng thấy nhiều tác giả mới đây chứ ? Chúng tôi không rõ ngoài chị M.Đ.H.T. còn ai nữa. Chị Linh Bảo không hành nghề ký giả và chỉ là nhà văn sáng tác thôi. Mong anh gửi cho các bài khác nữa.

THỜI SỰ KHOA HỌC

Con người nhân tạo

Khoa học sắp sửa chế tạo được con người nhân tạo đến nơi rồi. Không phải là con người được nuôi lớn lên từ các ống thí-nghiệm mà là một con người được ráp nối bằng các ống kim loại, plác-tíc, bằng các cục pin nguyên tử, giây điện v.v.

Hãy nhìn lại mà xem, ở trình độ y khoa ngày nay tại các nước văn minh người ta đã thay thế biết bao bộ phận của con người bằng các bộ phận nhân tạo. Đầu tiên là quả tim, cơ quan được coi là quan trọng nhất của cơ thể, mặc dầu một quả tim hoàn toàn nhân tạo chưa được ghép vào cho con người, nhưng nó đã được thí-nghiệm thành công ở chó và người ta lăm le chờ có dịp để thử vào con người. Hiện thời thì các van tim bị hư đã được thế bằng các van nhân-tạo bằng kim-loại. Kế đến là quả thận, cơ quan bài tiết của cơ thể. Nay mỗi chúng ta có đến hai quả thận cho nên nếu rủi ro bị hư hết một quả thì quả còn lại cũng còn khả năng gánh vác nhiệm vụ bài tiết. Tuy vậy số người bị hư luôn cả hai quả thận không phải là ít và người ta đã chế ra thận nhân tạo để tạm thời phần nào giải quyết vấn đề ứ đọng chất cặn bã. Hiện nay thì thận nhân tạo là một bộ máy khá công kênh cho nên chưa ghép hẳn vào cơ thể được — nhưng còn trong tương lai ? Trong lúc đó thì các mạch máu lớn đã được thay thế bằng các ống chế tạo bằng các sợi nhựa tổng hợp nhân tạo một cách thành công. Ngay từ cuộc chiến tranh

Triều-tiên, các nhà giải phẫu đã nối động mạch đùi của một thương binh bằng một ống orlon. Hiện giờ trong ngành giải phẫu tim-mạch người ta rất hay dùng các ống bằng sợi Dacron để thay thế các mạch máu hư vì bệnh cứng-động mạch hay vì tai nạn.

Gần đây hơn, các nhà chuyên môn đã đem lại được ánh sáng cho người mù và âm-thanh cho kẻ điếc cũng như tạo lại giọng nói cho những bệnh nhân bị cắt bỏ thanh quản vì ung thư. Lần này cũng chính các thương binh — mà phần lớn là các thanh niên trẻ tuổi đã bị tật nguyên vì cuộc chiến tranh ở Việt Nam — đã thúc đẩy các nhà nghiên cứu tìm những phương pháp tái tạo lại cho họ những cơ quan quan-yếu để họ có được một cuộc sống bình thường. Đó là trường hợp một anh lính Mỹ 29 tuổi, sau 7 năm sống trong bóng tối vì bị hỏng hai mắt ở trận chiến Việt Nam, đã nhìn thấy được những hình ảnh đầu tiên nhờ vào một bộ máy phức tạp của những nhà khoa học ở học viện Utah. Điều đó quả đáng kể là một phép lạ và phép lạ đó sẽ không phải chỉ có một mình anh ta được hưởng mà còn hàng triệu người xấu số khác trên thế giới đang chờ mong.

Ở cơ quan vận động của cơ thể người ta còn thấy nhiều tiến bộ hơn. Hầu hết các khớp xương hay xương chính yếu cho sự vận động đều có thể thay thế bằng các đồ kim khí : xương tay, xương đùi, khớp vai, khớp háng đầu gối hay khuỷu đều được tái. Các sợi gân bị đứt cũng

đang được thử thay thế bằng loại sợi Dacron

Như vậy, với các thành công của Khoa học ngày nay mà chúng ta vừa kể ở trên, rất có thể rằng trong chúng ta có những con người bề ngoài hoàn toàn giống mọi người, đang sống với một trái tim chạy bằng pin nguyên tử, những mạch máu chạy bằng ống nhựa, một hay hai trái thận cũng chạy bằng pin, một vài cái xương và khớp xương bằng thép không rỉ, một ít sợi gân bằng sợi nhựa—và họ sẽ nhìn chúng ta qua một máy thị giác được nguy trang thành một mắt kiếng hợp thời trang, nghe chúng ta qua một máy thính giác nhỏ xíu giấu trong tai và sau cùng nói với chúng ta qua một máy âm thanh đeo đầu đó ở giữa cổ và ngực.

Hoạt-dộng của phái-đoàn Y-sĩ Cơ-đốc phục-lâm

Sau hơn một tháng hoạt-dộng tại bệnh viện Cơ-đốc Sài-gòn, phái đoàn Y-sĩ Cơ-đốc phục-lâm (Loma Linda) gồm các bác sĩ chuyên-môn về giải-phẫu và nội khoa tim đã trở về nước. Thành tích của họ đạt được thật khả quan: giải phẫu gần 50 trường hợp mà chỉ có hai trường hợp thất bại. Thật ra các trường hợp được đưa vào bệnh viện Cơ-đốc để mổ là các bệnh nhân đã được lựa chọn kỹ qua các khu chuyên khoa ở một vài bệnh viện lớn tại Sài-gòn. Chỉ những bệnh mà sự định bệnh không quá khó khăn đòi hỏi những kỹ thuật phức tạp mới được chấp nhận, về các bệnh nhân được giới thiệu vào

đều được các bác sĩ của phái đoàn này khám lại một lần nữa bằng phương pháp thính-chẩn (và chỉ bằng thính-chẩn mà thôi! — chưa dùng tới phương pháp thông-tim hay các phương pháp khác).

Theo lời một vài vị bác-sĩ Việt Nam có tham dự vào các vụ mổ thì về phương diện kỹ thuật giải phẫu không tới nỗi quá khó khăn và giới Y khoa V.N. có đủ khả năng để thực hiện được. Tuy nhiên xử-dụng chung hệ thống tuần-hoàn nhân tạo trong các trường hợp «mở hở» (Opened cas) đòi hỏi rất nhiều tài chánh: có những bộ-phận chỉ dùng một lần cho một vụ mổ và tốn chừng 300 đô-la (180.000đ Việt Nam). Hơn nữa, sau khi mổ xong các bệnh nhân cần được các bác sĩ nội khoa tim theo dõi điều trị các biến chứng tức là cần một sự hợp tác giữa Nội-khoa và Ngoại khoa. Tiếc thay, sự hợp tác quý báu này hiện nay chưa được hoàn hảo lắm.

Về dự định trong-tương lai, hội Cơ-đốc phục-lâm và dự tính đi xa hơn nữa ở Việt Nam. Trong vài tháng tới họ sẽ gọi thêm một phái đoàn chuyên môn về giải phẫu tái-tạo bồ-hình, một phái đoàn giải phẫu tim thứ hai với nhiều dụng cụ tối tân hơn để mổ các trường hợp khó. Hơn nữa, nếu điều kiện cho phép, họ còn dự định mở một trường Đại học Y-Khoa ở Việt Nam. Đó cũng là một tin mừng cho giới sinh viên hiếu học ở đây.

TỪ DIỆP

SINH HOẠT

Nghệ thuật và chúng ta

Chiều ngày thứ năm 11-7, Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên đã tổ chức tại thính đường trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch nghệ Sài-gòn một buổi diễn-thuyết về "Nghệ-thuật và chúng ta". Diễn giả là ô. Đỗ-Trọng-Huê, một cây bút quen thuộc với bạn đọc Bách-Khoa.

Qua lời giới thiệu của ông Đỗ văn Rỡ, Phụ tá đặc trách Văn-hóa của Tổng trường Văn-hóa Giáo-dục và Thanh-niên, thính giả được biết ô. Đỗ Trọng Huê không những là một nhà văn biên khảo về văn-hóa dân-tộc mà còn là một tư-tưởng-gia (tác giả cuốn «Triết-học tổng quát», từng giảng dạy Triết học tại Đại-học Vạn-Hạnh, Đại-học Minh-Đức) và một nhà khảo cứu về nghệ thuật (Chủ tịch Ủy-ban nghệ-thuật trong Hội-đồng Văn-hóa Giáo-dục, Giáo sư Thăm-mỹ-học và Lịch-sử Mỹ-thuật tại trường Cao-đẳng Mỹ-thuật). Và bài thuyết-trình của ông là một loạt những nhận định độc đáo, những phê bình xây dựng của một tư tưởng gia đối với nền văn minh trong đó chúng ta đang sống.

Trước hết theo diễn-giả nền văn minh hiện đại, kể từ sau đệ nhị thế chiến, có thể gọi là «văn minh tốc độ».

«Con người đã chinh phục tốc độ như thế nào? Từ tốc độ trung bình 4 km một giờ của người tiền-sử chúng ta đã đạt tới 40.000 km một giờ,

nghĩa là 10.000 lần hơn, vào thập niên 70 của thế kỷ này: muốn vượt khỏi hấp lực của trái đất, các phi thuyền không gian vào một lúc nào đó phải bay với tốc độ 39.260 km/giờ. «Tốc độ là một đặc điểm then chốt phân biệt thời đại chúng ta với những thời đại trước. Các thể hệ đã qua đuổi theo một trạng thái lý tưởng trong đó mỗi người tự thề hiện được mình và có thể nghỉ ngơi sau khi đã đạt được cứu cánh. Tượng trưng cho các thể hệ đã qua là một người đứng dạng trên hai chân một cách vững vàng. Tượng trưng cho thể hệ hôm nay là một chiếc máy bay: càng bay nhanh càng vững; ngừng lại là rơi, là chết».

Công cụ của tốc độ là máy móc. Con người phát minh ra máy móc để làm cho nhanh. Nhưng muốn sử dụng máy móc thì con người phải thích nghi với máy móc, do đó mà dần dà con người cũng trở nên tự động và tẻ-nhất — giống hệt nhau — như máy móc; kết quả: toàn bộ trí tuệ được phát huy đến cùng cực trong khi đời sống tâm linh bị thu hẹp và tình cảm bị khô cạn. Nền văn minh tốc độ thoát đầu ở Tây phương nay đã lan rộng sang Đông phương. Phản kháng lại nền văn minh này là những hiện tượng hippy, trường chạy (streaking) v.v...

Thuốc chữa: đó là phát huy tình cảm, đó là phát huy lòng yêu thích cái Đẹp và muốn vậy, phát triển nghệ

thuật và chiều rộng cũng như chiều sâu. Nghệ thuật len lỏi vào nền văn minh tốc độ bằng kể hờ nào? Bằng địa vị quan trọng hiện nay của hình ảnh trong đời sống trí tuệ. Người ta nhận thức bằng hình ảnh mau lẹ, chính xác hơn bằng văn tự. Hình ảnh là đường nét, là màu sắc và đó là những phương tiện cơ hữu của nghệ thuật tạo hình. Nghệ thuật sẽ dùng hình ảnh để sưởi ấm lại tình cảm đang giá lạnh, để làm bừng sáng những giá trị tinh thần đang lu mờ.

Quan niệm coi nghệ thuật là xa xỉ phẩm của những thế kỷ trước là lạc hậu. Nghệ thuật đang trở thành một công cụ sắc bén của lý tưởng nhân bản đích thực. Tại Tây Bá-linh, người ta đã thiết lập một artothèque, tạm dịch là nghệ phẩm viện, để mọi

người có thể đến đó mượn các tác phẩm nghệ thuật (tranh, tượng) để đem về nhà bày chơi ít lâu (như mượn sách ở Thư-viện) mà không phải trả một đồng lệ phí nào.

Diễn giả kết luận: Nước ta tuy mới chấp chững bước vào giai đoạn văn minh kỹ nghệ, nhưng thanh thiếu niên V.N. đang đứng trước một cuộc khủng hoảng tâm lý không kém trầm trọng như ở Tây phương. Để chữa sự khủng hoảng tình cảm này ta phải dùng ngay phương thuốc nghệ thuật nói trên đây.

Buổi nói chuyện hấp dẫn và bổ ích với một số thính giả không đông lắm nhưng chọn lọc, gồm một số nhân vật chính quyền và một số giáo sư Đại học và văn nghệ sĩ.

THU THỦY

Sách mới

— Ý thức bản thảo số Mùa Hạ 1- Giáp Dần 74, tập san in ronéo, trình bày đẹp khổ 16 x 24, dày hơn 100 trang, gồm những thơ, văn, truyện, kịch..., của nhiều cây bút tên tuổi: Nguyễn Nguyên Phương, Lữ Quỳnh, Nguyễn Mộng Giác, Lê văn Ngăn, Trần Hữu Lục, Đỗ Nghệ v.v...

— Thần tượng lạ, nguyên tác «Der tog in venedig» của Thomas Mann, bản dịch của Nguyễn Tử Lộc, do nhà xuất bản «Trẻ» ấn hành và gửi tặng. Sách dày 106 trang. Giá 390 l.

— Qua cầu gió bay truyện của Nguyễn Mộng Giác do Văn Mới xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 120 trang, sao y theo lối master, in trên giấy trắng mịn loại quý, trình bày rất đẹp gồm 4 phần: Qua cầu gió bay,

Về đâu, Dư sinh, Bóng cây cho mai sau; khung cảnh của truyện là trại giam tù binh Cộng quân miền Bắc. Vì chỉ sao y để tặng thân hữu nên các bạn muốn có sách này có thể liên lạc với tác giả tại Sở Học chánh Qui Nhơn.

— Trúc biếc tập thơ của Đặng Tấn Tới do Văn Động xuất bản và tác giả gửi tặng. Tập thơ thứ 5 được xuất bản của tác giả, chỉ in 100 tập trên giấy croquis, đóng bìa vải rất đẹp dày 80 trang gồm 60 bài thơ 4 câu, mỗi bài 1 trang, và 3 bài 3 câu, trong phần Phụ lục.

— Thương yêu tập thơ của Thanh Sơn do Đất Chân xuất bản và gửi tặng. Thi phẩm thứ 3 của tác giả dày trên 400 trang, gồm 40 bài thơ tình cảm. Bản đặc biệt. Giá bán thường: 350đ.

Từ phép lạ Kissinger...

(tiếp theo trang 12)

Nixon sử dụng trong suốt thời gian ông lưu lại Le Caire. Những bữa tiệc linh đình đã được tổ chức với những tấm thảm quý trải trên sân cỏ. Đề dân chúng được dịp hoan nghênh ông Nixon, người ta đã tổ chức cho ông và phái đoàn đi thăm Alessandrie bằng xe lửa. Mỗi khi tới một ga nào là ông Nixon đều dừng lại để tiếp xúc với dân chúng. Các biểu ngữ được căng đầy đường với những lời chính tả như «Hoan hô ông Nickson» hay «Tổng Thống Nikxon muôn năm». Một nhà báo đã nói rằng nếu những người Ả-rập này được quyền bỏ phiếu ở Hoa kỳ thì chắc chắn ông Nixon sẽ thắng trong việc tranh đấu với Quốc hội.

Sau khi viếng Ai cập trong 2 ngày ông Nixon đã lên đường sang Ả-rập Sa-u-đi, Syrie, Jordanie và Do thái. Nếu tại hai vương-quốc Ả-rập Sa-u-đi và Jordanie, các vị quốc vương đều là những người bạn chí thân của Hoa-kỳ từ nhiều năm nay thì, tại Syrie Tổng-Thống Assad, người bạn mới, đã dành cho ông Nixon những nghi lễ có vẻ dè dặt và ngượng ngùng hơn. Tuy nhiên với 100 triệu Mỹ-kim viện trợ trong túi ông đã vượt được mọi trở lực vấp phải tại nước này. Ngoài ra ông Nixon cũng không dám đi xa vào con đường quá thân-hữu với Syrie vì sợ mất lòng Do-thái. Tại Jordanie, quốc vương Hussein đã huy động các lực lượng quân-sự của các bộ-lạc Bedouin thiện /hiến để diễn hành chào mừng Tổng Thống Nixon. Một

điều mà chính phủ Jordanie vô tình làm ông Nixon buồn lòng là khi các lực lượng Bedouin diễn hành thì ban quân nhạc lại cử bản Washington Post March là một bài nhạc quân hành hùng tráng nổi tiếng. Nhưng tên bài này lại nhắc nhở tới tờ báo Washington Post, một tờ báo cũng nổi tiếng chống ông Nixon trong vụ Watergate.

Trong cuộc thăm viếng 5 quốc-gia người ta nhận thấy các lãnh-tụ Ả-rập đều nhấn mạnh tới chính-sách đối-ngoại sáng suốt của ông Nixon và các nỗ lực của ông nhằm ổn định tình-hình tại Trung Đông. Cả ông Nixon lẫn các lãnh-tụ Trung Đông đều cố tình quên tên của ông Kissinger. Và do đó người ta suy luận rằng ông Nixon đã cố gắng hưởng hết các công lao của vị Ngoại-trưởng Hoa-kỳ.

Sau 6 ngày viếng thăm 5 quốc-gia Trung Đông ông Nixon đã vượt trên 25.000 cây số. Trở về Hoa-thịnh-đốn ông đã phá thêm một kỷ-lục mới để trở thành một vị «Tổng Thống du hành» nhiều nhất thế-giới. Trong 6 năm trời cầm quyền ông Nixon đã đi tới 225.000 cây số. Các báo chí Mỹ, kể cả phe đối lập, đã nhất tề lên tiếng ca ngợi các thành quả ngoại-giao vẻ vang của Tổng Thống Hoa-kỳ.

Thừa thắng xông lên, ông Nixon quyết định lên đường bay sang Nga để hội đàm với các lãnh-tụ điện Kremlin hầu củng cố tình trạng hòa dịu quốc tế và xây đắp nền móng

cho một cuộc sống chung hòa-bình lâu dài. Trên đường sang Nga ông Nixon đã ghé Thủ-đô Bỉ, Bruxelles, để dự lễ kỷ-niệm 25 năm thành lập Minh-ước Bắc Đại-tây-dương.

Sự hiện diện của ông Nixon, vị Quốc-trưởng duy nhất tới dự lễ, tại buổi lễ kỷ-niệm này, đã xiết chặt tình đoàn kết giữa các quốc gia đồng-minh Tây phương. Một bản tuyên ngôn được công bố đề loan báo ý chí của Hoa-kỳ trong việc duy trì quân đội Mỹ tại Âu-châu và nhấn mạnh ý-định là từ nay Hoa-kỳ sẽ tham khảo chặt chẽ hơn với các quốc gia đồng-minh trước khi quyết định một vấn đề gì.

Tại Bruxelles ông Nixon cũng được dân chúng đón tiếp niềm nở nên khi ông tới Mạc-tư-khoa người ta thấy mặt ông hân hoan hơn bao bao giờ hết.

Tại Mạc-tư-khoa, Tổng Bí-thư Brejnev đã đón tiếp ông Nixon một cách hết sức thân tình. Trước các thành quả của ông Nixon, các lãnh tụ điện Kremlin đành phải gạt bỏ sự bức tức vì đã không đóng được vai trò tích cực tại Trung Đông. Lần này sang Mạc-tư-khoa ông Nixon cũng không quên mang theo chiếc xe Chevrolet sang tặng ông Brejnev. Đây là chiếc xe thứ ba mà ông Nixon tặng ông Brejnev. Năm 1972 ông Nixon đã tặng ông Brejnev một chiếc xe Cadillac, năm 1973 ông Nixon tặng chiếc Lincoln Continental. Lãnh

tụ Nga Brejnev vốn thích xe hơi nên đã mở rộng vòng tay đón nhận những sáng kiến ngoại giao của Hoa-kỳ. Tuy được đón tiếp nồng nhiệt nhưng các thỏa-ước mà các ông Nixon và Brejnev ký kết vẫn không có tầm quan trọng như dự tính. Vấn đề giới hạn vũ khí chiến thuật (SALT) không tiến thêm được bước nào. Tuy nhiên khi sang Nga ông Nixon chỉ mong muốn có một điều là được dân chúng hoan hô. Mục tiêu này đã được thực hiện.

oOo

Đối với ông Nixon, mặt trận quốc nội gay go hơn mặt trận quốc ngoại. Nếu ông đã lượm được những thành quả ngoại giao sáng lạn tại nước ngoài thì khi về tới nhà ông không khỏi khắc khoải chờ đợi kết quả của Quốc hội. Chiến lược của ông là kéo dài thời gian cho tới tháng 11 đợi dân chúng bầu một Hạ-viện mới và 1/3 các nghị sĩ Thượng-viện. Pháp-nhiệm mới chỉ bắt đầu vào tháng 1-1975. Từ tháng 11-1974 đến tháng 1-75 các nghị sĩ và dân biểu của pháp-nhiệm cũ sẽ ở trong tình trạng xử-lý thường-vụ. Như vậy ông Nixon sẽ có đủ thì giờ để xoay ngược thế cờ trong cuộc tranh chấp với Quốc-hội hiện tại.

TỪ MINH

Hai tập thơ bình dân...

(tiếp theo trang 21)

Chánh đã cho ra đời *U tình lục*, tiểu thuyết văn văn. Năm 1910, người ta thấy xuất hiện 3 cuốn tiểu thuyết bán chạy không kém bộ *Phấn trang lầu*, *La Thông tảo Bắc* do cụ Nguyễn An Khương phiên dịch: *Hoàng Tố Anh hàm oan* của Gilbert Trần Chánh Chiêu, *Thầy Lazaro* phiên của Nguyễn Trọng Quảng, *Phan yên ngoại sử* của Trương Duy Toàn. Qua năm 1912, độc giả trong Nam say mê tiểu thuyết *Ai làm được* của Hồ Biều Chánh và *Chẳng cà mum* của Nguyễn Chánh Sắt. Ngoài ra còn một số truyện ngắn hoặc truyện dài của những cây bút hữu danh trong Nam in trong những tập Nhị thiên đường mà vai trò thật không nhỏ trong tiến trình phát triển chữ quốc ngữ và hình thành tiểu thuyết mới trong văn học nước nhà.

Nhưng trước năm 1909 tại Nam kỳ đã có 2 tiểu thuyết văn văn: *Thơ Thầy Thông Chánh* và *Thơ Sáu Trọng*. Chúng ra đời như hai tia lửa báo hiệu sự đoạn tuyệt của quần chúng VN đối với di sản văn hóa bắt nguồn từ Trung quốc và tố cáo bộ mặt thật của chế độ do thực dân áp đặt trên mảnh đất thân yêu này.

Thề tại của *Thơ Thầy Thông Chánh* và *Thơ Sáu Trọng* không còn dựa vào nguồn cảm hứng Trung hoa xa xoi mà trái lại, nó được hình thành từ cuộc sống hằng ngày gần gũi của người dân Việt. Người soạn hai tập thơ trên quan niệm sáng tác cho quần chúng. Chẳng những cốt

truyện mà lời thơ cần đi sát với nếp sống của quần chúng. Ảnh hưởng nhờ đó mới được sâu rộng và sự mạng của người cầm bút mới được chu toàn.

Hơn nữa, tiểu thuyết văn văn sáng tạo trong Nam không nhằm đề ngâm nga, đề «mua vui một vài trống canh» mà trái lại đề «nói» như «nói thơ Lục Vân Tiên» và đi thẳng vào thực tại ngõ hầu giải đáp một số ần ức trong cuộc sống. Ngoài ra, «nói thơ» còn kèm theo giọng trầm buồn của cây độc huyền. Còn gì ảnh hưởng cho bằng khi người khách ngồi chờ qua bắc hay chờ xe đồ lăn bánh, lắng nghe hồn mình hòa cùng giọng nói thơ khi bông khi trầm mà không khỏi xót xa cho thân phận làm dân của một nước mất chủ quyền:

Sáu Trọng khí khái muôn vàn
Thưa rằng nó đũa lẳng lơan
chẳng sai

Nên tôi xé thịt phân thây
Răn loài ác phụ sau này chừa đi.

(*Thơ Sáu Trọng*)

Hoặc giả:

«Khá khen cây súng cũng kỳ
An nam không trúng, trúng nhằm
thằng Tây».

(*Thơ Thầy Thông Chánh*)

Và:

«Nếu mà xử hiệp cha ta
Ta bắn Biện lý thác rày cho coi».

(*Thơ Thầy Thông Chánh*)

Thì ra những huyền thoại khai hóa do người Pháp gán cho chế độ thực dân đều lào khoét. Thực dân Pháp cho rằng họ đến mang theo ánh sáng văn minh nhưng thật ra xã hội do bàn tay họ uốn nắn chỉ gồm những hạng người lằng lộn, mất hết nhân cách. Một người chạy theo Pháp, hưởng lộc Pháp như thầy Thông Chánh, cuối cùng vợ thầy bị Biện lý Tây chiếm đoạt. Sự tố cáo chế độ đi đến chỗ tột đỉnh với kết cuộc thật u tối trong *Thơ Thầy Thông Chánh*: bản án tử hình của thầy và cái chết tức tưởi của cô Ba, con gái thầy. Phải chăng với kết cuộc thảm não — điều khó thấy trong các truyện Nôm và ngay cả *U tình lục* của Hồ Biểu Chánh — người soạn thơ muốn chứng tỏ cho đại đa số quần chúng thấy rằng hợp tác với thực dân chỉ đưa đến ngõ cụt. Mà ngõ cụt bi đát nhất là mất

những người thân trong đời mình và cuối cùng mình cũng rước lấy cái chết như thầy Thông Chánh! Cho nên, chúng ta không lấy làm lạ khi thấy nhà cầm quyền thực dân cấm lưu hành hai tập thơ trên. Cấm lưu hành chưa hả dạ, thực dân còn cấm tuyệt người dân nói Thơ thầy Thông Chánh đề rồi sau hơn nửa thế kỷ tại miền Nam hiện nay không còn ai nhớ tới một vài câu thơ liên hệ đến thầy Thông Chánh. Thậm chí hiện nay khi đề cập đến thời kỳ đầu văn học quốc ngữ, người ta đã quên hẳn đi sự có mặt của *Thơ Thầy Thông Chánh*, *Thơ Sáu Trọng*, hai tập thơ đã đoạn tuyệt nguồn cảm hứng Trung hoa và nói lên được sức đề kháng của quần chúng trong Nam đối với chế độ thuộc địa.

PHẠM LONG ĐIỀN

CHÚC MỪNG

Được Hồng thiếp báo tin:

Bạn **LÊ THANH THÁI** tức *Ký giả* LÊ PHƯƠNG CHI sẽ làm lễ hôn phối cùng cô **Elisabeth LÊ THỊ DIỆP** vào lúc 18g, ngày 11-07-1974 (nhằm ngày 22 tháng 05 Giáp Dần) tại nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế, 38 đường Kỳ Đồng Saigon.

Chúng tôi xin cầu chúc cho đôi bạn **THÁI-DIỆP** trăm năm hạnh phúc.

Trùng Dương, Hoàng Hương Trang, Minh Quân, Nghiêm Ngọc Huân, Minh Đức Hoài Trinh, Văn Thanh, Nguyễn Hiến Lê, Lê Ngô Châu, Nguyễn Ngu Í, Vũ Hạnh, Võ Phiến, Đặng Trần Huân Đỗ Tiến Đức Lê Tất Điều, Tạ Ly Ngô Thế Vinh, Lê Văn Minh, Đỗ Ngê, Phạm Duy, Thanh Nga-Phạm Duy Tân, Trần Đình Mưu, Bùi Sơn Duân, Châu An, Nguyễn Văn Xuân, Nguyễn Liên, Nguyễn Huy Nhân, Tôn Thất Hàm.

NGUYỄN HIẾN LÊ *Mạnh Tử*, đời sống và hoạt động chính trị

TRẦN NHẬT BẢO *chữa mắt bằng tia Laser*

Phát hành ngày 30-7-74 — Số lượng 3.000.

KD số 420/74 BDVGH/KSALP/GP — 27-7-1974.

Trong Gia-đình êm-ấm
Hay trên đường xa
khát mệt

Chỉ có



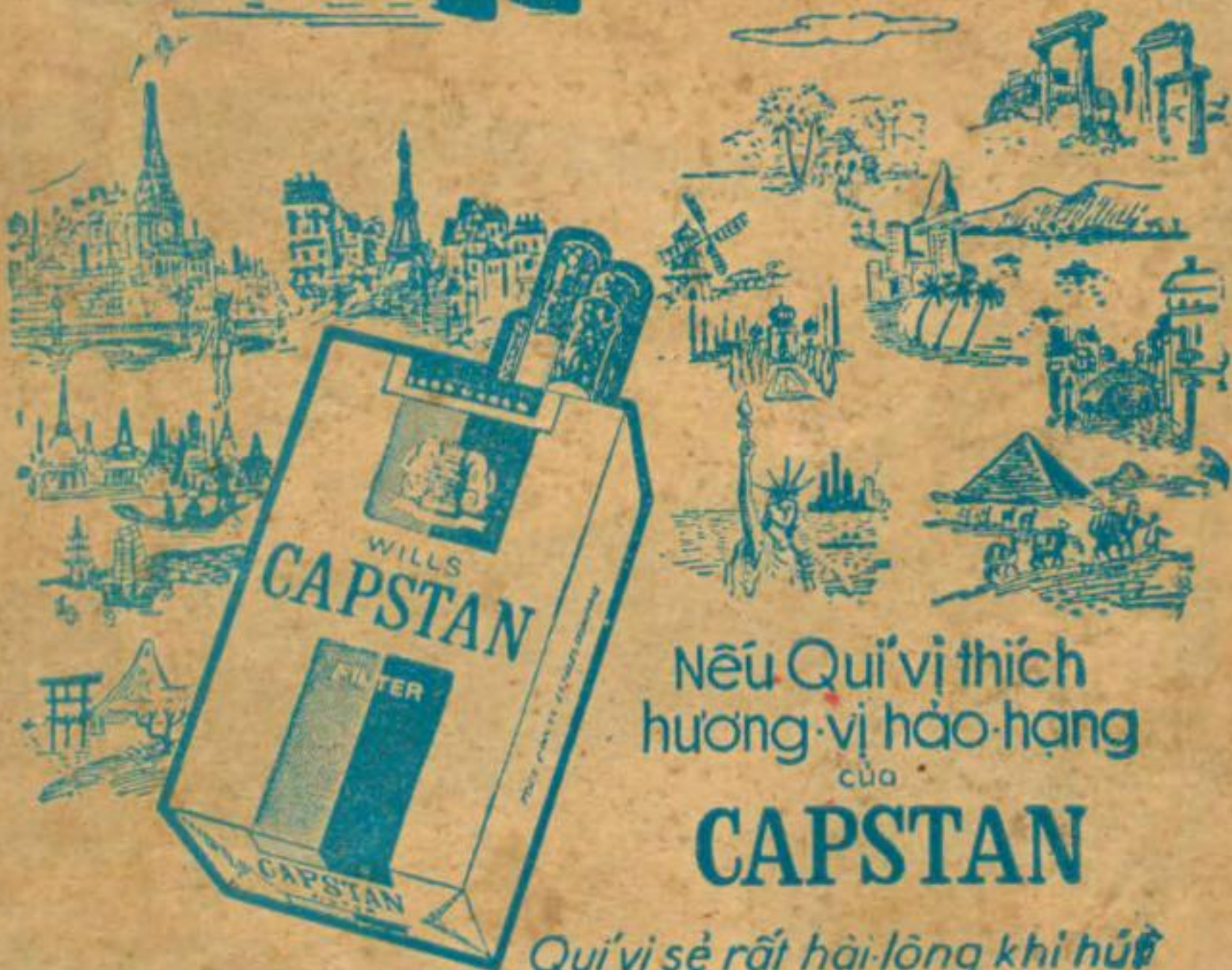
NUỐC-NGỌT "CON-CỌP"



Chai "HÒA TIỀN!"

CAPSTAN

điếu dài đầu lọc
Hiệu thuốc QUỐC TẾ



Nếu Quý vị thích
hương vị hảo hạng
của

CAPSTAN

Quý vị sẽ rất hài lòng khi hút

CAPSTAN

điếu dài đầu lọc